

15 - 3 - 68 VÀ 1 - 4 - 1968

BÁCH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười hai

DUY kinh tế sau cơn biến loạn * ĐOÀN NHẬT TẤN
một học chế thời chiến cho quốc-gia * NGUYỄN-
PHƯƠNG * vấn đề lịch-sử * NGUYỄN VĂN TRUNG
Sartre, con người của một tạp-chí * NGUYỄN TRỌNG
VĂN vài chuyên hướng của Điện ảnh Tây-phương hiện
nay * VÕ PHIẾN kẻ ác người thiện * NGUYỄN HIỂN
LÊ vài nét chính của văn học Trung quốc hiện tại
* TRẦN THÁI ĐÌNH quan niệm cơ cấu trong các
khoa-học-nhân văn * VÕ HỒNG gió cuốn * MINH
QUÂN chạy giữa mùa Xuân BÁCH KHOA THỜI ĐAI
đọc sách giúp bạn * TỪ TRÌ thế
giới trong những tuần qua *
TRÀNG THIÊN thời sự văn-nghệ

269.270



SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H
KHOA THỜI-ĐẠI
269-270 15-3 và 1-4-1968

DUY <i>kinh-tế sau cơn biến loạn</i>	3
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>một học-chế thời chiến cho quốc-gia</i>	7
NGUYỄN PHƯƠNG <i>vấn-đề lịch-sử</i>	13
NGUYỄN VĂN TRUNG <i>Sartre con người của một tạp-chí</i>	17
NGUYỄN TRỌNG VĂN <i>vài chuyên-hướng của điện - ảnh Tây - phương hiện nay.</i>	35
VÕ PHẾN <i>kẻ ác người thiện</i>	41
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>vài nét chính của Văn-học Trung-quốc hiện tại.</i>	45
TRẦN THÁI ĐỈNH <i>quan-niệm cơ-cấu trong các khoa-học nhân-văn.</i>	52
MỘNG TRUNG <i>những chuyến đi (nhạc Việt xứ người)</i>	56
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	61
MINH QUÂN <i>chạy giữa mùa xuân (hồi ký)</i>	65
BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn: Người về đầu non (Võ-Hồng); Phá núi (Lê-tất-Điêu); Nước non Bình-Định (Quách-Tấn)</i>	71
TỪ TRÌ <i>thế giới trong những tuần qua</i>	76
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	80

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa soạn :
160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 25\$ Công sở Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

CÁO LỖI

Như chúng tôi đã trình bày từ số trước, do biến cố Tết Mậu-Thân nên số Tân-Niên 267-268 ra quá trễ, tuy ghi là 1-3-68 mà tới 12-3-68 mới phát hành được. Bởi vậy số kế tiếp không thể ra kịp vào ngày 15-3-68 và bó buộc chúng tôi lại phải in số 15-3 và 1-4 làm một (số 269-270), vậy xin cáo lỗi cùng quý bạn đọc và mong quý bạn thông-cảm cho.

Số 271 tới đây và các số tiếp theo sẽ ra đều đặn đúng kỳ hạn vào các ngày 15 và 1 mỗi tháng như cũ.

Tòa-soạn BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

HỘP THƯ

— Ô. Hoàng-Thao (Saigon). Chúng tôi lỡ đề thất lạc mất địa-chỉ của ông nên không gửi thư riêng được. Vậy trân trọng xin ông cho Tòa-soạn biết địa-chỉ hiện tại để tiện liên-lạc.

— Ô. Nguyễn-Trần Lưu-Phương (Nhatrang). Đã nhận được thư và xin thành thật chia buồn cùng anh về Sóng 6-7. Sẽ hoàn lại anh cái anh nói trong thư nếu có dịp. Chúc các anh may mắn trong mọi công việc.

— Ô. Nguyễn-hữu Minh-Quân (Nhatrang). Ba điểm nêu lên trong bài thi: «Kiềm-duyet» rồi đây chắc sẽ được bãi bỏ, còn «bông giấy không trợ cấp» vẫn được cấp phát và sự hủy bỏ «bông giấy có trợ cấp» không ảnh-hưởng gì đến các báo định-kỳ cả.

— Ô. Phan-nhự-Thức (Huế). Xin cho biết tin của anh. Mong rằng vẫn được bình an.

— Ô. Trần-huyền-Ân (Tuy-Hòa). Đã nhận được thêm 2 bài thơ và rất cảm ơn anh.

— Cùng các bạn gửi thư hỏi thăm tin tức về các anh em đã cộng-tác với Bách-Khoa, sau biến cố đầu năm. Xin trân trọng cảm ơn quý bạn về những

lời thăm hỏi chân thành và xin trả lời chung là: Các bạn: Lê văn Siêu, Trần-Thái-Đỉnh Nguyễn Phương, Nguyễn hiền Lê, Nguyễn văn Trung, Vũ đình-Lưu, Phạm trọng Nhân, Nguyễn ngọc-Lan, Y-Uyên, Từ Tri, Ngọc Vân, Việt-Phương, Tràng-Thiên, Duy... đều bình yên mạnh khỏe. Riêng ô. Cung-Giữ-Nguyên tuy không bị nạn trong cuộc giao tranh đầu năm ở Nhatrang nhưng lại bị ám sát và chết hụt trước Tết vài tuần. Trần-quí-Sách tức Trần-hoài-Thư bị thương phải nằm quân-y từ mồng một Tết. Nhà thơ Đỗ-Tấn, Hồ-minh-Dũng ở Huế gia đình bình an nhưng nhà cửa tan tành. Nhà văn Phan-Du, ở Huế, cùng gia đình kẹt ở giữa nơi giao tranh, «suốt trong 25 ngày biến cố, sinh mệnh chỉ cách cái chết có một sợi tóc» nhưng sau an toàn cả, chỉ mất hết đồ đạc.

SÁCH BÁO MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả, nhà xuất bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây:

— Người đá tập truyện của Lê-tất-Điều do Đông Phương xuất bản và tác gửi tặng. Sách dày 122 trang gồm 6 truyện: Ngày khai trường; Ván cờ; Người đàn ông và năm đứa con, Đoạn đường còn lại, Một phần sáu mươi, Người đá. Giá 60đ.

Kinh-tế sau cơn biến-loạn

Cơn biến-loạn Mậu-Thân đến như cuồng-phong bão-táp, trái với tất cả quy-luật phát-triển của chiến-tranh du-kích và ngay cả đến các lý-thuyết-gia trứ-danh, quốc-tế cũng như quốc-nội, thấy đều kinh-ngạc.

Người thì kêu «biết trước rồi», kẻ thì bảo «mẹo dụ địch» chung quy, đau khổ nhất vẫn là khối nhân dân đông đảo. Trước hết là 700.000 đồng bào nạn nhân trực tiếp, cửa mất, nhà tan, gia đình phân tán. Rồi đến toàn thể nhân dân đô-thị trước viễn ảnh kinh-tế tối đen, mặc dầu áp-lực quân sự đã giảm bớt rất nhiều. Sau hết là đồng bào nông thôn, không tiêu thụ được khối sản lượng khổng lồ về nông phẩm, trái cây, rau cỏ, gà vịt, thóc gạo v.v...

Tình-hình còn trầm-trọng, vì việc bầu cử Tổng-thống bên Huê-Kỳ chưa ngã ngũ, địch vẫn còn có thể dùng những phương sách nguy hiểm táo bạo để áp đảo dư luận Quốc-tế và nhất là dư luận Mỹ. Ít ra cuộc chiến Việt-Nam đã thành cuộc chiến nổi tiếng nhất thế-giới, và từ 6 giờ chiều trong lúc trà dư tửu hậu nhân dân Thế-giới đều vắn một nút Ti-vi để thương vay khóc mượn cho cảnh tàn sát, thiêu hủy những mái nhà êm ấm của nhân dân vô tội Việt-nam.

Không kể những kẻ lo sợ ung độc Việt-nam sẽ đem đến Thế-chiến làm tan nát toàn thể nhân loại, ngay những người thực tâm thương chúng ta, vẫn chỉ

là thương qua ống kính. Những người thực sự đau đớn chịu đựng vẫn là nhân dân đông đảo Việt-nam, đêm đêm nằm nghe súng động âm âm như sấm sét, mà cảm thấy thế lương trống rỗng. Ngày mai sẽ ra sao? Làm thế nào để bảo vệ đời sống vật chất cho đàn con nhỏ? Có người dân Việt-Nam nào mà không phải tư lự, không vắt tay lên trán?






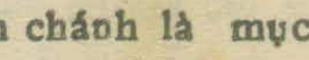

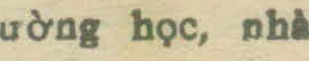

Chúng ta vẫn tin tưởng rằng, khi địch không nắm được ưu-thế tuyệt-đối về quân sự, thì địch chưa tiến tới giai đoạn thứ ba và cũng là giai đoạn chót của thế du-kích-chiến, nghĩa là dàn mặt trận, đánh trận địa-chiến và chiếm đất. Bởi vậy, đầu năm 1949, khi địch tung ra khẩu hiệu Tổng phản công, lập các đại đơn-vị rồi nhận định chưa thể đánh tan đoàn quân viễn chinh Pháp, địch vội vã thoái lui một bước và đổi khẩu hiệu thành «Tích cực chuẩn bị Tổng Phản Công», để khỏi bẽ mặt với dân chúng. Thực sự, địch lại trở về thế du kích vận động chiến. Cho đến năm 1954, địch vẫn chưa dám dàn trận địa chiến để đánh vào các đô-thị lớn như Hà-nội, Huế, Saigon.

Năm 1968, chắc chắn tình hình quân sự của Việt-Nam và Đông-minh phải mạnh hơn hồi 1954. Tại sao địch dám thí quân đánh vào tất cả các đô-thị, và sau khi bị đẩy lui, vẫn cố bám sát lấy chiến trường?


Vấn đề quân sự, xin đề cho các nhà quân sự mổ xẻ. Người dân chỉ đề cập

đến khía cạnh này vì sự tương quan chặt chẽ giữa kinh-tế và chính-trị, quân-sự.

Chúng ta nhận thấy hai hậu quả rõ rệt về kinh-tế :

1) Cơ cấu hạ tầng cơ sở kinh tế các đô thị bị thiệt hại nặng nề. Mấy chục ngàn nhà cửa bị tan nát. 700.000 người màn trời chiếu đất. Các công cụ sản xuất, về thủ công, về tiểu công nghệ, ít nhất cũng bị hư hại đến một phần ba. Các nhà máy lớn, phần nhiều ở vòng đai các thị trấn đều bị tổn hại,         . Các trục lộ giao thông, cầu cống đường sá cũng bị phá hoại không ít. Không những cơ sở hành chánh là mục tiêu đánh phá mà ngay cả đến những cơ sở xã hội, như trường học, nhà thương dịch cũng không tôn trọng.

2) Đời sống kinh-tế bị tắc nghẽn từ lúc ban hành lệnh giới nghiêm 24 giờ trên 24, vẫn chưa phục hồi lại được, ngay cả trong những vùng đô-thị đã hoàn toàn an ninh từ nhiều ngày. Không khí chiến tranh, lo âu, sợ sệt vẫn bao trùm lên trên tất cả mọi hoạt động. Các mạch máu thành phố chỉ vận chuyển chậm chạp. Các thị trấn, ngay cả Saigon đều thiếu dưỡng khí, thiếu sinh lực, và hầu như chỉ sống thoi thóp, nhờ những chất bổ dưỡng tích trữ từ trước, như cơ-thể thiếu ăn phải dùng dần dần đường dư, mỡ dư. Chúng ta chưa thấy kiệt quệ lắm, nhưng ngày nào xài hết các đồ tích trữ, chúng ta sẽ ra sao ?

 chúng ta cần tìm ngay một hướng đi về kinh tế trong hoàn cảnh mới.

Trước hết, nhân-dân đô-thị phải chấp-nhận tình-trạng chiến-tranh như một thực tại không thể tránh thoát.

Cho tới nay, địch chỉ tấn-công nông-thôn, những vùng hoang vu hẻo lánh, chúng dễ lẫn-trốn, và ta khó phòng-thủ. Nhân dân đô-thị sống an-ninh và quen với tâm-trạng ỷ lại, xa rời chiến-tranh. Chúng ta vẫn nghĩ, thời kỳ hậu-chiến đã bắt đầu đối với những đô-thị. Sự thay đổi chiến-thuật của địch làm đảo-ngược tất cả tình-thế. Địch vẫn bám sát lấy thành-thị, thời việc pháo-kích còn có thể diễn ra với một cường-độ mạnh-mẽ hơn. Đồng thời địch vẫn dư lực-lượng để thực mũi dùi vào trung-tâm những vùng trù-phú, nhân-dân đông-đảo.

Chúng ta chấp-nhận thực-tại chiến-tranh để khỏi hoang mang, chờ đợi, và để khép mình vào hoàn-cảnh mới, luôn luôn đề-cao cảnh-giác, tổ chức trường-tồn qua những cơn tai-biến.

Cũng như nhân-dân nông-thôn, muốn

vượt qua cơn khói-lửa, chúng ta phải có thái-độ, ghép mình vào kỷ-luật, đoàn-kết và hy-sinh.

Chấp nhận kỷ-luật tự-giác là điều-kiện tối-thiểu để gìn giữ sinh-mệnh, nhà cửa, tài-sản chúng ta, để bảo-vệ mảnh đất tự-do này khỏi lọt vào tay cộng-sản và nhất là để kiếm phương-tiện sinh sống, bảo-đảm đời sống sung-túc cho gia-đình chúng ta. Khi gió bão làm cho con thuyền chòng trành, nếu tất cả mọi người chạy lộn xộn, kéo cả về một bên, chắc chắn thuyền phải đắm. Kỷ-luật tự-giác chỉ là mỗi người ngồi ở vững trên chỗ mình cho thuyền được cân và khỏi bị sóng lật.

Thiếu gạo ăn, mỗi người chỉ nhịn một miếng sẽ không có ai chết đói cả. Đó là kỷ-luật tự-giác. Nếu người nào cũng đồ xô đi mua tích-trữ, gian thương sẽ giấu kín những kho gạo, giá cả cao vọt lên, số lượng gạo để không vô-ích sẽ rất lớn và chắc-chắn có rất nhiều người phải chết đói.

Dân đô-thị thường nổi tiếng là vô kỷ-luật. Nhưng trong cơn biến-loạn vừa qua, trước nguy cơ mất nước mất nhà và mất luôn sinh-mạng mình, người dân đã có dịp để tự ghép mình vào vòng kỷ-luật. Áp-lực quân-sự của địch còn tồn-tại thời vẫn còn thời-cơ để phát-triển tinh-thần kỷ-luật của dân đô-thị.


Đồng thời sự đe-dọa của lửa-đạn, hoàn-cảnh nguy-khốn chung, tang-tóc và nước mắt, cũng làm cho nhân-dân đô-thị vốn dĩ vẫn sống lẻ loi, cô-độc, dễ thông cảm, dễ thương và dễ đoàn-kết với nhau hơn. Tinh-thần đoàn-kết sẽ đưa đến phát-triển cộng-đồng, làm căn-bản vững chắc cho sự tái-thiết quốc-gia và xây dựng lại nền kinh-tế sau này.

Đã có tinh-thần kỷ-luật tự-giác, đã

đoàn-kết, tất-nhiên lòng vị-tha sẽ nảy-nở, khiến cho người dân sẵn-sàng hy-sinh cho đại-cuộc.

Với thái-độ trên đây, chúng ta sẽ ở trong hoàn-cảnh hết sức thuận-lợi để giải-quyết các khó-khăn kinh-tế do chiến-tranh đô-thị gây ra.

Vấn-đề đầu-tiên mà chúng ta phải đối-phó là xây-dựng lại nhà cửa. Sau những lời tuyên-bố của Tổng-thống Mỹ, xin cấp mấy trăm triệu Mỹ-kim để tái-thiết các thành-thị bị tàn-phá, người dân Việt-nam đã mừng rơn, tưởng-chừng phen này sẽ được bồi thường chiến-tranh đầy đủ. Nhiều người, trong bản kê-khai sự thiệt-hại, còn tăng gấp bội lần giá-trị tài-sản hy-vọng ngàn năm một thuở, còn có lời trong sự rủi ro.

Thành-thử, các nạn-nhân đều thất-vọng . Với 10 tấm tôn, 10 bao xi-măng, 5 ngàn cho các tỉnh, 10 ngàn cho Đô-thành, người dân làm sao xây-cất lại được nhà cửa? Chúng ta cũng hiểu Ngân-sách Quốc-gia không cho phép Chính-phủ giúp đỡ hơn được giá-biêu quy-định.

Muốn đáp-ứng nguyện-vọng của dân Việt-nam, có giải-pháp nào thực-tế không, hay là chuyện không tưởng.

Lòng từ thiện của Thế-giới dầu sao cũng có giới-hạn. Người dân Việt-nam không thể và cũng không muốn xin bố thí quá nhiều. Nhưng chúng ta có quyền vay, cũng như nhiều dân-tộc hùng-mạnh trên Thế-giới — Anh, Pháp, Đức v.v... đã từng đi vay để hàn gắn vết thương chiến-tranh — Kiến-trúc-sư sẽ nghiên-cứu vài kiểu nhà ánh-sáng, rẻ tiền, quang từ 100.000 tới 200.000 đồng. Họ-đồ phải ghi rõ làm hết bao nhiêu vật-

liệu như vôi, gạch, ciment, tôn, gỗ v.v...

Lề lối xây-cắt sẽ theo khuôn-khổ phát-triển cộng-đồng, làm đồng-thời, cho từng khu phố, với tất cả gia-đình các gia-chủ và sự trợ-giúp của các đoàn-thể thanh-niên, sinh-viên thiện-chí. Chính phủ sẽ tích-cực giúp đỡ cho các phương-giện vận-chuyển, kể cả các phương-tiện quân-sự. Đồng-thời quốc-gia lập ngay các trụ sở hành-chánh, phòng thông-tin đọc sách, trạm y-tế, lớp mẫu-giáo, cơ sở vệ-sinh, để giữ vững đoàn-ngữ nhân-dân và phát-triển khu phố về chính-trị, giáo-dục, xã-hội.

Chắc chắn tiền xây-cắt mỗi mái nhà sẽ rẻ được phân nửa.

Muốn có tiền, nhân-dân trong khu phố xin thành-lập ngay một hợp-tác-xã kiến-thiết. Các xã-viên chịu liên-đới trong việc vay tiền và trả tiền. Nếu có một gia-đình nào ở vào hoàn-cảnh không thể trả nợ được, các gia-đình khác sẽ tương-thân tương ái trợ-giúp cho qua lúc khó khăn. Hợp tác-xã khu phố sẽ hợp thành tỉnh-đoàn, và các tỉnh-đoàn hợp thành Hợp-tác-xã Trung-ương.

Hợp-tác-xã toàn-quốc sẽ đứng lên kêu gọi thế-giới cho vay tiền. Chúng ta vay bằng vật-liệu và một phần nhỏ là tiền mặt. Nếu phải kiến-thiết 50 000 căn nhà chúng ta cần vay từ 5 đến 10 tỷ bạc, nghĩa là từ 30 triệu đến 60 triệu Mỹ-kim. Vì phần lớn số nợ đã là vật-liệu nên số vốn trên đây cũng không phải là quá sức giúp đỡ của các quốc-gia bạn trong Thế-giới Tự-do.

Chúng ta xin trả trong thời-hạn là 10 năm và kể từ năm thứ hai, mỗi gia-đình sẽ đóng góp mỗi tháng khoảng 1000 đồng để trả nợ. Số tiền đó cũng chỉ như tiền thuê nhà và không quá khả năng đóng góp của các gia-đình lao-động. Sự đoàn-kết của 50.000 xã-viên sẽ bảo-đảm các món nợ được trang trải đang-hoàng, đúng-kỳ-hẹn cho các quốc-gia tương-trợ.

Giải-pháp hợp-tác-xã kiến-thiết, thi-

hành cho đứng đầu, sẽ giải-quyết được rất nhiều vấn-đề cho đô-thị Việt-nam. Về mặt xã-hội, mỗi gia-đình nạn-nhân sẽ tái-thiết được mái nhà khang-trang ấm-ấm, do tự tay mình tạo ra, trong khung-cảnh một khu phố có tổ-chức, có tiện-nghi xã-hội. Về mặt chính-trị, chúng ta sẽ tạo được tình đoàn-kết giữa nhân-dân khu phố, điều-kiện tối cần yếu để bảo-vệ dân-chủ, tự-do, cường-thịch, cho đô-thị. Về mặt quân-sự, mỗi khu phố sẽ trở thành pháo-đài kiên-cố chống trả sự xâm-nhập của địch.

Thực-hiện kế-hoạch tấn-công đô-thị, địch sẽ phải đánh trận địa-chiến, và chúng ta sẽ bước qua thể du-kích, lấy 10 chống 10, lấy vũ-khí thô-sơ, chống vũ khí tối tân. Khi đó dầu muốn tràn-ngập Saigon địch cũng không có hy-vọng gì gây lại được bến-ổ Mậu-Thân.

Nhân-dân đô-thị cần phải có tinh-thần của dân-ộc Anh-cát-Lợi, trước mưa bom, trước đe-dọa đổ-bộ của Đức Quốc-xã. Ai sẽ là Winston Churchill Việt-nam để gieo rắc tin-tưởng vào lòng người, tổ-chức nhân-dân võ-trang và thúc-dẩy guồng máy kinh-tế quay mạnh hơn nữa. Chiến-sự càng khốc-liệt bao nhiêu, nhịp sống kinh-tế của người dân càng cần phải tăng mạnh bấy nhiêu mới hy-vọng đối-phó được với thời-cuộc, hàn gấn các vết thương lở-lói. Nếu chúng ta quá sợ địch đến nỗi chỗ nào bị thương, dầu đã liền miệng, cũng vẫn cứ thắt chặt mạch máu không cho chảy tới nữa thì làm sao mà mọc được da non?

Nên tình-trạng thiết-quân-luật, thời-hạn giới-nghêm cũng cần phải được nghiên-cứu kỹ-lưỡng dưới khía-cạnh kinh-tế nữa. Làm sao tái-thiết mau-chóng nền kinh-tế đang bị ngừng-trệ, là vấn-đề thứ hai, mà cũng là vấn-đề cực-kỳ quan-trọng, nhân-dân đô-thị phải đối-phó cấp-thời.

(Xem tiếp trang 29)

DUY

Một học - chế thời chiến cho quốc - gia

ĐOÀN-NHẬT-TẤN

Đã hơn mười năm rồi, đất nước lâm cảnh chiến-tranh dai-dẳng, mọi sinh-hoạt quốc - gia dù muốn dù không cũng đã chịu ảnh-hưởng nặng nề của thời-cuộc. Có lẽ vì đây là một cuộc chiến không biết đã khởi tự lúc nào, chiến-tuyến ở đâu, nên trong kế-hoạch nhà nước ở mỗi ngành chỉ thấy có ứng-phó cục-bộ, lâm-thời và bị-động mà không nằm trong khuôn - khổ một quốc-sách chung nào. Riêng ngành giáo-dục cũng chưa thấy có chủ-trương nào ngoài cách thỉnh-thoảng hạn - định chương - trình hàng năm cho các lớp thi.

Ảnh - hưởng của chiến-tranh vào học-đường :

Ở các trường học nhất là ở bậc Tiểu và Trung - học, năm nào cũng có giáo-chức nhập-ngũ, có khi phải tạm đóng cửa một số lớp để chờ bổ-sung. Bị khốn đốn hơn hết là cấp Tiểu-học cũng là cấp liên - quan nhiều nhất đến quảng - đại nhân-dân : Rất nhiều trường phải ngưng dạy vì thiếu an-ninh, trẻ em di-cư về vùng an-ninh mà hoàn cảnh thiếu thốn trong chiến-tranh không cho phép mở kịp đủ trường đủ lớp. Trường nào còn hoạt-động được ở nơi có nhiều ít an-ninh thì hiện thời khó tránh được việc giảm bớt số giờ học của trẻ vì tình-trạng : hoặc năm học bị gián-đoạn mất một số tháng, hoặc một thầy phải dạy 2 lớp, hoặc một phòng phải dùng cho nhiều lớp hoặc một ngày chỉ dạy được buổi sáng vì là vùng "xôi đậu" giáo chức

không trú lại được tại địa-phương ban đêm.

Tình-trạng cũng thất thường : nhập hai lớp lại mà chờ thầy trong vài tháng rồi lại có thầy, thầy đang dạy thì phải nhập-ngũ, địch đốt phá một số lớp sau 5,3 tháng mới cất lại xong... Trẻ em học khi nhiều khi ít, khi nghỉ cả tháng, khi học buổi 4 giờ hoặc cả ngày chỉ một vài giờ.

Trước tình-thế ấy, thái độ của mỗi giáo-chức chúng ta lâu nay là bị động, tự ai nấy lo cho tạm qua, không có một kế-hoạch chung nào được tiên-liệu, nên khiến gây nhiều chênh-lệch trong trình-độ giảng dạy ở các trường, nhiều thiếu-sót bất-thường làm giảm sút nghiêm-trọng học-lực của học-sinh.

Thêm vào đó phải thú-nhận những lệch-lạc của một số giáo-chức thiếu trách-nhiệm, nhân cơ-hội, bỏ lơ-là việc dạy vì quen thì làm việc dưới sự hăm-dọa hay đốc-thúc của kẻ khác nên gặp lúc không có ai kiểm-tra đôn-đốc thì đi trễ về sớm, dạy chiếu-lệ, bắt chấp những thiệt-thòi gây ra cho đám trẻ thơ.

Nếu cứ để tình-trạng này kéo dài mà không phương cứu-chữa thì rồi đây nạn thất học sẽ trầm-trọng, có ảnh-hưởng tai-hại chuyển đến mọi ngành sinh-hoạt quốc-gia trong đám người lớn sau này. Ngay bây giờ, trẻ em mà không sẵn-sóc chiếu-cổ đúng mức ở trường thì thời-gian rảnh-rỗi đối với chúng cũng đã bắt đầu tác-hại không ít...

Mục-tiêu của kế-hoạch :

Cho nên mục-tiêu của một học-chế thời-chiến không phải là giảm nhẹ việc học-hành ở nhà trường, để hợp-thức-hóa cái tình-trạng thiếu-sót thất thường và tạm-bợ ấy, mà chủ-yếu là để vớt-vát lại nhằm giảm-thiểu hết sức những hậu-quả tai-hại có thể đưa đến cho học-sinh. Mặc dù trở ngại khó-khăn, trách-nhiệm của chúng ta là phải bảo-đảm đến mức tối-đa một học-lực bình-thường cho trẻ sau mỗi niên-học, bảo-đảm sự liên-tục của chương-trình học; và về số-lượng thì cũng làm sao đừng đóng cửa lớp và nếu cần, cũng mở thêm được đủ lớp để giữ cho được tăng-độ bình-thường của sĩ-số hàng năm.

Nói tóm lại là làm sao với những phương-tiện khó-khăn của thời-chiến ta phải đạt cho được, càng đầy-đủ càng hay, cái hiệu-năng giác-huấn của các trường-học ở thời-bình. Việc sắp bớt chương-trình hay hạ thấp trình-độ của trẻ là việc không nên làm vì trẻ sẽ không có một căn-bản vững-chắc tối thiểu để tiếp-tục học sau này, bởi thế, giải-pháp cho vấn-đề phải là chuyện phương-pháp giảng dạy chứ không phải là tiết-giảm nội-dung chương-trình để lưu hại về s. u.

Phương-châm.

Đề thích-nghi với tình-trạng số giờ học bị hạn-chế như hiện tại mà không làm giảm sút trình-độ học-sinh, chúng ta có thể áp-dụng :

Hai phương - châm về sự - phạm :

1. — *Chuyển một phần nội-dung giảng dạy ở lớp thành đề-bài làm ở nhà :*

Hiện nay thời-gian trẻ học ở lớp bị giảm bớt thì thời gian chúng rảnh-rỗi

ở nhà phải tăng lên; đó là điều đáng ngại : gia-đình chúng ta phần đông không sẵn-sàng nhận lãnh việc dạy dỗ con em khi họ đã cho nó đến học ở trường : ở những nhà khá-giả, trẻ không phải làm-lụng thì sinh ra chơi-bời, cặp bè cặp lũ để hư-hỏng, đọc sách nhảm-nhí. Ở những nhà nghèo hơn, nếu trẻ đi học thì cũng sắp xếp được việc nhà cho nó đi, nhưng nếu nó có mặt ở nhà thì không khỏi bị sai vặt luôn tay, có khi phải phụ giúp với cha mẹ trong nghề-nghiệp và quần-quật suốt ngày; ở một tuổi nhỏ mà như vậy, chẳng có lợi gì cho nó về thể-xác lẫn tâm-hồn, nó cũng có thể trốn đi lêu-lồng với bạn bè hơn là chịu sự kiểm chế của cha mẹ. Học ít mà chơi bời hoặc làm-lụng quá nhiều thì cũng lãng quên mất hết.

Đề ứng-pháp với tình-trạng này ta nên dành một số bài cho trẻ tự làm lấy ở nhà : thầy giáo chọn phần chính của mỗi chương để dạy trong bài học giảng ở lớp, phần còn lại thì ra thành bài tập, đặt câu hỏi hướng-dẫn, rõ ràng, tỉ-mỉ để trẻ tự làm ở nhà, tự tìm ra điều cần học.

Ví dụ ở Tiểu-học, môn Toán : thầy dạy ở lớp những qui-tắc chính rồi ra bài làm ở nhà để trẻ tự tìm ra và áp-dụng những qui-tắc phụ. Điều cốt yếu là bài ra phải dễ, có nhiều câu hỏi tiến dần từ dễ đến khó vừa sức trẻ nghĩ ra được, không bí, không chán. Môn Địa, Sử, Công dân thì phải cho trẻ mua sách, thầy dạy ở lớp những bài then-chốt trong mỗi chương, các bài khác thì cho trẻ về đọc sách trả lời cho được những câu hỏi trong sách hay của thầy ra. Những môn như viết tập, thể dục thì tập ở lớp một phần cho trẻ ý-thức được cách-thức rồi phần lớn thì tập ở nhà. Luận

Chính-tả thì dạy ở lớp như bình-thường. *Thường-thức* thì nhiều bài có tính-cách mô tả những sự vật thực-tại có ở địa-phương có thể cho trẻ về nhà quan-sát để trả lời những câu hỏi. Ở trường đã học cây lúa thì về nhà quan-sát cây đậu, cây khoai, ở trường đã học con gà thì về nhà quan-sát con vịt; có khi cho quan-sát hình ảnh trong sách, đọc sách để trả lời những câu hỏi của thầy đề ra về những điều cần học. Ở Trung-học, trẻ đã lớn, mà có bài làm thường-xuyên ở nhà để khỏi rảnh-rỗi quá nhiều là điều cần-thiết; mà cũng dễ thành công vì nó đã biết lo-liệu và có một vốn học-thức khiến nó nhờ vào đó mà tự-lực có hiệu quả trong việc suy-luận để tự tìm ra một định-lý nhỏ theo sự chỉ-dẫn của thầy, việc quan-sát thực-tế hay nghiên-cứu trong sách ngoài giờ học ở lớp. Tài-ba của thầy là ở lối ra câu hỏi cho rõ-ràng, giản-dị, câu trước mớm giải đáp cho câu sau, dẫn trẻ đến điều cần phải học.

Như vậy số giờ trẻ học ở nhà ít ra cũng bằng số giờ học ở trường hay hơn nữa. Vấn-đề là làm thế nào để tạo điều-kiện, đôn-đốc, kiểm-soát cho trẻ chịu học khi không có mặt thầy.

Tự-lực để bảo-đảm cho vấn-đề này là sách, bè bạn, và phụ-huynh. Trẻ phải có sách. Ngoài giờ học thì bạn-bè có thể giúp nhau rất nhiều khi thầy giáo cho trẻ quen sinh hoạt hàng-đội chặt-chẽ, đưa giỏi kèm đưa kém. Phụ-huynh ở nhà cũng được thông-cảm về « học chế thời chiến » của nhà trường để nhắc nhở, sắm đủ sách vở và dành thì giờ cho trẻ: chúng rủ nhau đến nhà để học hỏi chỉ vẽ cho nhau thì không rủ nhau đi chơi-bời cờ bạc nữa. Ở lớp, thầy nên chấp nhận cho trẻ kém có thể nhờ cha anh hay bè-bạn ở nhà chỉ cho nó làm bài, miễn là nó phải hiểu bài đó không

được cóp nhật mù-quáng. Việc dò bài chăm vở cũng phải có kế-hoạch chu-đáo, nếu không thì ít trẻ chịu học; bởi thế mà giờ học phải kéo dài thêm: Ở tiểu-học bình thường mỗi « giờ » chỉ 35 hay 50 phút thì nay đúng 1 giờ để thầy có thì giờ kiểm soát lại bài làm ở nhà và ra câu hỏi mới. Học-sinh đông thì thầy không kiểm-soát toàn lớp mà chiếu-cổ thường-xuyên đến những em kém, thiếu cố gắng để rồi nhận-xét cho cả lớp biết giải-đáp đúng của bài, tuần này thầy lưu-ý đến số em này, tuần sau số khác luân phiên cho đều. Những em quá kém nếu thầy không trực tiếp săn-sóc được thì phải đặc-biệt gửi-gắm cho bạn giỏi ở lớp trên hoặc cho cha anh của chúng. Kế-hoạch phải linh-động nhất là ở lớp nhỏ, thầy phải dè dặt hơn, lúc đầu ra bài ít, theo giỏi một thời-gian cho trẻ làm có kết-quả rồi mới tăng thêm nữa dần dần. Ở lớp lớn như ở Trung-học, nếu khéo sắp cho đội nào cũng có trò giỏi thì họ chỉ vẽ cho nhau, bài ít làm sai, đến lớp thầy chỉ cần giả g thêm cho tường-tận. Mỗi tháng phải có một bài làm tại lớp để kiểm-soát chung.

Về phương-diện sự phạm, thì phương-pháp như trên đã bảo-đảm được nội-dung chương-trình vì không có bài học nào bị bỏ sót; không thực-sự dạy ở lớp thì cũng cho trẻ linh-hội được qua bài tập làm ở nhà. Về khả-năng thông-minh; phán-đoán, suy-luận, tính-toán thì trẻ cũng không kém thua vì phần tự-sức tìm tòi có nhiều hơn trước. Đây cũng là cơ-hội tốt để rút trẻ ra khỏi lối học truyền-thụ ngày xưa.

2. — Lồng môn học này vào môn học khác :

Phương-châm này thích-hợp với các

lớp Tiểu-học nhiều hơn mà cũng không phải là không áp-dụng được ở Trung-học phần nào.

Phải nhận rằng ở nhà trường có một điều rất kỳ-lạ là người ta dạy trẻ em học từ-ngữ, viết tập, đọc sách làm văn trong những giờ riêng biệt tách rời với các môn học khác. Mỗi tuần thầy chỉ cho trẻ viết tập vài lần, mỗi lần năm ba hàng thì làm sao có được thói quen tốt, nếu ngày thường trẻ biên chép rất nhiều trong vở mà thầy không chú ý tới lối viết như thế nào? Lại ngày nào trẻ cũng đọc, viết, nói rất nhiều trong tất cả các môn học, nếu thầy lưu tâm cho trẻ phát âm đúng, viết chữ đẹp lời hay thì ý-tứ đã được linh-hội xác-đáng mà ngôn-ngữ cũng mau có nề-nếp, có tốt hơn là một tuần vài giờ chính-tả, làm văn hay ngữ-vựng không?

Vì vậy chúng ta có thể đem nội-dung môn này mà lồng vào bình-thức của môn kia để giảm số môn học hàng tuần xuống cho thích-nghi với số giờ hạn-chế được học trong thời chiến. *Sử*, *Địa*, *Công-dân* có thể học dưới bình-thức *tập-đọc*. Trong các bài này đoạn nào kết-hợp được hai tiêu-chuẩn văn-chương và kiến-thức cần nhớ thì cho học thuộc lòng một tuần vài lần. *Thường-thức* và *vệ-sinh* được xem như một giờ *quan-sát* kèm với *tập-vẽ* và *thủ công*. Cho trẻ vẽ lại vài chi-tiết đã *quan-sát*, làm dụng-cụ hay cắt dán những hình-đồ có liên-quan đến bài học; đề-tài nên giản-lược cho hợp với trình-độ khéo tay của trẻ mỗi lớp. Chính-tả không có nghĩa là "kẻ đọc người viết" mà cốt sao cho trẻ viết đúng chữ, cho nên khi nào có chép bài, ết chữ là thầy coi trọng như trong một giờ *chính-tả* và *viết-tập*. Hàng ngày một vài bài học được thêm năm ba phút so với giờ cũ để trẻ chép bài cho cẩn-thận -

nhưng không còn có giờ tập đọc, tập viết, chính-tả, văn-phạm, từ-ngữ riêng nữa. Số giờ *Luận* vẫn giữ y như xưa nhưng nội-dung làm văn phải dựa vào một trong các môn học kiến-thức như thường-thức, địa-lý (mô-tả), sử-ký (kể-chuyện), hay công-dân (biện-luận). Nhờ đó mà số giờ các môn này có thể giảm đi: *Luận* lớp Ba đã cho *quan-sát* và tả một con ngựa thì thường-thức không học về con ngựa nữa. Chỉ có môn *Toán* là không kết-hợp được với môn khác ngoại trừ có thể đề cập đến vài số-lượng lấy trong thực-tế khoa-học.

Tính ra thời khóa-biểu có thể bớt được độ 9 giờ học ở lớp nhì, nếu chỉ áp-dụng phương-châm này. Về *phương-diện su-phạm* thì cách này đòi hỏi một biến-cải cách-mạng so với lối dạy cũ bởi vì ngôn-ngữ, văn-chương không thể coi là một bộ-môn riêng biệt trong sinh-hoạt con người. Người ta nói và viết là để nói và viết một cái gì chứ không có chuyện nói và viết suông được. Nhất là đối với trẻ còn đi học ở trường thì ngôn-ngữ đang là phương-tiện cần-thiết cho nó đi vào cuộc đời thực-tại hữu-hình chung quanh chứ chưa phải là đề thỏa-mãn một nhu-cầu tâm-trí cao xa nào thì người ta lại càng không thể tách rời ngôn-ngữ với nội-dung thực-ế được. Mà nội-dung ấy là gì nếu không phải là những cảm-xúc suy-tư của nó đối với biển rộng núi cao, di-tích, anh hùng liệt-sĩ... với thân thuộc đồng-bào, với các giống chim muông, đất, đá mà chúng ta đang cho nó gần-gũi nhận xét trong những môn sử, địa, công-dân, thường-thức học hàng ngày? Con người chỉ là một, cơ-cấu với chất-liệu không thể tách làm hai; việc tách rời Việt-ngữ với phần lớn sinh-hoạt của trẻ ở học-đường xưa nay là một sai-lầm tận căn.

bản. Một tệ-hại không-tránh-khỏi do đó mà ra là thầy giáo chúng ta chỉ lo cho trẻ văn hay chữ tốt trong các giờ việt-văn còn trong các môn học khác thì lại dễ-dãi với lối ăn lối nói của chúng khiến cho các giờ ấy chỉ còn cái vai trò lờ-quần là sửa chữa lại những thói tật xấu mà trẻ đã nhiễm phải trong các môn học khác mà thôi. Bởi vì trẻ tập-đọc mà ê-a, tập viết mà bưng-bình thì thầy quở phạt, nhưng suốt ngày trẻ trả bài, chép bài thì thầy chỉ « khán » qua loa.

Hai phương-châm trên đây được trình bày riêng-rẽ cho rõ-ràng ; trong thực-hành, thầy giáo sẽ tùy nghi mà kết-hợp cả hai cho thích-ứng với số giờ hiện dạy của mỗi lớp và sự quan-trọng của môn học xứng với mỗi lứa học-sinh.

Một phương-châm về nhân-sự :

3. — *Giáo-chức tự tạo một « tinh-thần thời chiến » cho mình :*

Hai phương-châm trên kia chỉ là phương-pháp, việc sử dụng đúng phương pháp còn tùy ở giáo-chức chúng ta. Trách-nhiệm của chúng ta giờ đây là bảo-vệ cho được con em ta chống lại mọi tai-họa do thời-cuộc đem đến. Đối với chúng ta đường lối chống chiến-tranh hữu-hiệu nhất — vì ở trong tầm năng-lực của chúng ta — là làm thế nào chiến-tranh đưng tác-hại đến hiệu-lực nghề nghiệp mình là sự học-tập của đám si-tử. Đó là tinh-thần mà một học chế thời-chiến đòi hỏi nơi chúng ta.

Kế-hoạch trên đây không đề ra một số giờ dạy thêm nào cho giáo-chức, như ở Tiểu-học, thời-bình chúng ta dạy 5 giờ mỗi ngày thì bây giờ tuy thiếu thầy thiếu lớp ta cũng chỉ dạy số giờ ấy cho hai lớp : sáng 3 giờ cho lớp này, chiều

2 giờ cho lớp kia (ngày sau thì ngược lại) vì số giờ mỗi lớp đã phải bớt đi. Nếu việc soạn bài có mới-mẻ thì chúng ta soạn một bài mà dạy được hai lớp. Chúng ta có thể chấm bài nhiều hơn trước và cần thường liên-lạc nhiều hơn với học sinh ngoài giờ dạy, đó là những cố-gắng tối-thiểu mà quốc-gia cần đòi hỏi ở chúng ta trong thời buổi kham khổ này.

Nói đến cái động lực thúc-đẩy con người làm việc thì phải nhận rằng việc kiểm-tra đôn-đốc, san-sẻ kinh-nghiệm bao giờ cũng cần-thiết cho mọi ngành hoạt-động trong xã-hội. Nhưng trong tình-trạng thiếu người, thiếu phương tiện di-chuyển như hiện tại ta không thể đòi hỏi mỗi giáo-chức hàng năm phải có thanh tra khám lớp đôi ba lần như trước, mà cũng không nên làm như thế để đặt người giáo-chức chúng ta trong thói quen bi-đát là phải đợi có kẻ khác đốc-thức thì mới chịu làm bởi vì đối-tượng phục vụ của chúng ta là dân-chúng, là ở trẻ em, chứ không phải ở những người trên có quyền thưởng-phạt. Chúng ta nên tìm thưởng-phạt ấy ở sự tiến hay thoái-bộ của học-sinh, ở dư-luận phụ-huynh (mà dù sao ta cũng không ngăn-cấm được) và ở ý-kiến thân-mật và thẳng-thắn của bạn đồng nghề.

Cho nên giải-pháp thích-đáng nhất trong lúc này là đặt một *sinh hoạt nội-bộ* chặt-chẽ trong nhà trường để hàng tuần đồng-nghiệp có thể hội-hợp chia sẻ kinh-nghiệm cho nhau, giúp-đỡ ý-kiến xây-dựng nhau, và lập một liên-hệ thường-xuyên giữa nhà trường với học-sinh và phụ-huynh ngoài giờ giảng dạy để thu-thập ý-kiến của họ. Đó là bí-quyet để thăng-tiến con người chức-nghiệp của các thầy giáo hiện nay.

Bởi vì sư-phạm không phải là lý-thuyết, thể-lệ, mà là một tinh-thần là khả năng linh-động của thầy giáo biết cách đạt được lợi-ích tối-đa cho học-sinh, biết biến-cải lề-lối làm việc của mình cho hợp với tình thế học-sinh, một tinh-thể mà ngoài thầy ra không ai có thể nắm sát được. Vận mệnh đất nước bắt đầu được quyết định từ tinh thần phục-vụ của giáo-chức ở học-đường, bởi vì

tuổi trẻ là tuổi tâm-trí non mềm dễ chịu ảnh-hưởng sâu đậm của giáo-dục nhất, mà người công dân nào lại không trải qua một thời niên-thiếu dưới mái nhà trường?

Do đó mà nên găm đến công và tội của người giáo-chức trong mọi biến-cố quốc-gia.

5-2-58

ĐOÀN NHẬT TẤN

THƯ-LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn
 Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn,
 nhãn cỡ áo (étiquette)

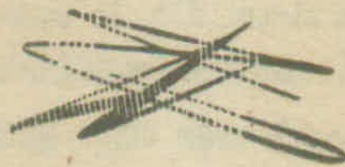
Rượu bô
 QUINQUINA

Quina '9'
 CỎ ACIDE GLUTAMIQUE



*khai vị,
 ăn thêm ngon.*

BỔ ÓC
 bồi dưỡng
 cơ thể



KN 2071.BYT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Vấn-đề lịch-sử

Thượng bán thế kỷ 20 của chúng ta là một thời kỳ mà vấn đề lịch sử đã được đặt lại một cách bi đát hơn bao giờ về trước. Bấy giờ người ta đang bước vào một giai đoạn mới, và người ta choáng váng trước những ánh sáng mới, với viễn tượng của những chân trời mới. Đối với vấn đề lịch sử, các tư tưởng gia, gồm cả những khối óc thâm thúy nhất, quảng bác nhất, hình như đã có cảm giác của tình trạng đang chơi vơi trên cửa vực. Tính cách vi đại, huy hoàng của lịch sử, đã làm cho nhiều nhà trí thức hụt trí, đến nỗi thốt ra những lời ngờ ngác, buông xuôi, như «lịch sử là vô nghĩa». Đang lúc đó đối với ngàn vạn kẻ khác những kẻ không quen suy nghĩ, những kẻ không quen đặt vấn đề, lịch sử lại là một cái gì quá dễ dàng, quá tầm thường. Nó dễ dàng cho đến độ hình như hễ ai biết viết đều có thể viết được sử; nó tầm thường cho đến độ hình như hễ ai biết đọc đều có thể dạy được sử. Theo họ, lịch sử là một vật dụng hằng ngày, và là một vật dụng rất hữu ích, cho đến những người cả đời có lẽ không bao giờ học thuộc một bài sử ở nhà trường, cũng to tiếng ca tụng giá trị của «bài học lịch sử.»

Bởi đâu mà có tình trạng trái ngược này? Đó có thể chỉ vì lịch sử là một cái gì rất cụ thể, rất thiết thực, mà cũng là một cái gì rất bao la, rất uyên áo. Vì nó cụ thể và thiết thực, nên ai cũng thấy

được, ai cũng dùng được. Nhưng vì nó bao la và uyên áo nên những kẻ cố nhia vào, càng nhìn càng thấy xa xăm, vời vợi. Và như thế, có lẽ không lạ gì, vì lịch-sử là đời sống con người, đời sống loài người. Hỏi có gì cụ thể và thiết thực cho bằng đời sống, và hỏi có gì bao la uyên áo cho bằng đời sống? Nếu nhia vào đời sống, người ta có thể có nhiều thái độ, nhiều lập trường, và thái độ, lập trường này, không phải chỉ không giống nhau mà đôi khi còn trái nghịch nhau, thì có gì là ngạc nhiên khi chúng ta thấy có nhiều kẻ không đồng ý nhau về vấn đề lịch sử.

Nói người ta không đồng ý nhau, không phải là chỉ thu hẹp vào những mẫu chuyện vụn vặt, địa phương, như nguyên nhân của thế chiến thứ nhất hay nguồn gốc dân tộc Việt-nam, mà trong những vấn đề chung như định nghĩa của lịch sử, hoặc lịch sử là khoa học hay nghệ thuật. Vì nhia vào vấn đề từ những khía cạnh không giống nhau, triết gia đã chạm trán với học giả, và rồi dùng lời nặng tiếng nhẹ phê bình nhau, sửa lưng nhau. Ví dụ trong quyển *Idea of History* (Ý nghĩa lịch sử) R. G. Collingwood nói: «Theo ý tôi, mọi sử gia đều biểu đồng tình rằng lịch sử là một môn thuộc loại nghiên cứu» (1), thì trong quyển *Meaning of History*. (Ý nghĩa lịch sử), Erich Kahler lại nói: «Tôi cãi lại, vì lịch sử không

(1) Oxford, 1946, trang 9.

lẽ nào giống như việc chép sử hay việc nghiên cứu sử », rồi ông thêm : « Cái tôi gọi là lịch sử chính là sức hoạt động thâm thiết trên nhau giữa thực tế và quan niệm ». (2) Nhưng cãi nhau rồi cũng thế, vì cả hai đều đúng và đều không đúng: một bên nhìn vào phần cụ thể của vấn đề, một bên nhìn vào phần uyên thâm của nó, như thế hai bên bổ túc cho nhau, chứ đâu có chống chọi nhau. Nếu Collingwood khẳng định cho rằng lịch sử chỉ có thể, thì ông còn thiếu, và nếu Kahler cũng khẳng định cho rằng lịch sử chỉ có thể, thì ông cũng còn thiếu. Không có nghiên cứu lịch sử thì làm gì biết được thực tế của lịch sử để rồi thấy cách trí khôn vận dụng trên thực tế đó ? Cuộc cãi lộn về vấn đề lịch sử là khoa học hay nghệ thuật cũng đã bắt nguồn bởi những cái nhìn một chiều. Cái chiều nhìn của con người tùy thuộc phần nào ở tư trào chung. Khi khoa học chưa trở thành một mảnh lực lôi cuốn, thì người ta coi lịch sử là một môn thuộc bộ loại văn chương, nghĩa là nghệ thuật. Như thế trải qua ba mươi bốn thế kỷ chứ không phải ít. Thế rồi những phát minh của khoa học đứng dậy điều khiển đời sống con người, điều khiển tư tưởng con người. Khi đó, tức vào thế kỷ 19, sử gia cũng gia nhập phong trào khoa học, đua nhau nói lịch sử là khoa học. J.B. Bury, vào quãng đầu thế kỷ, mạnh dạn nói với công chúng Anh : « Lịch sử là một khoa học, không hơn, không kém ». Tuy nhiên không phải không có những kẻ như Edward Meyer chủ trương : « Lịch sử không phải là một ngành kiến thức có hệ thống » (3). Ở đây nữa, hình như cả hai phía đều đúng cả, vì cả hai phía đều chằm thành mô tả một sự việc, tức là lịch sử. Lịch sử là một sự thực không phải chỉ thuộc loại

trừu tượng, mà còn thuộc loại cụ thể. Chân lý lịch sử là một chân lý cụ thể, và chính vì đó mà nó là một nghệ thuật và một khoa học. Muốn tìm nó, người ta phải có những phương pháp khoa học, muốn diễn nó, người ta phải có sự thành thạo của nghệ thuật. Vì nó là cả hai nên nó không có thể hoàn toàn là bên này hay bên kia. Hỏi việc xảy ra, không phải xảy ra trong cụ thể là gì ? Lại bởi việc xảy ra đó là chính đời sống của con người, và bởi đời sống con người đầy lý kỳ, đầy thô kệch cũng như đầy thơ mộng, nên muốn mô tả cho đúng sự thật của đời sống, sử gia cần phải sử dụng một nghệ thuật điều luyện biết bao mới mong thành việc.

Cuộc cãi cọ về định nghĩa và bộ loại của lịch sử không đến nỗi gây căng thẳng. Khủng hoảng xảy ra là do kết quả của cuộc cãi cọ này. Chính vì người ta muốn làm chứng rằng lịch sử không phải chỉ là một mĩ văn chương, mà người ta đã bỏ công nghiên cứu lịch sử theo phương pháp khoa học. Rồi chính vì người ta muốn làm chứng rằng lịch sử không phải là khoa học mà người ta đã cố nêu cao vai trò của tư tưởng trong việc hình thành lịch sử. Sau hết, chính trong khi cố làm chứng như vậy, người ta đã khám phá ra cả một chân trời mới. Để thấy rõ đầu đuôi, chúng ta thử lần theo sự diễn biến của vấn đề.

Cho đến thế kỷ 17, 18, thế giới hình như im lìm trong sự bèn bĩ của chân lý, trong sự trường tồn của những nguyên tắc tuyệt đối, về triết lý cũng như về luân lý. Sự tin tưởng này sở dĩ có là vì người ta không nhìn kỹ vào quá khứ cũng không xét nhiều đến tương lai. Cái nhìn chung là một cái

(2) Brazilier, 1964, trang 16 và 181.

(3) Trích trong *The Use of History* của A.L. Rowse, Collier Books, 1964, trang 67.

nhìn cận thị. Người ta chỉ chú mục vào hiện tại và nghĩ rằng ngàn xưa cũng chỉ như hiện tại này, và hiện tại này sẽ tồn tại mãi về sau. Đó là một cái nhìn chủ quan, nhưng cái nhìn chủ quan đó đã làm chủ tư trào. Cái nhìn đó không xác thực, nhưng người ta chưa thấy được chính sự xác thực để đem ra so sánh. Trong lúc đó, phong trào khoa học phát sinh. Người ta tìm được định lý này đến định lý khác của khoa học. Sự thành công của các định lý trong việc áp dụng vào đời sống đã lôi cuốn tất cả theo. Và người ta muốn tìm định lý cho tư tưởng. Tư tưởng bấy giờ cũng đang bị một mãnh lực khác thu hút nữa, ngoài mãnh lực khoa học, đó là sự biến hóa. Nền đỡ bởi nền tảng biến hóa và khoa học, Hegel đã rèn ra một định luật cho tư tưởng duy tâm, tức biện chứng pháp. Định luật đó thật là sắt đá, nhưng lại có vẻ tế nhị. Bởi tư tưởng chưa phải là đời sống, nên Karl Marx đem định luật đó áp dụng vào đời sống, tức là vào lịch sử: Marx đã tạo ra duy vật biện chứng sử quan. Duy vật biện chứng sử quan đã hoàn thành một phận sự lịch sử, là kéo con người về phía vật chất để đem quân binh lại giữa vật chất và tinh thần nơi con người. Nhưng trong khi cố đem quân binh lại trong một tình trạng bị duy tâm thống trị, cái nhìn mác-xít đã lệch sang thái quá về phía duy vật. Chính cái chỗ thái quá này mà người ta đang gắng gọt bớt đi.

Chỗ lằm của sử quan mác-xít là thiết lập một chủ thuyết lịch sử mà chủ thuyết đó không phát tích từ sự kiện của lịch sử. Nguyên tắc biện chứng đã được mượn từ chỗ khác vá vào, và đường vá đã làm cho sự thật bị rách. Các sử gia phải tìm một đường khác cho lịch sử. Họ dùng phương pháp khoa học để tìm

sự kiện lịch sử, phương pháp này bảo đảm tính cách khách quan và xác thực. Áp dụng phương pháp khoa học, người ta không bị hiện tại làm mù quáng nữa. Sử gia đã thấy được xa trong quá khứ, và thấy được quá khứ trong chính khung cảnh của quá khứ. Và một chân lý mới hiện hiện trước mắt họ. Khi nhìn vào quá khứ trong thực tại của quá khứ, sử gia đã ghi nhận được rằng quá khứ không giống hiện tại, đó là một bước. Bước sau đó, đó là họ thấy không phải chỉ có một quá khứ mà có nhiều quá khứ, nghĩa là trong quá khứ có nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn như thể lại có thể có cả một hệ thống riêng, không phải chỉ về chính trị, về văn hóa xã hội, mà cả về tư tưởng, luân thường. Nói cách khác, người thời trước, thời nào đã sống theo nguyên tắc của thời đó, đó là chỗ lạ lùng, vì nó nêu lên rằng nguyên tắc cũng có thể thay đổi. Hướng lại, nguyên tắc là nền tảng của tư tưởng và cương thường và người ta nghĩ rằng nền tảng đó phải bền như đá, vững như đồng, vì phải bền vững tư tưởng mới có một giá trị, và cương thường mới là cương thường, nghĩa là lịch sử mới có ý nghĩa. Nay thế là nền tảng đã lung lay, mà nếu nền tảng lung lay, đó phải chăng là triệu chứng cho biết tất cả sẽ đổ nát? Nhưng, dầu muốn dầu không, sự nguyên tắc có thể lung lay, đó đã là một sự kiện. Chối nó, nó cũng đã có. Không chấp nhận nó, nó cũng đã là một sự thật. Mà chấp nhận nó, thì ngao ngán biết bao. Tình trạng ngao ngán này đã lan ra thành một phong trào; nó đã lớn lên thành một khủng hoảng: khủng hoảng của phong trào duy sử (historicism).

Giữa cơn sôi nổi của phong trào, người ta đã thốt ra nhiều lời ấp ú. Benedetto Croce có lời này: « Cho rằng

lịch-sử là một lối phán đoán dựa trên lịch-sử, nói thế chưa đủ, còn phải thêm rằng mọi phán đoán đều là phán đoán lịch sử, hay nói cho đơn sơ, mọi phán đoán đều là lịch sử» (4). Hơn một tí, Ortega y Gasset nói : « Con người không có bản tính, chỉ có lịch sử » (5). Nhưng lịch sử là gì ? Nó không là gì hết, vì theo Karl Popper : « Lịch sử là vô nghĩa », hay nếu có ý nghĩa nào chăng, thì « ý nghĩa đó nhờ quyết định của chúng ta mà có ». Và để tóm lại, Leo Strauss tuyên bố : « Lịch sử là câu chuyện thuật bởi một thằng ngốc » (7). Muốn cho rõ ý của những lời trên đây hơn, có lẽ phải nói lịch sử là một câu chuyện ngốc do một thằng ngốc thuật, vì câu chuyện đó chính nó đã vô nghĩa lý. Như vậy, người đời chỉ là một lũ ngốc, vì người đời chỉ có lịch sử chứ không có bản tính nào khác. Đó thật là những lời hoảng hốt của những kẻ tự nghĩ rằng mình đang chứng kiến một cuộc đổ vỡ hoàn toàn và vô vọng.

Nhưng thực tế có đến bi quan tuyệt mực như vậy không ? Có lẽ vì thực tế của đời sống đã làm chứng rằng không phải như vậy, nên cơn khủng hoảng đang dần dần lắng đi và những lời liêu linh trên đã bị hoài nghi, coi thường. Lịch sử đã đem loài người đến một khám phá to tát thật, nhưng khám phá này là để xây dựng, chứ không phải để tiêu thổ. Kết quả tích cực của nó là để đem

quân binh đến giữa cố định và di dịch, giữa tuyệt đối và tương đối. Con người không tương đối mà cũng không tuyệt đối, nó không phải chỉ có di dịch mà cũng không phải chỉ có cố định. Con người là tất cả đó, cũng như nó là tinh thần và vật chất cùng một lúc. Khi người ta khám phá rằng quả đất xoay, người ta cũng đã hoảng hốt. Người ta đã nghĩ rằng nếu quả đất xoay, tất cả những gì trên quả đất sẽ bị khuynh đảo hết. Nhưng quả đất xoay mà không gì trên quả đất vì đó mà bị khuynh đảo. Lý do giản dị là trước đó quả đất cũng đã xoay mà cũng không có gì đã bị khuynh đảo. Nay người ta khám phá ra rằng nguyên tắc có thể lung lay, và người ta vội nghĩ rằng tất cả lâu đài tư tưởng sẽ bị tan tành. Nhưng trong thực tế, nguyên tắc đã lung lay trước khi các sử gia biết đến sự kiện đó, vậy mà về trước lâu đài tư tưởng vẫn vững, con người vẫn khôn ngoan. Và trước đã vậy, chắc sau cũng vậy, có khác chăng là khác ở chỗ lâu đài tư tưởng sẽ tốt đẹp hơn, và con người sẽ khôn ngoan hơn, vì quân binh hơn.

NGUYỄN-PHƯƠNG

(4) Rowse, sách đã dẫn, trang 99.

(5) Obras Completas, Madrid, tập VI, tr. 41.

(6) The Open Society and its Enemies' London, tập II, trang 265.

(7) Natural Right and History, Chicago tr. 18.

Tân-niên tìm đọc :

NGƯỜI VỀ ĐẦU NON

Truyện dài của VÕ-HỒNG

Tập san VĂN xuất bản — Loại sách phổ thông.

SARTRE trong đời tôi

II) SARTRE, CON NGƯỜI CỦA MỘT TẠP-CHÍ

Tôi thường được một vài người bạn khuyên nên chuyên hẳn về một ngành, và hơn nữa, về một vấn-đề để có thể đào sâu, xây dựng một sự-nghiệp trên công-trình biên-khảo thật qui-mô, khoa-học, và đừng viết đủ mọi vấn-đề, nhất là viết đụng chạm đến mọi thứ người chỉ làm cho người ta thêm ghét. Một vài dư-luận khác, ít thiện-cảm, cũng nhận xét như vậy nhưng với ý-định chế bai, khinh bỉ. Không phải là người chuyên-môn!

Trước đây, tôi cũng từng mơ ước trở thành một học-giả, một triết-gia một nhà nọ nhà kia (biên-khảo, nghiên-cứu v.v...) bằng cách viết một cuốn sách độ bảy tám trăm trang về triết-học, văn-học thật xúc-ích, công phu theo đúng những đòi hỏi của một công-trình nghiên-cứu khoa-học; tôi sẽ được tiếng và nhất là được kính nể vì vấn-đề nghiên-cứu thật cao xa, thâm trầm, chuyên môn, không đụng đến thời-cuộc, cũng không đụng đến ai về niềm tin, quyền lợi của người ta. Đời sống sẽ thanh bình biết bao trong vui thú tìm kiếm và trong sự tôn-trọng của mọi người.

Nhưng khi tiếp xúc với tư-tưởng của Mounier và Sartre, tôi giác ngộ và thấy lối sống của hai người thật vừa hay vừa

phù hợp với ao ước thực sự của mình. Mounier cũng như Sartre đều là những người có huấn-luyện triết-học (đỗ thạc-sĩ triết-học) nhưng đều rời bỏ những nơi trú-àn yên-đàn thanh-bình: Đại-học, sách vở, để ra đường bám sát vào thời-cuộc và suy-tư không phải từ truyền thống triết-ly trong sách vở, nhưng từ thực-tế trước mắt là biến-cổ, lịch-sử thời-đại của mình, cũng không phải chỉ suy-tư một mình, mà suy tư cùng với những người khác trong một công-trình tranh đấu nhằm tìm hiểu hoàn-cảnh thời-đại của mình để biến đổi nó theo con đường, lý-tưởng mình cho là hợp-ly.

Do đó, vấn-đề không còn phải là làm một tác-phẩm như một công-trình cá-nhân để truyền lại cho hậu-thế, nhưng là cùng làm một tác-phẩm để tác dụng ngay vào hiện tại. Tác-phẩm ở đây cũng không phải là bộ sách nhưng là một tạp-chí tranh đấu. Không phải nghiên-cứu theo kiểu nhà trường, giáo-khoa, những vấn-đề đời đời, vượt không gian thời gian. Nhưng cũng không phải tạp-chí tranh đấu cho một lập-trường chính-trị nhất định của một đảng phái, tổ chức chính-trị, nhưng là tranh đấu trên lãnh-vực tư-tưởng, dẫn

thân trong chính chữ viết, lời nói ; coi tạp-chí như một nơi gặp gỡ chung để cùng suy-tưởng, sửa soạn hành-động (tạp-chí *Esprit* của Mounier, tạp-chí *Les Temps modernes* của Sartre).

Nhà triết học không còn phải là một hiền-nhân đạo mạo giảng dạy những lời lẽ cao xa, nhưng là ông chủ-nhiệm lẫn lộn với cuộc sống xã-hội, theo dõi thời-cuộc, đề đặt những vấn-đề thời-đại bằng ngôn ngữ của thời-đại.

Không một khía cạnh nào của thực-tại bị bỏ quên. Chính-trị, kinh-tế, giáo-dục, tôn-giáo, văn-nghệ, tất cả đều có vấn-đề và đòi hỏi những phân tách, những giải-pháp. Nhà triết-học «dấn thân» làm công việc suy-tưởng từ hiện-tại, của hoàn-cảnh thời-đại, từ thời-sự không thể không đụng chạm với những thế-lực, những quyền-bính, những thiên-kiến, những quyền lợi và do đó dĩ nhiên có thể bị đả-kích, xuyên-tạc, ngộ-nhận, oán ghét.

Sartre đã lựa chọn lối sống đó sau khi những biến-cổ trầm trọng của thời-cuộc đã thúc đẩy ông từ bỏ chức-vụ giáo sư, để trở thành một nhà báo, một nhà văn ; một nhà báo, nhà văn suy tưởng một cách triết-lý những vấn đề thời-cuộc trước mặt.

Do đó, tư-tưởng Sartre, từ giai-đoạn hai, thiết-yếu là chính trị, vì hầu hết những suy nghĩ của ông đều có đối-tượng là thực tại chính-trị và nhất là vì dự-phóng nền-tảng của ông là một dự-phóng nhằm lãnh-hội thực tại đó để bày tỏ chân-lý và biến đổi nó, tuy nhiên không phải với tư cách một nhà chính-trị, nhưng như một nhà văn, nhà trí thức, không lệ-thuộc ai, không phải trình bầy ai, vì không bị ràng buộc bởi những đòi hỏi của hành-động chính-trị hay

kỷ-luật đảng-phái như Raymond Bellour đã nhận định : «Sartre là người cuối cùng trong những nhà văn chính-trị Pháp». Tôi hiểu đây không phải là con người lý-thuyết, cũng không phải đây là con người viết sử, nhưng là con người của bút chiến, của phân tách căng thẳng mà thời-sự đòi hỏi, biến cố nắm lấy ; là con người của tạp-chí, đem đến một giải-đáp cho độc-giả đồng thời cho lương-tâm mình và cho chân-lý, theo nhận-định của lòng trí mình.

Một số bài báo của Sartre thật là đứng hàng đầu; nhưng trong những bài đó, luôn luôn quan-điểm là quan trọng trội bật đối với tôi, quan điểm của người sống một mình, không phải trình bầy những lời nói của mình với bất cứ ai khác ngoài chính mình, quan-điểm của nhà văn, đã có thể nói được những điều mà một đảng phái không thể cho phép nói. Xúc phạm tới trật-tự chính-trị đến mức độ trở thành cô đơn và thách thức, đoạn tuyệt vì quảng đại, đòi hỏi và tài ba. Ông đã thực hiện đến cùng ý-tưởng danh tiếng : người trí thức như một công-chức của cái tiêu-cực (*l'intellectuel comme fonctionnaire du négatif*) (1).

Con người của một tạp-chí ! Phải chăng đó mới là con người đích thực của Sartre ?

Người quan-niệm Triết-học là những suy-tưởng vượt khỏi thời-sự và do đó sẽ còn mãi mãi, cho rằng cái giá-trị, cái sẽ còn lại mãi mãi trong tư-tưởng của Sartre, là phần suy-tưởng Triết-học với những *L'Être et le Néant*, *L'Imaginaire*, còn phần văn-chương, tiểu-thuyết, kịch,

(1) Trong bài «*Homme pour homme*», số Arc đặc biệt, những nhà văn bày tỏ lập trường của mình đối với Sartre. trg. 13.

không quan trọng, vì chỉ là dẫn-chứng của những ý-tưởng và đề-tài Triết-học, sau cùng phần lý-thuyết chính-trị, nhất là những hành-động có tính cách chính-trị, chẳng những không có gì độc đáo, mà còn chứa đựng nhiều mâu-thuẫn, ngược-điều, và đôi khi thật lố bịch, trò hề nữa ! Nếu không kết án, và nhìn với con mắt « thông cảm », rộng lượng thiện cảm, người ta có thể tiếc cho Sartre đã « dẫn-thâm » vào chính trị, có những lập trường hành động vừa gây ngộ-nhận, thù ghét, làm giảm uy-tín của Sartre, vừa làm tổn thương tới công-trình Triết-học thuần-túy mà ai cũng phải nhìn nhận là của một Triết-gia lớn lao của thế kỷ XX..

Nhưng thực ra Sartre đã từ chối vinh-bạch được trở thành bất-tử.

Trong bài « Giới-thiệu tạp-chí Les Temps modernes » số đầu, Sartre đã bày tỏ sự từ chối đó và thực hiện sự từ chối đó bằng cách cùng một số bạn hữu, phần đông cũng Triết-gia, làm chung một tạp-chí tranh đấu trên lãnh-vực tư-tưởng.

Ý tưởng then chốt của sự từ chối vinh-cửu, bất tử trên là :

Nhà văn là người sống trong một hoàn-cảnh (en situation). Chúng ta đều sống trong một hoàn cảnh là thời-đại ta, là tình-thế chính-trị, xã-hội, văn-hóa hiện nay ở nơi ta ở : đó là tình thế của tỉnh tôi, vùng tôi, đất nước tôi, và sau cùng, thế-giới tôi đang sống. Suy nghĩ, cảm-xúc, tranh đấu là suy-nghĩ cảm xúc tranh đấu trong hoàn-cảnh, từ hoàn-cảnh, do hoàn-cảnh. Ý nghĩa và giá-trị thích-hợp với hoàn-cảnh ta sống, không phải có sẵn, và phổ-biến, tổng-quát. Nhưng chúng ta phải tìm ra, sáng-tạo và xây dựng với những khả-năng, phương-ện mà chúng ta có.

Hoàn cảnh càng phức tạp, khó khăn dự định, nhận thức, lựa chọn, hành động, càng tế nhị ; có thể chúng ta nhận-định đúng, nhưng chỉ đúng trong khoảng khắc của một tình-thế luôn luôn biến đổi ; có thể chúng ta lựa chọn sai, nhưng biết làm sao được, vì chúng ta bị giới-hạn trong những dữ-kiện mà chúng ta hiện có.

Chúng ta chống óc cường tín, vì óc cường tín không bao giờ thấy cần đặt vấn-đề, vì giải-pháp đã có sẵn, và hơn nữa còn bao hàm bạo-động. Nhưng sự sáng suốt ngược lại cũng không phải là yếu tố độc nhất của hiệu-nghiệm.▣

Tuy nhiên, nếu có gì đáng kể và thực sự là cái cốt yếu, thì chỉ những cố gắng nhận-thức, hành-động đáp ứng lại nhưn đòi hỏi nhất thời của hoàn cảnh, mặc dầu ta có thể nhận-thức sai, hành động lệch lạc.

Đó là phận làm người : thiết yếu ở trong một hoàn-cảnh đời và ý nghĩa, giá trị, vẻ cao cả của con người là biết dám nhận đầy đủ khoảng khắc hiện tại mình sống, chứ không phải vượt hoàn-cảnh, thời đại để mơ ước cái bất biến, vĩnh-cửu, sửa soạn tương lai bằng cách viết đề lại cho con cháu !

Chúng ta không có thời-đại nào khác, ngoài thời-đại hiện nay của chúng ta. Có thể có thời-đại khác thanh bình hơn, đẹp hơn, nhưng đó không phải thời-đại của ta, thời-đại có chiến tranh nóng lạnh giữa hai khối, thời đại có mối đe dọa thường xuyên của bom nguyên-tử, thời-đại đế-quốc chủ-nghĩa, thực-dân xâm lăng ..

Chúng ta không có quyền lựa chọn hoàn cảnh, thời đại, nhưng chỉ có thể lựa chọn trong hoàn cảnh, thời đại của ta. « Chúng tôi không muốn bỏ rơi thời-

đại chúng ta; có lẽ có những thời-đại khác tốt hơn, nhưng đây là thời-đại chúng ta: chúng ta chỉ có cuộc sống này để sống, ở giữa cuộc chiến-tranh này, và cuộc cách-mạng này» (1).

Do đó, phải suy tưởng, viết lách, từ hoàn cảnh thời-đại mình và cho nó; và những gì chúng ta nghĩ, viết, nếu có một giá-trị nào thì chỉ là có giá-trị đối với thời-đại của chúng ta; một thời đại sẽ qua đi cũng như những giá-trị chúng ta đã tạo cho nó là tạm thời, chóng qua... Điều cốt-yếu là có phục-vụ hết sức mình khoảng khắc ta sống hay không... Thật rất dễ dàng nói đến những giá-trị trường-cửu.

Nhưng vấn đề không phải là quả quyết về lòng yêu nước, về lòng hiếu thảo như một giá-trị hiển nhiên, vĩnh viễn muôn đời là đúng, nhưng là quả quyết về lòng yêu nước, hiếu thảo, trong một hoàn cảnh cụ-thể của tôi, lúc này, ở đây, bây giờ: giữa cuộc chiến-tranh này mà tôi có phần phận nhập-ngũ và trong tình cảnh con một phải nuôi bố mẹ già.

Những hướng đi không được phổ-biến, không được vạch dẫn từ trên một trời cao sáng tỏ nào, nhưng phải được tìm ra và lựa chọn lấy một mình, cho mình từ hoàn cảnh riêng biệt của chính mình.

Người viết, suy luận cũng phải viết suy luận trong cái hàm hồ, phức tạp của hoàn cảnh thời-đại mình; và những điều viết, suy luận cũng chỉ có ý nghĩa giá-trị trong hoàn cảnh đó. Không thể vượt không-gian thời-gian làm văn-chương viễn mơ, suy tưởng triết-lý cho mọi thời đại và nhằm sửa soạn tương-lai trở thành bất tử.

Sartre đã lấy trường-hợp cuốn truyện « Silence de la Mer » của Vercors để chứng minh tính cách hoàn-cảnh của tác-

giả và tác-phẩm. Vercors đã viết trong một hoàn cảnh vùng đất nước bị ngoại-bang chiếm đóng và ở vào thời-kỳ đầu, quân thù còn tử tế, lịch sự với dân-chúng. Trong hoàn cảnh đó, người dân không thấy quân thù như những tên hung ác, khát máu, nhưng như những con người thường họ gặp ngoài phố, có thể lịch thiệp, nhã nhặn qua những giao-thiệp hàng ngày. Đó là hoàn-cảnh của dân chúng vùng bị chiếm đóng. Dân chúng ở vùng tự-do trái lại chỉ nhìn thấy quân thù là quân thù. Do đó không thể hiểu và thưởng thức được cuốn truyện của Vercors vì họ không phải là độc-giả của tác phẩm đó, vì Vercors không viết cho họ, là những người ở một hoàn-cảnh khác. Nhưng chính những người trong vùng chiếm đóng cũng chỉ thưởng thức được cuốn truyện trong thời-gian ngắn ngủi lúc ban đầu. Sau đó, khi kháng-chiến đã thành lập và hoạt động không bố, quân Đức chiếm đóng cũng bắt đầu bắt bớ, tra tấn tàn ác, hoàn-cảnh « chiến tranh » trở lại ngay trong vùng chiếm đóng và cuốn truyện của Vercors cũng không còn hợp thời nữa; cuốn truyện đã chỉ phục vụ đặc lực trong hơn một năm trời, nhưng nó đã làm xong vai trò của nó vì:

« Hình như chuối chỉ ăn ngon miệng lúc vừa bẻ trên cây xuống, những tác-phẩm tinh-thần cũng vậy, cần phải được tiêu thụ tại chỗ» (2).

Ở đây có thể nghĩ đến trường-hợp Nhất-Linh và nhóm Tự-Lực văn-đoàn. Những tiểu-thuyết của nhóm này đã rất thích hợp trong một hoàn-cảnh xã hội nhất định (hoàn cảnh giai-cấp

(1) Présentation des Temps modernes — Situations II, trg 13.

(2) Situations II, trg. 122.

tư-sản, trung-lưu thành thị đang ở giai đoạn phân-hóa, giằng co về nếp sống mới cũ). Hoàn cảnh đó bây giờ không còn nữa. Độc-giả trẻ 1967 cảm thấy xa lạ với thế-giới quan tham, bà phán, ông Nghị... những câu truyện mô tả trong tiểu-thuyết bắt đầu nhạt nhẽo, không còn rung động như đối với người thanh niên hồi tiền chiến.

Nhưng phải chăng những Nhất-Linh, Khái-Hưng, Thạch-Lam đã sáng tác trong một hoàn cảnh và cho hoàn cảnh đó; do đó đã làm xong vai trò nhà văn của mình? Hơn nữa những tác-giả trên cũng còn làm báo và đã bày tỏ thái độ của mình trước thời cuộc; mà bây giờ vì một quan niệm tách văn-chương khỏi chính trị và coi cái gì còn lại mãi mãi ở nơi nhà văn là tác-phẩm, chứ không phải bài báo, tạp-chí... nên người đọc ngày nay chỉ biết Nhất-Linh và các nhà văn Tự-lực văn-đoàn qua những tiểu-thuyết của họ và đánh giá họ qua tiểu-thuyết mà thôi, trong khi đáng lẽ phải gắn liền tiểu thuyết với sinh-hoạt làm báo, bày tỏ thái độ trước thời cuộc để tìm hiểu và thẩm định họ.

Trong viễn-tượng đó, cái còn lại, cái cao quý đáng kể ở nơi những nhà văn trên là thái độ dấn thân vào hoàn cảnh thời đại của mình để bày tỏ và nhằm thay đổi nó bằng tiểu-thuyết, biên-khảo, tạp-chí theo những quan-niệm mà mình cho là đúng. Những quan-niệm đó bây giờ có thể là lỗi thời và cần được vượt qua...

Nhưng Nhất-Linh đã thụt lùi, khi về già, với chủ-trương làm văn-ngệ tách khỏi chính-trị, vượt không-gian thời-gian: Văn-chương không còn phải gắn liền với thời-sự và không nhằm biểu lộ

nó, nhưng là từ chối thời-sự để diễn tả cái tuyệt đối, trường cửu.

Nhưng cái trường cửu, bất tử, thoát ly, tách khỏi lịch sử chỉ là một ảo-tưởng: « Bất tử là một cơ thoái thác nguy hiểm, không để gì sống một chân ở bên kia năm mồ và một chân ở bên này. Làm sao có thể giải-quyết những việc hàng ngày khi người ta nhìn chúng từ xa vời. Làm sao say mê được một cuộc chiến-đấu, hưởng-thụ được một chiến-thắng. Họ (những người mơ bất tử) đã để cho bất tử đánh cắp cuộc đời này của họ. Còn chúng ta, chúng ta viết cho người đương thời, chúng ta không muốn nhìn thế-giới của chúng ta với con mắt viễn-mơ, đó là cách chắc chắn nhất tiêu diệt nó, nhưng với đôi mắt thật, đôi mắt đích thực, mau chết của chúng ta ». (1)

Không tìm một vinh-quang ở hậu-thế, cũng không muốn chỉ được hiểu, phục-hồi giải oan sau này, vì để làm gì; được thua, hiệu-nghiệm hay không hiệu-nghiệm, yêu ghét chỉ có ý-nghĩa khi còn sống và trong lúc sống..

Tuy nhiên, nói như thế, không phải Sartre từ bỏ hẳn cái vĩnh cửu, bất tử mà chỉ là từ bỏ cái vĩnh-cửu, bất-tử, tách khỏi hoàn cảnh sống, xa lìa lịch-sử, không gắn liền với biến cố, thời cuộc.

Cái bất-tử, vĩnh-cửu đích-thực là cái bất-tử, vĩnh-cửu được bộc lộ trong cái ngẫu nhiên, cái thay đổi, cái hàm hồ, cái cá-biệt của biến-cố, lịch-sử.

Cái bất-tử, vĩnh-cửu trong cuộc đời suy-tưởng, viết lách, tranh đấu của một người không phải ở những quan-niệm, hệ-thống, sự-nghiệp họ đã xây dựng, làm ra, nhưng ở dự-định nhận-

(1) Situations II trg. 14

thức nền-tảng, ở sự lựa chọn nguyên-ủy của người đó trong một hoàn-cảnh sống nhất định.

Không phải triết-học Descartes như một hệ-thống, một quan-niệm giải-thích vũ-trụ thực-tại là cái bất tử, cái tuyệt-đối, vì chính triết-học đó là tương đối, dễ trở thành lỗi thời, nhưng là khởi-điểm nhận-thức, thái-độ độc đáo của Descartes đã nhìn đời trong hoàn-cảnh sống riêng biệt của nhà triết-học.

« Chẳng những không chủ - trương tương-đối, mà chúng tôi còn quả quyết con người là một tuyệt đối. Nhưng nó là tuyệt-đối vào giờ của nó, trong hoàn-cảnh sống của nó, trên mặt đất của nó. Cái là tuyệt-đối, cái mà nghìn năm lịch-sử không thể tiêu diệt được, đó là điều quyết-định này không thể thay thế, và so sánh được, mà con người chấp nhận trong lúc này, từ những hoàn-cảnh này... Cái tuyệt-đối, là Descartes, con người đã thoát khỏi sự lãnh-hội của chúng ta vì đã chết, con người đã sống trong thời-đại của mình, đã suy-tưởng về nó ngày này qua ngày khác, với những phương-tiện hiện có, đã xây-dựng học-thuyết của mình từ một trình-độ khoa-học, đã quen biết Gassendi, Caterus, Mersenne, đã yêu một người con gái lé mắt lúc thiếu thời...; cái tương-đối, là học-thuyết Descartes thứ triết-lý lêu lổng mà người ta dặt đi chơi từ thế-kỷ này sang thế-kỷ khác, và mỗi người tìm thấy trong đó những gì mà mình đã đề vào...

« Không phải cứ chạy theo bất tử mà chúng ta trở thành vĩnh-cửu: Chúng ta sẽ không phải là tuyệt đối vì đã phản ảnh trong các tác phẩm của chúng ta một vài tôn-chỉ khô khan đủ trống rỗng và vô vị để chuyển qua từ thế-kỷ này sang thế-kỷ kia, như vậy bởi vì chúng ta

đã chiến đấu một cách say mê trong thời-đại chúng ta, bởi vì chúng ta đã yêu quý say mê thời-đại chúng ta và sau cùng chấp nhận chết một cách toàn-diện với nó » (1)

Do đó cái còn lại, cái tuyệt đối, vĩnh-cửu ở Nhất-Linh, cũng như ở Sartre sẽ có thể không phải là những quan-niệm, học-thuyết, tác-phẩm, nhưng là dự-định đặc-biệt từ nhiều hoàn-cảnh thời-đại của họ và ý-chí muốn biến đổi nó theo những quan-niệm, lập trường mà lúc đó, thời bấy giờ, họ cho là phải. Điều mà những người hậu-thế học được ở họ, không phải hẳn là những quan-niệm sống vì đã rõ những người hậu-thế cũng phải suy nghĩ tạo ra những quan-niệm sống thích hợp với hoàn-cảnh thời-đại của mình, nhưng là một lối nhìn đời, một thái-độ bám sát vào thời-đại để hiểu nó như thế nào và tác-dụng vào nó làm sao...

Còn hệ-thống triết-học, tác-phẩm là cái tương đối, chóng trở thành lỗi thời... Chính tác-giả ngay khi còn sống có thể đã phủ nhận những chủ-trương, quan-niệm của mình; Còn người đọc, không thể tránh được sự-kiếm mỗi người sẽ hiểu tác-phẩm theo lăng kính của họ, từ hoàn-cảnh của họ. Đọc Sartre, người Thiên-chúa-giáo chỉ chú trọng đến thái-độ vô-thần của Sartre, người Mác-xít, tính chất suy đồi của tầng lớp trưởng-già và người trưởng-già, thái-độ thân cộng phi-lý của tác-giả. Mỗi người giải thích theo những gì họ đã đặt vào trong tác-phẩm của Sartre. Chính vì thế mà Sartre rất ít trả lời những phê-bình, nhất là những phê-bình đả kích, lăng mạ kiểu bè phái. Ông biết mình bị hiểu lầm, bị thù ghét oan

(1) Situations II trg 17

uống nhưng vẫn im lặng, không phải vì khinh bỉ người khác hay có thái độ "học phiệt", nhưng vì ý-thức được tính cách tương-đối của những hệ-thống tư-tưởng và tính cách hàm hồ của tác-giả của cuốn sách. Ngộ-nhận, hiểu lầm, xuyên tạc là điều không thể tránh được khi tác-phẩm đã trở thành khác lúc xuất bản; như thế không còn phải là tác-phẩm của mình! Nhưng muốn khám phá cái tuyệt-đối bất tử của một tác-giả là lòng yêu tha thiết thời-đại của mình, không phải vì nó tốt đẹp hơn những thời-đại khác, mà chỉ vì là thời-đại của mình, dự định tìm hiểu và ý-chí thay đổi nó theo quan-niệm, đường hướng mà tác giả ch. là hợp-lý lúc đó, thời bấy giờ, phải chú ý đến nhiều hơn tạp chí mà tác-giả đã chủ trương đề thực-hiện một công-trình chung, vì tạp-chí bày tỏ rõ ràng một cách phong phú thái độ bám sát vào thời-sự của tác-giả và những cách thể tác-giả đã phản-ứng trước biến-cố hàng ngày là thực tại lịch sử, chính trị, đề-tài suy tưởng, phân tách của tác-giả. Nếu cái tuyệt-đối, vĩnh-cửu không phải ở hệ-thống, lý-thuyết, càng không thể đòi hỏi tuyệt-đối, vĩnh cửu ở trong những lập-trường cụ-thể trước những biến-cố sôi động, hay trong hành động, nhất là hành-động và lập-trường trong một thời-đại khó khăn như thời-đại chúng ta hiện nay. Hoàn-cảnh thời-đại hiện nay không phải chỉ thu hẹp vào một địa-phương, một dân-tộc mà là toàn thế-giới, cũng không phải chỉ hạn định rõ rệt trong một lãnh-vực vì con người cảm thấy liên-đới với nhau và mọi lãnh-vực đều liên-hệ mật-thiết. Một người ở Âu-châu cảm thấy liên-hệ với chiến tranh Việt-Nam cũng như một người Việt-nam cảm thấy phong-trào nổi-loạn

của người Mỹ da đen liên-hệ đến số phận của mình. Tìm hiểu để tác-dụng vào hoàn-cảnh thời-đại của mình với một ý thức liên-đới sâu rộng như vậy không phải dễ dàng gì.

Chẳng hạn một người trí-thức như Sartre phải có thái độ thế nào trong hoàn-cảnh chung của thế-giới hiện nay phân chia làm hai khối và trong hoàn-cảnh riêng của nước Pháp có một chính-thể theo tư-bản nhưng cũng có một đảng cộng-sản mạnh nắm giữ phần lớn lực-lượng thợ thuyền, vô-sản..?

Một cách tổng-quát, trên nguyên-tắc Sartre chủ-trương chống tinh thần mà Sartre gọi là bi đát và tiên-tri "tinh thần mỗi ngày càng phổ biến, đòi hỏi con người hiện-đại những lựa chọn mù quáng" và dứt khoát, hoặc bên này hoặc bên kia như thế thế giới chia làm hai, một bên là thiện, một bên là ác, vì thực ra thiện ác không có biên giới rõ rệt và mỗi hành động, mỗi lựa chọn đều phải nỗ lực tìm kiếm phân biệt cái thiện trong cái ác, và cái xấu trong cái tốt.

Một cách cụ-thể, không thể chấp nhận tư-bản, trường-giả vì bảo-thủ, phản-động, nhưng cũng không hoàn toàn chấp nhận xã-hội chủ-nghĩa Cộng-sản, vì mặc dầu ông-sản mang niềm hy-vọng của cách-mạng nhưng cách thực-hành cách-mạng lại phi-nhân, lạc hậu. Trên cương-vị người trí-thức, không thể có trí-thức cộng-sản, nhưng cũng không thể có trí-thức không cộng-sản. Không thể có trí-thức ngoài cộng-sản vì nếu hiểu trí thức là suy-tưởng và tác dụng hiệu nghiệm vào thực-ế thì trong hoàn-cảnh nước Pháp chỉ cộng-sản có tổ-chức quàn-chúng, nắm giữ lực lượng làm cách-mạng, trí-thức ngoài cộng-sản là bất lực, do đó lời nói tốn công vô ích và mất

lý do tồn tại. Nhưng ngược lại cũng trong hoàn cảnh trên, không thể có trí-thức cộng-sản, vì người trí-thức chưa thể thực-hiện được vai trò trí thức của mình là suy-tưởng tự-do, không phải theo chỉ-thị, mệnh-lệnh trong đảng Cộng-sản. Trong hoàn cảnh hiện nay của đảng Cộng-sản, Pháp trí-thức và cộng-sản chưa thể đi đôi, hòa hợp. Hoặc là trí-thức thực sự thì không phải là cộng sản, hoặc là cộng sản thì không phải trí-thức nữa.

Như thế, Sartre không thể chống Cộng vì chống Cộng là chống cách-mạng dù sao đang được hiện-thân trong quần chúng lao-động do đảng Cộng-sản nắm giữ, nhưng cũng không thể vào đảng cộng sản vì sẽ không còn tự do suy tưởng theo lòng trí lương-tâm của mình.

«Nếu thực ra chỉ có hai lựa chọn hoặc là trường-giả hoặc là đảng Cộng-sản, lúc đó không thể lựa chọn. Vì chúng tôi không có quyền chỉ viết cho giai-cấp áp bức, cũng không có quyền liên-đới với một đảng đòi chúng tôi phải hành động một cách giả hình và với thái-độ nguy-tín. Trong những trường-hợp cụ thể đảng cộng sản thu hút và thúc đẩy những lực-lượng dân-chủ tranh-đấu cho hòa-bình ở Việt-Nam hay tăng lương cho thợ thuyền, chúng tôi đi với đảng chống lại trường-giả, trong trường hợp trường giả nhận những giá-trị tinh-thần phải dựa trên sự phản kháng và tự-do xây dựng, chúng tôi đi với trường-giả chống cộng-sản; trong trường hợp một ý-thức-hệ khờ độn, tùy thời, bảo thủ, chúng tôi chống lại cả cộng-sản, lẫn trường giả» (1)

Vấn đề là thử hỏi một thái độ không chống hẳn, không theo hẳn như thế có thể có được không. Nếu có thể được (2) trong một hoàn cảnh nhất định như

hoàn cảnh nước Pháp, điều đó chứng tỏ tình-trạng đối lập giữa hai lập trường dứt khoát trường-giả, cộng-sản, sự mâu-thuẫn giữa trí-thức và cộng-sản không phải là vĩnh-viễn, hoàn tất nhưng trái lại có thể thay đổi và chính vì tình-cảnh trên có thể thay đổi, nên cần có những thái độ không chống không theo hẳn để tổ cáo tính cách phi lý *tạm thời* của tình cảnh đối lập, mâu-thuẫn, tạo điều-kiện tinh thần đưa đến chỗ thay đổi thực sự được nó đi, và trong thời-kỳ còn mâu thuẫn, đối lập, thái độ của Sartre là một dấu hỏi thắc mắc, không để cho hai phe an tâm, yên nghỉ trong niềm-tin cố chấp, cuồng tín của mình, vì an tâm sẽ ngăn chặn mọi dự-định thay đổi và thắc mắc, bất an là khởi điểm đưa tới thay đổi.

Tuy nhiên không dễ gì giữ một thái-độ như thế, một thái-độ luôn luôn bị giằng co, giữa đòi hỏi của sáng suốt, lương-tri và của hiệu-nghiệm.

Phải phải-đối bạo-động, độc-tài, vì lý-tưởng cách-mạng, nhưng để cách-mạng khỏi trở thành chỉ là một lý-tưởng xuông, lại phải chấp nhận một chế-độ *hiện nay* bạo-tàn, độc-tài nhưng mang hy vọng độc nhất của cách-mạng.

«Chúng tôi vừa chống với trào-lưu theo Staline vì chúng tôi chỉ trích những phương pháp của nó, vừa ủng-hộ nó vì chúng tôi hiểu rằng biết đâu cách-mạng đích thực chỉ là ảo-ảnh, và biết đâu công cuộc cách-mạng trước hết phải đi qua con đường đó để rồi mới thiết-lập được sau này một trật-tự xã-hội nhân-đạo hơn».

(1) Situations trg 288

(2) Vì trong một hoàn cảnh khác, không thể có được, hay chưa thể có được.

Nói cách khác, thông cảm, chia sẻ sự sáng suốt, những thắc mắc chính đáng và lý-tưởng cách-mạng của Hugo trong vở kịch « Les mains sales », nhưng vẫn đành phải nhận thái-độ của Hoederer mới thực-tế, hiệu-nghiệm, chia sẻ nỗi âu lo chính-trực trí-thức nhưng vẫn phải thực-tế, thực-tế mà vẫn nuôi dưỡng nỗi âu lo những đòi hỏi của chính-trực trí-thức...

Một thái-độ như trên dĩ nhiên không làm hài lòng ai trong các phe đối lập, đồng thời cũng rất tế-nhị trong khi xác-định lập-trường chống hay theo trước mỗi trường-hợp cụ-thể. Thật đơn giản biết bao nếu đứng hẳn về một bên vì tất cả những gì xảy ra đều được nhìn theo chiều-hướng đã định sẵn của bên mình. Nhưng nếu tin rằng sự thật không đơn giản, sẽ phải nhìn nhận có thể sai lầm và thiếu sót lệch lạc trong nhận định tình-thế và xác-định thái-độ, vì một đảng thời-cuộc phức-tạp, đảng khác phải nhận định từ những dữ-kiện hiện có, nghĩa là có thể thiếu sót và sai lầm. Chiến-tranh Cao-ly bùng nổ, đòi hỏi người trí-thức phải xác-định ngay một thái-độ và dĩ nhiên người trí-thức chỉ có thể xác-định thái độ căn cứ vào những tài-liệu, tin tức mình đã thu lượm được. Sartre đã nhận-định lầm lúc đầu vì tưởng rằng Bắc-Cao bị tấn-công trước.

Nhưng làm sao tránh được những sai lầm, lệch-lạc trong nhận-định thời-cuộc, trừ khi rút về tháp ngà, làm nhà triết-học cao-siêu xuất-thể để khỏi phải nhận-định gì cả.

Tại sao nhà văn, nhà báo, nhà trí-thức suy - tưởng lại muốn thoát khỏi số phận chung của mọi người dẫn thân vào thời cuộc để tìm hiểu và tác động nó? Nhà chính-trị, những cơ-quan

tình báo chuyên môn cũng có tránh được sai lầm đâu!

Do đó, cái lệch lạc, sai lầm trong nhận định về chính-trị của nhà văn, nhà triết-học dẫn thân vào thời cuộc không phải là lỗi bịch, đáng chê cười, nhưng trái lại bày tỏ một khía cạnh lầm than của thân phận làm người; Hơn nữa chính sự ý - thức được khía cạnh lầm than trên và quảng đại dám nhận nó bày tỏ giá-trị cao cả của thái độ dẫn-thân.

« Nhà viết sử sau này có thể cho rằng định chiến hồi 1940 đã tạo điều kiện cho nước Pháp thắng trận, nhưng những nhận xét đó không thể nào có vào hồi 1940. Không ai lúc đó tiên đoán được cuộc xung đột Nga-Đức và do đó căn cứ vào những tin tức thực hiện có, phải nghĩ rằng cần tiếp tục chiến tranh. Về điểm đó, nhà văn không khác gì nhà chính-trị: điều họ biết chẳng là bao và phải quyết định từ những điều đã biết đó.

Phần còn lại — nghĩa là số-phận tác-phẩm của họ trải qua các thế-kỷ — đó là phần của ma quỷ... Một mối tình, một sự nghiệp, một cách mạng: đó là những công-trình mà khi bắt đầu người ta không thể biết chúng sẽ kết-thúc ra sao... Tại sao nhà văn muốn thoát khỏi số-phận chung! Do đó, nhà văn phải chấp nhận sự liều mình và cả sự có thể tiêu luôn nữa» (1)

oOo

Trong viễn tượng trên, đã rõ là không còn sự phân biệt giữa triết-học, văn-chương chính-trị như những lãnh vực riêng biệt. Triết-học là tư-tưởng thuần-túy, văn-chương là tình cảm bay bướm và chính-trị là thực-tế bản thân hay ít ra phiến phức.

Nếu con người thiết yếu phải suy tưởng sáng tác trong một hoàn cảnh,

(1) Situations II trg 52.

từ một hoàn cảnh là thời-đại của mình, chỉ có một dự-định nhận-thức, một thái-độ sống căn bản, và cũng chỉ có một thực-tại để con người tìm hiểu, tác động trên nó là thực-tại lịch-sử của hoàn-cảnh thời-đại mình. Như thế triết-lý, văn chương chỉ là những cách thể diễn tả khác nhau của cùng một quan-điểm nhận thức, một lối nhìn đời. Nghệ-thuật và triết-học không phải là những lãnh-vực độc-lập, có đối-tượng riêng, bệ-t-lập, vì nhà văn không thể sáng tác mà không có ý-thức, không có quan-điểm về cuộc đời. Cho nên những thái-độ của các nhân vật trong văn chương đều bao hàm «một lựa chọn siêu hình» từ một thực-tế là chính trị. Những nhân vật của Sartre đều có những thái-độ bày tỏ những quan-niệm của họ về tự do, liên-đới nhân loại, lịch-sử, từ thực-tế của hoàn-cảnh thời-đại ta là tình-cảnh đất nước bị ngoại bang chiếm đóng, bạo động, của chiến tranh, tra tấn tù đầy, áp-bức chính trị v.v...

Do đó không thể tách chính-trị ra khỏi văn-chương triết lý vì thái-độ của con người trước thời-cuộc mà văn-chương nhằm thể-hiện là một thái-độ chính-trị bao hàm một ý-nghĩa triết-lý.

Sartre không phải là một nhà triết-học dùng văn-chương chỉ như một kỹ-thuật ngôn ngữ để làm dẫn chứng cho những tư-tưởng triết-học, nhưng quan-niệm văn-chương thiết yếu là triết-học vì triết-học là chất liệu mà nhà văn sử dụng để xây dựng tác-phẩm, là cái làm cho có thể có văn-chương. Triết-học trong văn-chương cũng thiết yếu là chính-trị vì chính trị là chiều cạnh của thế giới mà chúng ta đang sống, như Burnier cũng đã viết: «Ở Sartre, chính trị không phải là một đề-tài hay một phụ-lục. Chính trị là một chiều cạnh của vũ-trụ, Sartre vì nó

là một chiều cạnh của thế giới mà chúng ta đang sống» (1).

oOo

Ở nơi Sartre, triết-học, chính-trị, văn-chương là một, nhưng ảnh hưởng của Sartre, chủ yếu lại có tính-chất luân-lý. Điều tác động trong lương-tâm người đọc Sartre nhất là giới trẻ, không phải hẳn là những lý-thuyết, những lập-trường mà là ở cách Sartre đặt những vấn-đề thời-đại, ở thái độ Sartre nhìn và giải đáp những vấn-đề đó, những vấn-đề mà người đương thời, giới trẻ sống nó nhưng chưa biết đặt thành vấn-đề và diễn tả nó một cách qui mô, trong sáng. Lối nhìn, thái-độ của Sartre tạo ở nơi người đọc một ý-thức chính-trị và thúc đẩy họ lựa chọn một thái-độ với một tâm-hồn mang nặng những ưu-tư, hy vọng và nỗi-niềm tha thiết với con người, với thời-đại của mình.

Đó là ảnh-hưởng thực sự của Sartre, ảnh-hưởng có tính chất luân-lý và đặc-biệt ở giới thanh-niên từ 18 đến 30 tuổi (2).

Những người thanh-niên đó đọc Sartre không phải để chán đời vì đời là phi-lý, để buồn nộ, đi tự tử, nhưng là để yêu đời, tha thiết đến thời-cuộc, và dẫn thân cả vào tranh-đấu chính-trị như M. Brunier đã ghi nhận.

« Những tác phẩm và nhân vật của Sartre là một chuyên-hướng ưu-đãi về chính-trị đối với một phần thanh niên, đặc biệt với sinh-viên. Nhiều sinh viên đã gia-nhập đảng cộng-sản vì những lý do theo lập-luận của Sartre, một thứ cộng-sản không cứng nhắc, khô đống mà lịch-sử những năm gần đây đã chứng-

(1) Tạp chí Arc trg. 19.

(2) Sartre, Colette Audry trg. 6.

minh điều đó. Sartre đã nói một hôm rằng điếm đi của nhiều người trẻ là điếm đến của ông. Điều đó đã bắt đầu đúng. Tác-phẩm của Sartre từ nay góp phần vào việc xác-định một thái-độ toàn-diện, một cách đặt vấn-đề... Điếm kết-thúc của Sartre trở thành điếm khởi-hành.» (1)

Theo Burnier, cũng trong bài đó, ảnh-hưởng luận-lý của Sartre một phần lớn không do những tác-phẩm lý-thuyết, ngay cả những tác-phẩm lý-thuyết chính-trị, nhưng ở những vở kịch, tiểu thuyết (2).

Cái thái-độ tác-động trong tâm hồn người trẻ là thái-độ không đồng lõa, thái độ say mê tìm kiếm sự thực và can đảm nói lên, tố cáo những giả dối, nguy tạo, cũng như những ảo tưởng. cuồng tín, cố chấp, là thái độ gắn bó với con người và nhạy cảm với tất cả những, gì là quyền sống, giá-trị làm người bị đe dọa hay bị chà đạp trong những hoàn cảnh sống phi nhân của thời-đại là: tra tấn, tù đầy, áp bức thực dân, bóc lột đế- quốc (3).

Những người thanh niên đang say mê tìm kiếm sự thực, tha thiết với thời cuộc đất nước, nhân loại, sẽ cảm thấy Sartre gần gũi mình hơn là những Heidegger, G. Marcel, một người đã có thời ủng hộ công khai chế-độ quốc-xã phát-xít của Hitler, nhận chức Viện-trưởng Đại-học, khi Hitler nắm chính quyền, đề kêu gọi thanh niên Đức « hy sinh hết mình cho quốc-trưởng » vì Hitler là hiện-thân độc-nhất của thực-tại Đức, một người ủng hộ « Algérie française », và chiến tranh xâm lược Đông-dương chống lại những nhà trí-thức Pháp đòi Pháp rút quân viễn-chinh khỏi Việt-Nam, vì « một đảng ý-niệm về thực dân rất

thô-thiền, và do đó không thể phủ nhận được một hành-động thực dân có thể mang lại nhiều lợi ích cho người bị trị, đảng khác vấn đề là phải xem việc triệt thoái đó có thể được không, vì nó có thể đưa đến hậu quả là trao những người dân bản-xứ đó cho hành động khủng-bố của những bè lũ phục-vụ đế-quốc sô-viết » (4).

Một nhà triết-học ca tụng thông cảm,

(1) Trong tạp-chí Arc trg. 18.

(2) Trong bài tường niệm Merleau Ponty, Sartre có nhắc đến cái thời (quãng 1945-50) mà ông bị vu-khống, chất cứt vào mặt vì hiện-sinh của ông được hiểu là chán đời, tự tử, phóng đảng như các báo hàng ngày loan truyền, nhưng cái quần chúng đọc báo hàng ngày, kể chuyện một gái điếm mà Sartre đã dụ dỗ về phòng để giới-thiệu loại phở-mát Camenbert, không bao giờ đọc Les Temps moderne và cũng không biết có tạp chí đó nữa. (Situations IV trg. 211).

Tóm lại thiên-kiến hiện-sinh là phóng-đăng phi-luân, phi-lý, chỉ được "phổ-biến" ở quần chúng không biết gì về hiện-sinh và ở nơi trí-thức không chịu tìm hiểu mặt thực của nó; vì đối với người-đọc-thật-sự Sartre, dĩ nhiên hiểu ông, nếu không thấy được khía cạnh chính-trị như trên, thì ít ra cũng coi đó là một triết-học nghiêm-chỉnh.

(3) Người thanh-niên Việt-Nam không những xúc động mà còn phải biết ơn J. P. Sartre là một trong những người đầu tiên lên án, tố cáo, và quyết liệt chống thực dân, chiến-tranh xâm-lược ở VN, ngay từ hồi 1946 một cách dứt khoát và liên-tục cho đến ngày nay. Tạp-chí Les Temps Modernes đã xác định lập-trường ngay từ tháng Chạp 1946 về chiến-tranh thực-dân ở VN, cho đăng tải những bài phân-tích của Trần-đức-Thảo có tác dụng rất lớn giác ngộ trí-thức Pháp [còn bị mê hoặc về những chiêu bài thực-dân, như Paul Mus đã thú nhận và ca tụng ông Thảo trong những sách Paul Mus phân tích về VN.

(4) Les hommes contre l'humain, G. Marcel trg. 84.

tình yêu, liên-đới nhân loại, có những phân tích rất sâu sắc về thân phận con người trên bình-diện lý thuyết, nhưng lại có thể mù quáng, không nhạy cảm và bất nhẫn trước những lầm than, đau khổ, nhục nhã của con người bị chà đạp, áp bức, trong những hoàn-cảnh cụ-thể là chế-độ thực-dân phong-kiến đế-quốc...

Nhưng thứ triết lý cao cả đó có nghĩa lý gì đối với những người bị áp bức, khi nó không thể ôm lấy những thực-tại cụ-thể để bày tỏ và nhằm thay đổi những thực-tại đó.

Thực ra G. Marcel cũng ghét cay ghét đắng J.P. Sartre. Nhưng không phải chỉ một mình G. Marcel, mà hình như hầu hết những người lớn. Nếu họ không thù ghét, ngộ nhận Sartre, thì cũng chỉ phục Sartre vì có tài. Trái lại, đối với Mounier, không những có thể phục, mà còn kính phục, ngay cả những người không đồng ý và chống Mounier.

Tôi nghĩ rằng Mounier là một người thánh, theo nghĩa ông luôn luôn giữ trọn những đòi hỏi của Bác-ái trong sự phê phán để không bao giờ làm cho người mình phê-bình có cảm tưởng bị xử: phạm, bị tổn thương, đau đớn, nhục nhã, hay bị thua, bị tiêu diệt. Trái lại con người của Sartre, được giới trẻ mến phục, nhưng cũng lắm chỉ được người lớn phục, mà không kính phục, vì Sartre một đàng có một bút-pháp đả-kích sắc bén không nề hà, có thể đụng chạm đến nguồn gốc sâu xa, ăn náu của người bị phê bình, và đập tan ngay từ những dự-định nền tảng, động cơ thành kiến, lập trường của đối thủ (chẳng hạn bút-

chiến với Camus), đàng khác, ông bày tỏ một thái độ «bất kính», ngạo mạn với tất cả những niềm tin (tôn-giáo, chính-trị) mà những người tín-hữu (về tôn-giáo hay về chính-trị) coi là thiêng liêng, cao quý, bất khả xâm phạm. Bất kính không phải vì khinh bỉ những niềm tin đó, nhưng vì muốn sáng suốt chứ không muốn cuồng tín, hay mắc vào vòng nguy tín, an tâm. Cũng không phải đề tự cao, tự đại, vì Sartre từ chối mọi «thán phục, danh tiếng» của người đời dành cho, (từ chối giải thưởng Nobel) và từ chối luôn cả sự tự tin, tự thán phục, vì người thành thực tin rằng mình sáng suốt, mình là đích thực khi phê-bình người khác là cuồng tín, giả dối thì niềm tin đó là hình thức tế nhị nhất của sự cuồng tín, của sự giả dối. Phải cảnh-giác, hoài-nghi, phủ nhận luôn luôn chính mình, vì sự sáng suốt, lòng say mê tha thiết đến con người thời-đại của mình, sự nghiệp tranh đấu, tất cả, đều không thể cho phép ta có cảm tưởng hơn người hoặc ở trên người khác.

Nhà văn, nhà triết học, sáng tác suy tưởng không tự coi mình có giấy ủy-nhiệm của một quyền bính tối cao nào (của thượng đế, nhân loại, chân lý...) cũng không bám víu vào những gì mình làm lúc này, bây giờ mà mình cho là phải và gán cho nó một ý-nghĩa giá-trị tuyệt đối. Nhà văn, nhà triết học là một người nào đó ở giữa mọi người «giống như mọi người, đồng thời chẳng giống ai».

Kinh-tế sau cơn biến-loạn

● DUY

(Tiếp theo trang 6)

Gần đây đài BBC Luân-Đôn lấy làm đặc-ý loan tin bài nhận định của một bình-luận gia, chắc cũng thuộc tay tở trong đám ký giả chuyên viên về Á-Đông và Việt-Nam, đề cập tới các hậu quả kinh-tế của biến cố Mậu-Thân. Theo cao ý của bình-luận-gia lỗi-lạc này thì trong vài tháng nữa các thành thị có thể thiếu gạo vì bị nông thôn bao vây và làm cho cô lập.

Thật đúng là nhận xét của một ký giả không bao giờ đi đong gạo ăn và chỉ lý luận theo sách vở giấy tờ. Nếu ngài có ra chợ thì sẽ thấy gạo ở Đô-Thành rẻ hơn ở các tỉnh miền Tây giữa vựa lúa của Nam-Việt, và rau cỏ như bắp cải, khoai tây lại hạ giá hơn cả trước Tết. Người dân Việt-Nam thấy rõ có ba lý do để đánh tan kết luận vội vàng của ký giả quốc-tế này :

Thứ nhất, mùa màng năm nay khá tốt và gạo nhập cảng cũng đầy đủ để thỏa mãn nhu cầu của các đô-thị và luôn toàn thể miền Nam nữa.

Thứ hai, nếu chúng ta thường diên đầu về thuốc men, thực phẩm, hàng hóa lợi ích quân-sự, bao-vây thế nào cũng vẫn thâm lậu về nông thôn được, thời ngược lại, địch có ba đầu sáu tay chẳng nữa cũng không ngăn cản được nông phẩm thâm-lậu về các thành thị. Nói đến thâm-lậu, tức là nói đến ngấm dần bằng cả triệu lỗ chân lông rồi, cần gì

phải cầu cống đường sá, xe hơi, chuyên chở. Nông-thôn còn sản-xuất lúa gạo, thức ăn, trái cây, thời nông-phàm vẫn từ từ chuyên nhập tới các đô-thị.

Thứ ba, tình hình quân sự sẽ được cải thiện lần lần, vì cường độ của sự tập-kích đã diễn ra ngay từ đầu cuộc tấn công bất ngờ. Địch còn có thể pháo kích, hoặc tấn công một vài tỉnh, nhưng không thể nào làm xáo-trộn hơn là mấy ngày Tết. Trong lúc gay-go nhất mà thành thị còn không thiếu gạo ăn, thời không thể vì một lý do nào khác mà chúng ta sẽ lâm vào cảnh đói trong vòng ba tháng nữa.

Sở dĩ người dân nêu lời bình-luận trên đây là chỉ cốt chứng tỏ tính chất phức tạp của nền kinh-tế Việt-Nam trong giai đoạn chiến-tranh du-kích. Nếu chúng ta chỉ lý luận trên giấy tờ tức là chúng ta đã thua địch một võ nặng nề. Mặc dầu chiến tranh, chúng ta vẫn phải tiếp tục phát-triển kinh-tế.

Bình thường, khi trị bệnh, thầy lang kiêng không cho uống thuốc bổ, sợ có hại cho con bệnh trước khi cơn bệnh chấm dứt. Trong thế chiến tranh du-kích, chúng ta không thể áp dụng quy-luật đó. Trị bệnh cứ trị, nhưng bồi-bổ vẫn phải tiếp tục.

Địch đánh vào thành phố, pháo kích vào nhà dân, một mặt chúng ta chống trả lại, đào hầm trú ẩn, thành-lập các đội võ-trang tự-vệ, nhưng mặt

khác chúng ta vẫn sống kịch-liệt, phát-triển sinh hoạt kinh-tế đến tốt độ. Không khinh thường, không vô-ý-thức, nhưng vẫn hiên ngang, không sợ sệt, không nản lòng. Không thể sống và sinh-hoạt 24 giờ trên 24, thời chúng ta cũng phải giữ tới mức tối thiểu là 19 giờ trên 24. Chỉ cần năm giờ nghỉ ngơi, năm giờ giới nghiêm từ 12 giờ đêm tới 5 giờ sáng là đủ.

Tình hình an-ninh nếu có gì đáng ngại, một vài toán địch có trà trộn vào dân cư đông đúc, chúng ta chỉ cần thành lập gấp các khu phố võ-trang tự-vệ để đối phó với chúng. Không nên để bầu không khí sợ sệt, tình trạng kinh tế tê-liệt kéo dài từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc.

Muốn phát triển lại nền kinh-tế, nguyên-tắc đầu tiên là gây tin-tưởng, gây hào-hùng bằng cách thu hẹp dần giờ giới nghiêm tới mức tối thiểu, dẹp bớt chướng ngại vật và cho phép lưu thông trên tất cả các nẻo đường. Thực sự, việc bố phòng bên trong các cơ quan trọng-yếu cũng như tinh-thần cảnh-giác mạnh gấp trăm lần hàng rào phòng thủ bên ngoài. Lời nói của một bà bầu gánh hát với ký giả kịch trường: "Thấy thâu giầy kềm gai lại là mừng" đã biểu lộ chính xác tinh thần của dân đô-thị. Nhà cầm quyền muốn trấn an nhân tâm thời không có phương pháp gì mau nhiệm hơn là dẹp bớt các tiếng súng thị uy, dẹp bớt các sự phô trương về lực lượng quân sự. Thái-độ này cũng thích ứng, luôn cả về phương diện đối phó với địch. Từ xưa, người lính quốc gia vẫn thường khổ tâm vì hành quân vài ba ngày nhọc mệt mà nhiều khi chẳng thấy bóng vía địch lâu trốn ở đâu. Ngày nay, muốn dụ địch xuất hiện cho ta đánh,

thời cũng phải dẹp bớt một số hàng rào phòng thủ, họa chẳng địch mới dám vào bẫy. Miễn là chúng ta sẵn sàng, đề khi địch vào là ta nhào ra quật địch gục ngã.

Đời sống các thành-thị rất phức tạp và hoạt-động kinh-tế có thể diễn ra dưới thiên hình vạn trạng. Muốn cho nền kinh tế trở thành tốt đẹp, chúng ta phải đảm bảo cho tất cả mọi hoạt động được bị tê liệt. Trong giai đoạn chiến-tranh, lợi-tức quốc gia ít trông mong vào khu vực nông thôn. Chỉ còn lại thành-thị là những vú sữa khổng lồ để nuôi sống nhân dân, đem lại tiền tài cho mọi tầng lớp và thuế má cho công-quỹ. Và trong các nguồn lợi của thành thị, thời các mạch sữa ngon ngọt hơn hết chính là sự cung-cấp dịch-vụ cho ngoại kiều và quân đội Đồng-minh. Nghỉ đến quyền lợi lâu dài của dân tộc và muốn băng bó các vết thương quá đau đớn do địch vừa gây ra, chúng ta không nên làm cạn các mạch sữa đó.

Cũng như các dân tộc Nhật-Bản, Phi-Luật-Tân, Trung-Hoa, Đài-Loan, chúng ta nên tổ chức kiện-toàn việc cung cấp dịch-vụ để gia-tăng lợi-tức quốc-gia.

Tiền bạc có luân lưu nhanh chóng mới thấm-nhuần ra các tầng lớp nhân dân, đem lại đời sống sung-túc cho khắp mọi người. Bởi vậy các hoạt động làm tăng tốc độ vận-chuyển của tiền-bạc cũng không nên cấm đoán, dầu chỉ có tính-cách giải-trí như chiếu bóng, kịch trường, báo-chí nặng về tiểu-thuyết, hay phù phiếm như uốn tóc, sửa sắc đẹp, ca lâu, tửu quán v.v...

Chừng nào tất cả các hoạt động kinh tế trước Tết lại phục hồi tại các thành-thị, chúng ta mới thâu được nhiều tiền

và guồng đi khắp các bộ phận để bồi dưỡng cơ thể Việt-Nam.

Nguyên tắc thứ ba là giúp đỡ cho thủ công-nghiệp, tiểu-thương, tiểu-chủ, nạn-nhân của chiến cuộc, có đủ phương tiện để hành nghề trở lại. Công cụ sản-xuất, quán hàng của họ đã bị thiêu hủy, Ngân-hàng nông-tín nên thiết lập ngay tại mỗi khu phố được tái-thiết một chi nhánh để nghiên-cứu tại chỗ, và đến thẳng với dân để cho dân vay tiền làm vốn hành nghề.

Cũng như trường hợp Hợp-tác-xã Kiến-thiết, tại mỗi khu phố sẽ thiết lập một Hợp-tác-xã Bách-nghệ để gây tình đoàn-kết và trách-nhiệm liên-đới giữa các tiểu-thương, tiểu-chủ, các người làm nghề thủ-công cùng trong một khu phố và được một chi nhánh của Ngân-hàng Nông-tín giúp vốn.

Nguyên tắc thứ tư là nguyên tắc phân tán kỹ-nghệ.

Nhận-định địch có thể thọc mũi dùi vào đô-thị và pháo kích bất cứ lúc nào, là chúng ta phải chấp nhận nguyên-tắc phân tán kỹ-nghệ. Cơ-xưởng lớn được tổ-chức thành những đơn-vị nhỏ hoạt-động, hoặc riêng biệt hoặc phối hợp, tùy theo trường hợp. Kho hàng nên tách rời và thiết lập trong trung tâm thành-phố để phòng lúc xưởng bị đánh phá, hàng-hóa bị cướp bóc.

Phân tán kỹ-nghệ nên đi đôi với việc hữu-sản-hóa công-nhân. Trong một tổ-chức hợp-lý, công-nhân phải ở gần ngay cơ-xưởng, lập thành một khu vực võ trang tự-vệ. Dĩ nhiên, họ tự bảo-vệ gia-đình và tài sản, nhà cửa. Nhưng muốn cho công-nhân bảo-vệ cơ-xưởng luôn, thời một phần vốn liếng, tài sản phải thuộc về các người lao-động. Trong khi Chính-phủ cho chủ-nhân vay tiền để tái-thiết nhà máy, thời chính là dịp để bước

họ phải dành một phần vốn liếng cho công-nhân. Đó là chương-trình hữu-sản-hóa, đó là thời-cơ để thực hiện chính-sách tư-bản-hóa nhân-dân do Chính-phủ vừa chủ-trương.

Để phòng địch pháo kích, nhà máy sẽ được che chở bằng những ụ cát như cơ-quan quân-sự. Như vậy, mặc dầu địch phá hoại, chỉ trừ những điểm trực tiếp bị trúng đạn, các nơi khác vẫn tiếp tục hoạt-động, không hoang mang sợ sệt, không làm cản trở tới guồng máy sản-xuất của quốc-gia.

Nguyên tắc thứ năm là tái-thiết kỹ-nghệ với bất cứ giá nào. Từ khi thu hồi được nền độc-lập quốc-gia, nhân-dân đã gắng sức thiết lập một nền kỹ-nghệ để biến-chuyển tình-trạng kinh-tế từ lệ-thuộc, hàng-hóa gì cũng phải nhập-cảng, sang tình-trạng tự-túc phú-cường, sản-xuất lấy các đồ vật thuyết-yếu nhất.

Mỗi một nhà máy không thiết-lập trở lại là một bước lùi cho nền kỹ-nghệ quốc-gia, là một thắng lợi cho chính-sách phá hoại kinh-tế của địch. Chính-phủ có nhiệm-vụ thúc đẩy cho tất cả các cơ-xưởng phải mở cửa trở lại trong thời gian ngắn.

Cần phải có ngay một đạo luật khuyến khích việc tái thiết nhà máy, cũng như luật khuyến khích đầu-tư miễn các sắc-thuế lợi-tức, miễn luôn cả thuế sản-xuất 6% thuế môn bài, thuế bất-di-tài-sản, tất cả các sắc thuế linh tinh

Đó mới là biện pháp tiêu-cực. Còn phải tích-cực hơn nữa. Chính phủ có thể hùn vốn để lập thành xí-nghiệp hỗn-hợp, hoặc cho vay trực tiếp và mau chóng. Nhất định không dùng con rùa hành chánh và cho vay qua trung-gian của Trung-tâm Khuếch-trương Kỹ-nghệ. Dầu cơ quan này có thiện-chí đến mấy và có nói ngon nói ngọt ra sao, xin Chính phủ cũng đừng có xiêu lòng nghe theo vì một lẽ rất giản dị là cháy nhà không thể xít nước chữa lửa qua ống hoa sen được. Và muốn đi thì các vị công chức lãnh đạo Trung-tâm Khuếch-trương Kỹ-nghệ vẫn điển-hình là cái lược nước màu nhiệm nhất. Tiền cho vay mà rã ra khỏi cơ quan các ngài thời còn khó hơn là nước phông-tên các khu lao-động những ngày nóng bỏng của đô-thành.

Biện-pháp tung-tiền vào xí nghiệp bị phá-hủy vì chiến cuộc phải là biện pháp cấp cứu. Chính phủ vẫn có thể đứng ra vay tiền Quỹ Đầu-tư Thế-giới, hay bắt cứ vay Quốc gia nào muốn giúp đỡ chúng ta.

Vay để khuếch trương kỹ nghệ, chúng ta có thể xin vay dài hạn, 15 năm hay 30 năm. Và cũng chỉ trong điều kiện này các nạn nhân chiến cuộc mới hy vọng trang trải được tất cả công nợ, tất cả những sự thiệt hại đột nhiên diễn ra.

Rồi đây, trong khoảng thời gian khá lâu chúng ta lại phải nhập cảng các hàng hóa mà chúng ta đã tự túc được nhờ sự phát triển kỹ-nghệ nước nhà. Nhiều vốn liếng mới lại được tung vào ngành xuất-nhập-cảng, khiến cho nền tư-bản mại-bán tạm thời phồn-thịnh thêm, không có ích lợi gì cho nền kinh tế nói chung. Để đối phó với tình trạng này dĩ nhiên chúng ta phải xúc tiến mạnh mẽ việc hồi-sinh các nhà máy. Lâu thời, công kỹ-nghệ nạn-nhân được nhập-cảng và phân phối loại hàng hóa mà mình vẫn chế tạo trong khi chờ đợi cơ-xưởng sản xuất trở lại.

Mặt khác, giữa những nhà máy sản xuất hàng đồng loại, cũng nên có sự phối hợp chặt chẽ, để lợi dụng các bộ phận còn có thể hoạt động được, hoặc chỉ phải sửa chữa ít, để chung sức sản xuất ngay phần nào hàng hóa cung cấp cho thị-trường.

Đồng thời cũng giải quyết được vấn đề thất nghiệp cho nhân công. Một phần được thuê dụng ngay vào nhà máy. Phần khác sẽ được tổ chức để xử dụng trong các đại công tác tái-thiết, xây cất, hoặc công hoặc tư. Không những chúng ta phải giải quyết ngay vấn đề thất nghiệp, ung độc của xã hội, mà chúng ta còn phải tận dụng tất cả các khả năng, vận động tất cả các nguồn nhân-lực, không để phí một cánh tay lao động nào không chung lưng đấu cật vận-chuyển guồng máy kinh tế quốc-gia.

700.000 nạn nhân đã phải lìa bỏ khung cảnh sinh sống hoạt động thường ngày, bỏ tay ngời chờ đợi cứu trợ trong các trại tạm trú, phí bỏ thời giờ để tiếc cho đi vắng, lo cho tương lai

Ở một quốc gia nông nghiệp chậm tiến như Việt-Nam, nền kinh tế chỉ dựa trên sức lao động, hoạt động nghề nghiệp của toàn thể nhân dân. Đúng là tay làm thì hàm nhai mà tay quai thì miệng trễ. Để băng bó vết thương chiến tranh, lẽ ra chúng ta phải làm việc 12 giờ một ngày. Ngược lại, hoạt động của mọi tầng lớp nhân dân đều yếu kém cầm chừng. Các công sở làm việc một buổi và ai cũng phải công nhận là trong thời gian từ 12 giờ đến 2 giờ rưỡi, dân chúng chưa quen lui tới công sở. Sau hai giờ rưỡi

mọi người đều mỗi một rên năng-xuất tất nhiên phải kém. Chưa kể, một số công-công-chức, có thể lên tới 50 0/0 theo mức độ đa, còn phải lo công việc cứu trợ. Nên trung bình các công sở chỉ còn hoạt động 50 0/0 nghĩa là 4 giờ mỗi ngày. Bên ngoài, nhân-dân đã sống cũng tương-tự. Không kể những người thất nghiệp hoàn-toàn, các xí nghiệp chỉ hoạt động tối đa là 50 0/0 so với khi trước. Tổng cộng toàn thể nhân dân các thành thị đã lãng phí quá nhiều thời giờ. Nếu tính là có hai triệu rưỡi người làm việc tại các thành thị trong mọi tầng lớp nhân-dân, các tuổi tác và mọi nghề-nghiệp thời mỗi ngày đáng lẽ làm việc 12 tiếng mà chúng ta chỉ làm có 4 tiếng là chúng ta đã để mất 20 triệu giờ làm việc. Nếu lấy tiền công mỗi giờ là 20 đồng, thời chúng ta phí bỏ 400 triệu đồng bạc. Mỗi giờ làm việc không phải chỉ đem lại lợi tức quốc gia trị-giá 20 đồng, mà có thể tạo ra giá trị gấp 3, 4 lần nữa, nên thực sự làm việc lờng chừng là chúng ta đã làm thiệt tất cả tỷ bạc mỗi ngày về lợi tức quốc-gia.

Đó là con số đáng để chúng ta suy ngẫm vì bình thường chúng ta không ước lượng được số tiền chúng ta mất đi vô-lối, mà chỉ thấy những khoản chi hàng tỷ bạc, đã lấy làm to lớn, khổng-lồ.

Thực sự tiền cứu trợ chỉ là một hợp nước giải khát trong lúc nắng hè. Công việc quan trọng hơn hết của Chính-phủ là xách động guồng máy chiến-tranh kinh tế, thúc đẩy sức lạc-động hoạt-động đến cực-độ để tạo ra hàng-hóa, tài sản, tiền bạc và tạo điều-kiện để tất cả mọi nghề-nghiệp, mọi sinh-hoạt của thành-thị đều có thể phát-triển phong-phú.

Đường lối duy nhất để cứu vớt nhân dân Việt-Nam chỉ có thể trông mong ở bàn tay kiến-tạo của nhân-dân. Cũng như việc đảm-bảo an-ninh thành-thị, chống lại sự phá hoại của các toán địch đột kích lẻ tẻ chỉ có thể thực hiện hữu-hiệu với phong-trào nhân-dân tự-vệ.

Muốn thiết lập nền kinh-tế chiến-tranh, muốn toàn dân lao-động ra giờ mỗi ngày, và đời sống thành-thị liên-tục 19 giờ trên 24, chính-phủ phải đốt cháy giai đoạn và thành lập huấn-luyện xong khu phố, làng ấp tự-vệ trong vòng 15 ngày. Nếu con rùa hành-chánh cả tháng trời mới đẻ ra được một bản-vấn nền-tả g cho phong-trào, thời còn lâu, lâu lắm từ giấy tờ mới tiến lên được thực hiện. Trong khi đó, chúng ta đã bỏ phí biết bao nhiêu tỷ bạc lợi-tức quốc-gia.

Nhân-dân đã chán phê câu châm ngôn : « Dục tốc bất đạt » thường vẫn được dùng làm khuôn vàng thước ngọc cho hoạt-động của quý vị hành-chánh.

Trong cơn dầu sôi lửa bỏng này, nhân dân thành-thị không đòi an-ninh tuyệt đối, sẵn sàng chịu đựng sự đau thương chung của dân-tộc, chịu đựng pháo-kích, chịu đựng địch tấn-công. Nhân-dân chỉ mong Chính-phủ tạo kế-hoạch, điều-kiện, cho nhân-dân tự bảo-vệ hữu-hiệu tính mệnh, tài sản, và xây dựng một nền kinh-tế chiến-tranh mạnh mẽ trên những nguyên-tắc thông thường đã nêu ra, để các vết thương chiến-tranh đều sớm được băng bó và nhân-dân có thể sống cuộc đời no ấm giữa nền kinh tế phồn-thịnh của Quốc-gia.

BNP

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Vài chuyển hướng của điện-ảnh Tây-phương hiện nay

NGUYỄN-TRỌNG-VĂN

Một nhà sản xuất phim Ý có nói 99 phần trăm khán giả phim ảnh là đàn ông tại sao chúng ta lại chỉ biết sản xuất những phim do đàn ông đóng vai chính, mà không sản xuất những phim do đàn bà đóng. Những phim và những cảnh gay cần nếu do những cô đào tuyệt đẹp, ăn mặc hở hang đóng, chắc sẽ thu hút được nhiều khán giả hơn. Đó là một nhận xét rất đúng về phương diện tâm lý và thương mại. Phim *The Gladiators* đã được một hãng phim Ý quay lại thành ra phim *The Women Gladiators* trong đó các cuộc vật lộn, chém giết, bắn cung, đấu gươm... đều do những cô đào xinh đẹp đóng. Cuốn phim đã thành công hoàn toàn. Mấy bà mấy cô thì nhột nhạt vì thấy chị em phải yếu phô trương thân xác cũng như vật lộn, đấu kiếm dữ dội quá, còn mấy ông thì nhiệt liệt khen thưởng, có những ông đã đi xem lại đến hai ba lượt và không quên rủ theo bốn năm ông bạn mới đề cùng nhau chia vui trước những cảnh gay cần, ướt át, của những cô gái Amazone cưỡi ngựa, bắn cung, đâm chém nhau trong những y phục hết sức hở hang và gợi cảm.

Y phục càng ngày càng hở hang, cảnh làm tình càng ngày càng lộ liễu và việc chém giết càng ngày càng dữ dội, đó là ba đặc tính khiến nền điện ảnh hiện nay khác với nền điện ảnh của 10, 15 năm trở lại đây. Có người cho rằng Hoa-ly-út càng ngày càng phải cho ra những phim có tính cách khiêu

dâm, lỏa thê mới đáp ứng được nhu cầu của khán giả và sự kiện này chứng tỏ rằng khán giả điện ảnh đã trưởng thành không còn là những đứa trẻ phải kim hãm trong những cấm kỵ đạo đức và kiểm duyệt nữa. (Bruce Savage, *Why Hollywood must make sexier movies*, trong *MAN TO MAN*, 1968, t.10). Nhận xét trên không phải là sai lầm nhưng chưa đặt đúng tầm mức của vấn đề khỏa thân hay chém giết, dù là trên màn ảnh. Những cảnh khỏa thân, trần trụi thô bạo và những cảnh chém giết dữ dội còn nói lên những gì khác nữa chứ không phải chỉ liên quan đến sự trưởng thành trí thức của khán giả phim ảnh. Chúng liên hệ đến những cấm kỵ đạo đức, tôn giáo, những luật lệ về kiểm duyệt cũng như những tiêu chuẩn về thiện ác, đẹp xấu của xã hội, nói cách khác, chúng có tính cách văn-hóa xã-hội chứ không phải chỉ liên hệ đến vấn đề trưởng thành suy tưởng và giáo dục mà thôi. Nội dung táo bạo và hình thức diễn tả mới mẻ hơn đã là một điều đáng ghi nhớ nhưng thái độ của quần chúng đối với những phim táo bạo, dữ dội đó lại cũng là điều đáng ghi nhớ không kém. Một số phản đối yếu ớt nhưng đa số thì im lặng, đồng ý. Điều này chứng tỏ một biến chuyển quan trọng trong đời sống xã-hội cũng như trong tâm hồn người Tây phương đang được thể hiện trên màn ảnh qua những

cảnh làm tình và chém giết hết sức thô bạo và dữ dằn.

Ngày nay, những cảnh khóa thân nửa kín nửa hở, ngay cả những cảnh khóa thân trọn vẹn, đã trở thành lạc hậu, ấu trĩ. Khán giả cần những gì gay gắt hơn, lộ liễu hoặc thô bạo hơn. Khóa thân chưa đủ, phải làm tình, phải khiêu dâm hơn nữa mới đúng kiểu. Những hình thức khiêu dâm này đã mang nhiều sắc thái khác nhau tùy theo quốc-gia cũ g như tùy theo những nhà sản xuất phim ảnh. Tại Pháp Jean-Luc Godard đã cho ra đời phim *Week-end*. Godard đã không khiêu dâm bằng hình ảnh nhưng khiêu dâm bằng lời nói, bằng giọng kể chuyện. Trong phim trên, Mireille Darc đã qua một cuộc đối thoại với một nhà phân tâm học. Mầu đối thoại này thuật lại những kinh nghiệm tình dục hết sức tỉ mỉ của một người đàn bà bằng những danh từ sống sượng và thô tục đến nỗi không một câu nào của cuộc đối-thoại trên có thể trích dẫn lại trên báo chí được (Pierre Billard, *Les nouvelles frontières de l'érotisme*, L'Express 3-12-67, tr. 46).

Tại Thụy-điền, những đề-tài táo-bạo lại được khai-thác dưới góc cạnh khác, phóng túng và dâm loạn hơn Vilgot Sjöman đã cho ra đời ba cuốn phim làm rung chuyển dư luận Thụy-điền. Cuốn « 491 » bàn về đời sống hư hỏng, tội lỗi của 6 tên du-đăng. Đáng lý quay trở lại với trật tự xã-hội thì bọn họ lại lao mình vào vòng trộm cướp, hãm hiếp. Phim 491 bị Ủy-ban kiểm-đuyệt Thụy-điền cắt mất 85 thước, đoạn tả cảnh làm tình giữa một cô gái và một anh chần dề người Đức. Sang đến Pháp, cuốn phim trên cũng được phép chiếu chỉ cần bỏ 85 thước phim kể trên. Cuốn phim thứ nhì của Vilgot Sjöman làm náo động Quốc-hội Thụy-điền: nó bàn về một đề tài loạn-luân. Phim *Ma sœur... mon amour*

đã trình bày một cách tỉ-mỉ những thái độ và cảm nghĩ của cặp trai gái yêu nhau trong mối tình loạn-luân. Cuối cùng, cuốn phim cũng đã được chiếu tại Thụy-điền và tại Pháp. Hai cuốn phim trên đã gây náo độ g nhưng so với cuốn phim thứ ba thì hai phim đó thực chưa thấm vào đâu. Trong cuốn *Je suis curieuse* cảnh làm tình đã diễn ra 5 lần trên màn ảnh. Diễn viên hoàn toàn trần truồng, những bộ phận sinh-dục, những cảnh làm tình từ thông thường đến kiểu-cách nhất đều được phô bày trọn vẹn, rõ ràng. Ủy-ban kiểm-đuyệt Thụy-điền cố ngăn trở nhưng lại thất bại lần nữa. Hội-đồng tư-vấn gồm nhiều phóng-viên và nhà giáo-dục (hai ông và năm bà đã lập gia-đình) đã hoàn toàn đồng ý thông qua cuốn phim không một đoạn kiểm-đuyệt nào, chỉ cấm những trẻ em dưới 15 tuổi. Phim *Je suis curieuse* đã được nhiệt liệt khen thưởng tại Stockholm và tại 14 thành-phố khác ở Thụy-điền (L'Express, 30/10/1967, tr. 56).

Điện-ảnh của Hoa-kỳ mang những đặc điểm khác. Nó cũng có những phim trần truồng, làm tình như những phim của Pháp, của Thụy-điền. Trong phim *The beard* có cảnh làm tình kỳ quặc. Phim *Amérique Hurrah* cho thấy những bình nộm không lồ làm tình với nhau. Nếu nhà sản-xuất phim Antonioni tại Ý đã cho những diễn-viên của mình hoàn toàn trần truồng trong *Blow Up* thì tại Hô-ly-út những nhà làm phim cũng cho tài-tử và minh-tinh của họ khóa thân nửa mình trong những phim quan-trọng như *In the heat of the night* và *Bonnie and Clyde*. Trong phim *Barbarella*, Jane Fonda đã nhảy múa và khóa thân cho tới cuối phim. Ngoài những cảnh làm tình, khóa thân thường thấy trên màn-ảnh các quốc-gia tây-phương khác, màn-ảnh



Bỏ một hình
và hai hàng chú thích

Sự tàn bạo trong phim « Bonnie
and Clyde » của Arthur Penn

Hoa-kỳ còn có một đặc-điểm quan-trọng là nó diễn tả sự hung bạo tới cùng tột trong việc chém giết, cướp bóc. Điển-hình là những phim *Bonnie and Clyde* và *Douze Salopards* (Point Blank).

Bonnie and Clyde là cuốn phim về một bọn cướp. Điểm đáng chú ý trong cuốn phim không phải chỉ là sự trần truồng, hở hang của Faye Dunaway (trong vai Bonnie) mà còn ở nét mặt tương cướp, ngang tàng của Warren Beatty (trong vai Clyde) và ở những đoạn chém giết, cướp bóc hung bạo khác. Những vết thương, sự hấp hối, cái chết khủng khiếp được phóng đại trên màn-ảnh. Những viên đạn bắn vào người được diễn-tả tỉ mỉ, rõ ràng. Những thớ thịt co dật những cánh tay buông thõng, những thân hình gãy gập vì lớp đạn xuyên qua ngực và phá tung ra sau lưng được phóng đại trên màn ảnh làm người xem kinh hoàng. Trong phim có cảnh một tên cướp bị cảnh sát bắn vỡ sọ, một tên khác bị bắn mù mắt. Máu me, sự mô

mắm, gào thét, vùng vẫy, tất cả làm cho khán giả như ngửi thấy mùi thuốc súng hoặc mùi máu tanh. Sự sợ hãi trở nên nghẹt thở, sờ mó được, sống được. Khán giả tê liệt trong kinh hoàng, tưởng như mình đang sống trong một lò sát sinh với những con vật đang kêu rống, mắt mũi trợn ngược và máu me đầy mình.

Phim *Douze salopards* lại càng làm cho Hoa-kỳ kinh hãi, giận dữ hơn nữa. Những xác chết, những tiếng nổ kinh thiên động địa đã làm dân Hoa-kỳ mất ăn mất ngủ. Không phải những xác chết, những tiếng nổ, những bom đạn của chiến tranh Việt-nam mà là những xác chết, những tiếng nổ của phim *Douze salopards* (L'Express, 18-12/67, t. 54). Tương tự như những người đi xem cuốn phim *Bonnie and Clyde*, những người coi phim *Douze salopards* cũng hoảng hốt kinh sợ tưởng mình đang sống trong cảnh bom đạn, chết chóc thật. Phim cao bồi, chiến tranh, gián điệp cũng có những cảnh hồi hộp, dữ dội

nhưng người xem có thể chịu được, họ có cảm tưởng mình là người đứng ngoài, xem giải trí cho qua thì giờ. Trái lại với *Douze salopards* khoảng cách đó không còn nữa, họ vừa là khán giả vừa là diễn-viên, họ sống thực những tình cảm, những hành động tàn bạo tới cùng tột. Họ đi xem phim nhưng họ có cảm tưởng như bị tãi-tử trên màn ảnh đấm cho một cú uppercut thật mạnh vào cằm. Họ điếng người, vừa kinh sợ, vừa giận dữ. Robert Aldrich, cha đẻ của những phim ghê tởm như *En quatrième vitesse*, *Attaque, Vera Cruz*, *Qu'est-il arrivé à Baby Jane?*, đã đưa khán giả tới tột đỉnh của kinh hãi trong *Douze salopards*. Cuốn phim nói về đoàn cảm tử có bốn phần chiếm cho kỳ được thành lũy của bộ Tham-mưu Đức trong một cuộc đổ bộ. Họ gồm 12 tên tử tù, họ được huấn luyện với những phương pháp sắt máu, tàn bạo nhất để chém giết. Nếu họ sống sót, họ sẽ được đại xá, nếu họ chết họ sẽ được lịch-sử ghi công. Qua từng giai đoạn, sự kinh ngạc đã tăng dần cho tới giờ phút chót khi 12 tên tử tù lao mình vào sứ mạng khủng khiếp. Họ đã chết hết, trong tuyệt vọng, nhưng lịch sử đã ghi công họ như những vị anh hùng, ghi ơn những người mà trước đây chính xã-hội đó đã buộc vào những tội sát nhân kinh tởm nhất. Những người sát nhân khát máu và tàn bạo nhất trở thành anh-hùng. Kết luận thật hàm hồ và cuốn phim trở thành bất hủ chính vì tính cách hàm hồ của nó.

Cùng với cuốn *Bonnie and Clyde*, cuốn *Douze salopards* đã trở thành đề-tài cho những cuộc tranh-luận sôi nổi về sự giết chóc tàn-bạo trên màn-ảnh. Bosley Crowther, nhà phê-bình của tờ *New-York Times* cho rằng những phim như

vậy reo rắc mầm mống chống-đối xã-hội, việc khai thác bản-năng chém giết nơi khán-giả sẽ làm xáo trộn xã hội, và đồ võ đạo-đức. Trước nhận-định đó, rất nhiều nhà phê-bình khác đã cho rằng phim ảnh chỉ phản-ánh một hiện-tượng đã có sẵn trong xã-hội rồi. Joseph Morgenstern của tờ *Newsweek* viết : Những phim tàn bạo là hậu quả tất nhiên của một nếp sống tàn bạo, những phim đó truyền-đạt sự hung bạo nhưng không khai-sinh ra sự hung-bạo chẳng khác gì những máy truyền-hình tại Los Angeles đã truyền-đạt cảnh xô sát chủng-tộc nhưng đã không khai-sinh ra những cảnh xô sát đó. Pierre Billard của tờ *l'Express* cũng cho rằng phim ảnh trong trường hợp này không phải là nguyên-nhân mà chỉ là hậu-quả của mọi xáo trộn xã hội, nó bộc lộ mặt trái của xã-hội Hoa kỳ đang khủng hoảng vì sự lẫn át của máy móc, kỹ-thuật, vì nạn kỳ thị đen trắng

oOo

Mỗi xã-hội có những cấm kỵ đạo-đức, tôn-giáo hay những tiêu-chuẩn tâm-mỹ, kiểm-duyet riêng biệt để duy trì cho xã-hội đó được ổn cố và phát triển bình-thường. Khi xã-hội đã biến đổi thì những tiêu-chuẩn và cấm kỵ trên cũng thay đổi theo : chúng không còn hiệu-lực hoặc không cần thiết nữa. Người ta cần những tiêu-chuẩn, những đạo-đức mới. Sự thay đổi được thể-hiện rõ ràng và ý nghĩa nhất nơi cơ quan kiểm-duyet hoặc trong những cuộc tranh-luận tại Quốc-hội, những cơ-quan chính-thức của tổ-chức công-quyền quốc-gia. Giáo-hội, chính-quyền, các hội phụ-huynh, các tổ-chức... đều

muốn nêu những tiêu-chuẩn kiểm-đuyệt về những gì nên xem và những gì nên cấm. Hồ-ly-út cũng có những tiêu-chuẩn riêng. Từ sau Thế-chiến thứ hai, các tiêu-chuẩn khắt khe về kiểm-đuyệt của mọi giới đều bị lung lay, quần chúng như muốn trực tiếp gặp gỡ những nhà sản-xuất, những diễn-viên, những cảnh đời chứ không muốn bị dlu dắt vì những cấm kỵ đạo-đức, tôn-giáo gò bó. Những tiêu-chuẩn có tính cách nghệ-thuật uyển chuyển và chủ quan. *Tục tưu, không thanh lịch, khiêu dâm* nhưng thế nào là không tục tưu, là thanh lịch, là không khiêu dâm? Không thể trả lời được vì làm gì có tiêu-chuẩn khách-quan. Chính vì vậy có những đoạn, những phim trước kia bị cấm nay đều được tự do chiếu trợn vẹn (*Le diable au corps, Le blé et herbe, La Dolce vita, La bête humaine, The moon is blue...*). Quốc-hội Thụy-điền đã nhiều lần lên tiếng về những phim làm tình, dâm loạn nhưng những khuyến-cáo của Quốc-hội đã bị quần-chúng coi như lỗi thời. Quốc-hội Đan-mạch cũng đã họp đề bàn có nên hay không hợp-thức-hóa mọi thứ sách báo dâm-ô tục-tưu và hậu quả là 157 phiếu thuận so với 13 (!) phiếu nghịch. Một giáo-sư của Đại-học Hoàng-gia Copenhagen cho rằng đọc dâm-thư không có hại gì cho thanh-niên và đạo-đức cũng như một người đàn bà cởi truồng không làm chột mắt những người theo chủ-nghĩa khóa thân Cảnh-sát Đan-mạch đã phải dùng 9 xe vận-tải để chở 500.000 tác-phẩm khiêu-dâm trả lại cho các sở-tửu chủ! Điều đáng chú ý là khi sách báo, phim ảnh làm tình tràn ngập thị-trường thì cũng chính là lúc người ta coi những thứ đó như mọi sách báo phim ảnh khác, không có gì đặc biệt, tội lỗi hay quý giá hơn cả. Một thay đổi xã-hội và một thay đổi thái-độ sống đi

đôi với nhau. Khi hoàn cảnh kinh-tế, chính-trị, xã-hội, giáo-dục... đã được đủ bảo-đảm thì những cấm kỵ, ngăn cản không còn cần thiết nữa, người ta có thể tự-lập về đời sống kinh-tế, chính-trị, cũng như về đời sống tình-cảm, trí-thức, mà không cần người khác dẫn dắt.

Đặt việc làm tình lộ-liếu và chém giết tàn bạo trên màn-ảnh vào toàn thể của nó, từ việc làm búp-bê con trai với bộ phận sinh-dục trợn vẹn, việc giảng dạy sinh-lý tại các lớp tiểu-học đến việc tranh-luận về sự độc thân của các linh-mục, việc đức Giáo-hoàng lên tiếng về những vấn-đề chính-trị, kinh-tế hoặc việc tiếp-xúc giữa Giáo-hội La-mã với thế-giới Cộng-sản, người ta sẽ thấy ngay những chuyển-hướng của điện-ảnh chỉ là một khía-cạnh của những chuyển mành quan trọng hơn đang xảy ra ở Tây-phương. Những cấm kỵ, những lý-tưởng hay những niềm tin vốn được coi là hiển-nhiên, bất khả xâm phạm nay đã trở nên lỗi thời và bị đặt lên bàn mổ, ngay cả trên bình-diện tôn-giáo. Giáo-hội đã lên tiếng về vấn đề hạn chế sinh-sản, đức Hồng-Y Alfredo Ottoviani cũng đã có thái-độ trước những lời phát-biểu của các Giám-mục cấp-tiến về vấn đề tình-dục và tội lỗi. Số linh-mục chống lại quan-điểm của Giáo-hội về vấn đề độc thân càng ngày càng gia tăng. Có những linh-mục bỏ đạo và viết sách phê-bình Giáo-hội (như James Kavanaugh, tác-giả cuốn *A modern priest looks at his outdated church*). Tất cả những sự-kiện trên phần nào đã nói lên tình-trạng thay đổi rất đáng chú ý của xã-hội Tây-phương hiện nay.

Có người coi sự thay đổi của xã hội Tây phương như một dấu hiệu đáng bi quan. *Malcolm Muggeridge* coi xã-hội

Hoa kỳ như đang ở giai-đoạn suy đồi của Đế-quốc La-mã, lao mình vào bản năng nhục dục, sa đọa. Không những có đồ võ cấm kỵ trong phạm vi phim ảnh, ngay trong phạm vi văn-chương, âm nhạc hay y-phục cũng vậy. Những tác-phẩm tục tĩu, bạo dâm của Henry Miller, của Sade được bày bán công khai, trong những sách báo tương đối đứng đắn và trí thức tại Anh và Hoa-kỳ cũng thấy xuất hiện những danh-từ bần thiêu mà đáng lý người ta chỉ dùng trong phòng kín. Những bản nhạc dâm loạn, những bản nhạc khỏa thân, những cuộc nói chuyện về đồng tính luyến ái... dần dần trở nên quen thuộc. Váy càng ngày càng ngắn, kỹ - nghệ sản xuất những phẩm vật khiêu-dâm càng ngày càng bành trướng. Người ta sống sa đọa, hối hả trong bản năng nhục-dục, thụ-hưởng. Những người khác, lạc-quan hơn, coi sự đồ võ của những cấm kỵ như một chiến thắng, một giải-phóng của con người khỏi những gò bó lỗi thời, không cần thiết. Keith Richard, trong ban Rolling Stones, cho rằng những người trẻ tuổi không phải chỉ thích những cặp vú lớn và những cảnh làm tình gay cấu trên màn ảnh, họ còn muốn thay thế những cấm kỵ, những mặc cảm của những người già nua bằng một nếp sống tự nhiên, thành thực. Một linh mục dòng Tên, Walter J. Ong, cũng nhìn những biến đổi xã-hội theo con mắt lạc-quan. Các giới văn-nghệ-sĩ thì cho rằng chính những gì là tục tĩu, trần truồng, khiêu dâm... mới thực là khí giới giúp con người tìm lại nhân-tính của mình. Chỉ những văn-nghệ-sĩ nhân-bản nhất mới xử-dụng những chất liệu đó. Michael Mc Clure, cha đẻ của phim *The Beard*, hỏi tại sao chúng ta lại

không muốn coi mình là loài có vú và không làm những điều mà loài có vú làm. Halprin coi thân xác cũng là một thứ quần áo, chính sự trần truồng cũng là một thứ tiếng nói, nó cũng diễn-đạt tình-cảm con người và đó là lối diễn-tả mới mẻ nhất.

Có những khuynh - hướng khác nhau giảng nghĩa sự biến chuyển của xã-hội và sự đồ võ của các cấm-kỵ theo một chiều hướng rộng rãi và đặc biệt hơn. Các người có lối nhìn lịch sử cho rằng xã-hội con người biến chuyển giữa hai thái-cực là Lý-trí và Bản-năng, mà điển hình là thần Dionysos và thần Apollon, xã hội Tây-phương đang chuyển từ Lý-trí sang Bản-năng. Một số người theo thuyết biến hóa lại quan niệm những đồ võ của xã-hội theo chiều hướng khác. Buckminster Fuller cho rằng vai trò sinh sản, sự cấm dâm của tình dục nơi người khác phái dần dần giảm bớt để nhường chỗ cho việc đồng tính luyến ái. Người ta có quan-niệm mới về tình-dục đồng thời hạn-chế việc sinh-sản, như vậy là biến-hóa theo tự nhiên. Những nhà xã-hội học không công nhận quan-điểm lịch-sử và biến-hóa. Hai lối nhìn trên đã lấy mất quyền chủ-động của con người, thật ra sự sụp đổ của những cấm kỵ đạo đức, tôn giáo không phải là dấu hiệu tất yếu của suy tàn hay tiến-bộ, nó chỉ có nghĩa như một khởi điểm cho công cuộc tìm kiếm những giá-trị mới, chính sự thành công hay thất bại của con người trong công cuộc tìm kiếm này mới làm xã-hội tiến lên hoặc sụp đổ hoàn toàn trong bản năng thụ hưởng, sa đọa. (*Newsweek*, 13/11/67, t. 44)

...Điện ảnh Tây-phương đang lao mình vào những chuyển hướng quan trọng, nó xoay quanh hai chủ-đề chính yếu: làm tình lộ liễu và giết chóc tàn bạo. Những cấm kỵ cũ đã sụp đổ, những luật-lệ mới chưa thành hình. Liệu người Tây-phương có tìm được một lối thoát cho những vấn đề mà xã-hội họ đã đặt ra hay không?

NGUYỄN-TRỌNG-VĂN

Kẻ ác người thiện

Vụ rần công của cộng-sản đầu năm Mậu Thân vào các đô-thị miền Nam Việt-Nam và trận chiến tại Khe-Sanh hiện nay làm cho thế-giới xúc động. Sự tiến bộ của các kỹ-thuật thông-tin tăng cường mỗi xúc động ấy. Cuộc đổ bộ tại Normandie hùng-vĩ ra sao, cuộc dội bom nguyên-tử xuống đất Nhật thế thảm ra sao, quần chúng trên thế-giới hơn hai mươi năm trước có thể được thông báo mau lẹ, được nghe mô tả, nhưng không được trông thấy ngay. Bây giờ, nhờ vô-tuyến truyền-hình, ở Âu-Mỹ dân chúng có thể ngồi nhà mà chứng kiến, theo dõi bằng mắt, cảnh chết chóc ở khu Hàng-Xanh Saigon, ở trong thành nội Huế.

Và đây đó, ai nấy bất bình, kêu lên: « Tại sao một cuộc chiến-tranh làm tổn thương lương-tâm nhân-loại như vậy lại chưa chấm dứt? ». Câu nói ấy, André François Poncet đặt vào miệng một trong hai nhân-vật vô danh đối-thoại về vấn đề chiến cuộc tại Việt-Nam. Nhân-vật ấy vô danh là phải, vì anh ta có thể là bất cứ ai.

Anh ta có thể tên là Russell, là Sartre, là Dedijer, v.v..., những nhà trí-thức đã mở phiên tòa tại Stockholm hồi năm ngoái kết án Hoa-kỳ và Tổng-thống Johnson. Anh ta cũng có thể là anh hàng võ-sĩ Cassius Clay từ chối nhiệm vụ quân-dịch để chống chính-rách chiến-

tranh. Anh ta lại cũng có thể là Jean Baez, là Bob Dylan v.v..., những ca sĩ đã lên tiếng e a chê cuộc bắn giết nhau tại Việt-Nam.

?

Dư luận nhằm vào Tổng thống Johnson vì ông ta sử dụng một binh lực hùng hậu nhất, ông có trách nhiệm lớn. Thực ra các kẻ hữu-trách khác đều chia xẻ sự khốn đốn ấy. Tổng-thống Phác-Chính-Hy đi phó-hội ở Manille cũng bị nhiều báo Tây-phương mô tả như phùng mặt sắt khó ưa. Người ta bảo thiếu-tướng Nguyễn-Cao-Kỳ năm nọ viếng nước Úc đã gỡ được một thành kiến: trước khi thấy ông, không biết dân Úc đã tưởng tượng ra một hình thù mặt xanh nanh vàng như thế nào mà đến lúc gặp ông họ thở ra, nhẹ người: « Trông ông ta bất thiệp, không có vẻ gì hiếu chiến. » Bây giờ kẻ bất thiệp ấy tình nguyện vào đoàn quân Bắc-tiến, dân Úc chắc hẳn lại giận, và tự bảo: Không nên tin ở bề ngoài nữa. Những kẻ ấy dù hòa nhã vẫn sẵn sàng lao vào những hành-động làm « tổn thương lương tâm nhân loại » vô kể.

oOo

Trong trường hợp mà chuyện phải đánh nhau đã không còn gì để phân vân

ngibi ngoyi nữa, thì thiên hạ lại vẫn e ngại rằng một cú đánh ào đó có nặng quá đi chăng, có mạnh quá mức cần thiết chăng. Liệu không thể lựa một đòn khác, nhẹ hơn mà vẫn đủ đưa tới thắng lợi sao? Cần gì chọn cái vỏ dã-man ấy?

Mấy quả bom nguyên-tử rơi xuống Hiroshima hai mươi năm ba năm rồi, chắc mắc vẫn còn. Hành động ấy có thực sự là cần-thiết chăng? Kết thúc chiến tranh bằng bom nguyên-tử và kết thúc bằng một cuộc đổ bộ lên đất Nhật, bên nào ít gây thiệt hại hơn? Ai? Kẻ nào đã xúi bầy, kẻ nào đã quyết định vụ oanh tạc ấy? Tổng thống Truman? Stimson, Bộ trưởng Chiến tranh Hoa-kỳ?

Những kẻ nào đã nhúng tay vào công việc ấy? Nhà bác học nào đã nghĩ ra, những kỹ-thuật-gia nào đã cộng-tác, đã mó tay vào việc chế tạo quả bom? Anh phi công nào đã lái chiếc máy bay tội lỗi? Sĩ quan nào đã bấm nút thả bom? Hãy phanh phui tất cả, hãy đưa hết những kẻ ấy ra trình-diện trước công-luận xem nào. Những kẻ ấy, bây giờ họ ở đâu? Họ sống khốn đốn như thế nào? Họ đã chết đau đớn ra sao? Có tin đồn rằng anh phi công nọ vào tu-viện sám-hối, lại có tin đồn rằng anh ta mắc bệnh thần kinh, điên loạn, vì quá hối hận v.v. ..

Phải. Những kẻ trong đời từng tham dự vào một công việc dữ tợn như thế không thể sống bình-thường, càng không đáng sống cuộc đời thú vị của những cô cậu đeo chéo cây đàn ngang ngực, mang chiếc đầu bù xù đi hát dạo, của những người làm thơ, chép sử, giảng triết học, suốt đời chẳng làm cho ai phải què chân gãy tay.

oOo

Nhân loại xưa nay nhúng tay vào máu đã nhiều lần. Nhưng không phải vì vậy

mà dễ dàng kết luận rằng con người độc ác, hiếu sát. Cứ coi cái cách con người tự kiểm điểm những hành động chiến-tranh của mình, nhận-định phán xét kịch liệt và dai dẳng về những hành động ấy, thì đủ rõ đức nhân từ cũng mệnh mông lắm, đâu phải vừa.

Có điều nhân từ hay ác độc không hẳn tùy ở bản tính mỗi người, mà còn tùy thuộc rất nhiều vào cái cương-vị, trách-nhiệm của mỗi người. Hơn hai mươi năm trước đây, chính L.B. Johnson, chính ông Johnson ấy, hồi còn làm nghị-sĩ, đã đứng ra nhất định ngăn cản tổng thống Eisenhower và ngoại trưởng Dulles đem bom Hoa-Kỳ bỏ xuống Điện-biên-phủ. Hồi đó, ông ta là người phản-đối chiến-tranh. Ông ta đã thành công. Ông ta rút được một kinh nghiệm để hai mươi năm sau đem ra dùng, nhờ đó lần này ông ta cũng thành công nữa: quyết định dội bom Bắc Việt mà không để cho nghị-viện kịp ngăn trở.

Coi vậy đâu phải lúc nào ông Johnson cũng ham đánh nhau.

Ông Johnson, bây giờ ông ấy bị công kích nhiều quá nên biện-minh cho ông hơi khó. Nhưng về phần các nhà lãnh đạo xứ Ấn-độ thì không ai ngờ vực họ được: đích thị đó phải là những người yêu chuộng hòa-bình nhất, họ chủ trương trung lập, hô hào giải quyết mọi tranh chấp bằng điều đình thương thuyết, không xâm phạm ai, không chống trả bằng vũ lực, không quan-tâm tới vấn đề chế-tạo vũ khí tối tân; họ bài bác, công kích, phản đối, kết án mọi cuộc xung đột trên thế-giới. Thế nhưng trong vụ Cachemire ba năm trước đây, tất cả những vị ấy, từ Tổng-thống, Thủ tướng cho đến các vị Bộ-trưởng, họ đều giận tái người, chồm chồm lên, muốn nuốt

tươi Hồi-quốc. Phải vất vả hết sức mới đỡ dành cho họ nguôi. Kossiguine thỉnh họ qua Tachkent, ba ngày tiệc nhỏ năm ngày tiệc lớn, vỗ về mãi, họ mới bằng lòng nói chuyện với Hồi. Ấy thế là họ trở lại yêu hòa bình ngay, lại xỉ vả, kết án chiến tranh tức thì. Có cô gái đẹp xứ họ định qua thăm lính Mỹ ở Việt-nam họ cũng suýt không cho đi. Tất cả những vị ấy lại đều xướng đáng ngồi bên cạnh Russell trong tòa-án xử tội ác chiến-tranh.

Đáng tiếc là họ không có dịp ngồi ở đó, cũng như những ông B. Russell, Luther King, không có dịp được trao cho trách nhiệm bảo-vệ quyền-lợi và danh-dự nước Hoa-kỳ, hay chủ-quyền của Việt-Nam Cộng-hòa, để người ta thấy rõ hoàn cảnh ảnh hưởng ra sao đến thái độ đạo-đức của mỗi người.

oOo

André Chamson hồi đại chiến từng phục-vụ trong quân-ngũ. Một hôm, trời lạnh — 18°, ông dẫn mấy người lính đi thám-sát ngoài mặt trận. Ngoài trừ những giống dân sống ở cực bắc, không ai không điều đứng khờ sở khi gặp tiết trời như thế. Sau bao nhiêu cố gắng vất vả, André Chamson bắt gặp một người lính gác Đức đang quay lưng lại phía mình. Ông giơ súng lên ngắm, sắp sửa bóp cò, thì tên lính Đức bỗng nháy cựa lên, múa tay múa chân lung tung. Ông hiểu: lạnh quá hẳn chịu không nổi, múa men một chút cho bớt lạnh. Ông thấy tình cảnh của hắn thật không khác gì tình trạng của mình; cả hai không còn là thù nữa, chỉ là hai con người cùng khờ sở như nhau vì cái lạnh; ông hạ súng xuống, không nổ giết.

Ít lâu sau, nước Pháp bị Đức chiếm cứ, đọa đày, hạ nhục. Ở Ba-lê, độ ấy,

mỗi lần gặp một người lính Đức trông vóc dáng hao hao giống kẻ mà ông tha chết ngoài mặt trận, A. Chamson lại thấp thỏm thắc mắc, không biết có phải chăng chính kẻ ấy bây giờ đang hoành hành tác quái giữa thủ-đô ông. Ông hối hận, tự thấy có lỗi.

Chiến-tranh kết thúc. Ông sang Đức hội họp, gặp những người bạn trí-thức Đức, hòa nhã, thông thái, có kẻ hao hao giống anh lính Đức độ nọ, ông lại mừng rằng may mà hồi ấy đã không bóp cò súng.

Tự xưng giết một mạng người, thật là chuyện ghê tởm. Một kẻ vô danh, xa lạ, chỉ làm có mỗi một cử động là nhảy cựa lên, nhắc đến sự yếu đuối của mình, cũng đủ làm cho ta cảm thấy gãi gãi bả. Thế nhưng hoàn cảnh khiến cho có lúc ta phải ân hận đã không nổ vào kẻ đồng loại yếu đuối ấy một phát súng.

oOo

Người y sĩ; hễ cứ có ai đem tính mạng đến phó thác vào tay ông ta thì ông ta lo cứu cho kỳ được. Rốt cuộc sau bao nhiêu thế kỷ văn minh, các y sĩ càng ngày càng tỏ ra đặc lực, thì nhân loại bây giờ đầy dẫy những phần tử suy nhược, bệnh hoạn.

Xưa kia, trong hoàn cảnh cạnh tranh để sinh tồn, hạng lão nhược, tật nguyên, kém khôn ngoan, đều bị đào thải; nhân loại còn lại toàn hạng lành mạnh. Bây giờ: ngu đần, ngờ ngẩn, mang tật từ trong thai, căn cỗi yếu đuối v.v... vẫn sống được, càng ngày càng thêm thọ, và cũng sinh con đẻ cái như ai. Hạt giống di truyền (gène) của họ được phân phát rộng rãi. Do đó, trong cái vốn hạt giống của nhân loại thứ xấu cứ tăng thêm mãi. Có phải vì vậy mà nhà tù mỗi lúc mỗi thêm đông tội phạm sát nhân, mà nhà thương mỗi lúc mỗi nhiều hạng trí óc

bất thường hay mang những chứng bệnh kỳ quặc ? Nhiều nhà sinh vật học, Jean Rostand, Charles Richet, Lucien Cuénot, Muller v.v... lo lắng cho tương lai của giống người. Có kẻ đề nghị những biện pháp tước quyền truyền giống của các phần tử mang nhiều khuyết điểm hoặc về tinh thần hoặc về thể xác.

Người y sĩ chịu trách nhiệm đối với từng cá nhân chỉ biết chăm nom cá nhân. Nhà sinh vật học quan tâm đến cái sức khoẻ của cả chủng loại thì lại phàn nàn rằng y sĩ làm hỏng giống người đi. Mỗi người, trong cương vị của mình, đều suy nghĩ và hành động theo trách nhiệm mình. Thế rồi một dụng ý tốt ở chỗ này lại đưa tới hậu quả xấu ở chỗ kia.

Người cầm quyền chính trị chịu trách nhiệm đối với một tập thể trung gian giữa cá nhân và chủng loại : quốc gia. Ông ta chăm nom lo lắng cho cái tập thể ấy, và đôi khi phải quyết định những điều

có hại đến tính mạng của nhiều cá nhân cũng như đến sự an toàn của nhân loại. Từ phía này cũng như từ phía kia, thiên hạ nhắm vào ông ta mà trách cứ.

oOo

Chúng ta càng đán nhau thể giới càng sốt ruột, càng khó chịu vì sự bướng bỉnh của những người trong cuộc. Và khốn khổ cho những kẻ cầm quyền các quốc gia tham chiến : họ gồm có một số ít, sẽ phải làm mục tiêu cho sự bất bình của mọi người. Bởi vì tất cả mọi người, nam phụ lão ấu, đều có thể tự trao cho mình trách nhiệm che chở cái lương tâm nhân loại đang bị tổn thương, từ nhà triết-học, ông mục sư, cho đến anh võ sĩ, cậu hát rong, đến những chú bé mười sáu mười bảy tuổi vừa gõ cán dù vào đầu ngoại trưởng Tây Đức Willy Brandt v.v... Và những người đạo đức ấy sẽ còn đó, mãi mãi đề làm công việc bất bình, chê trách, phản đối : họ không có nhiệm kỳ.

VÕ PHIẾN

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

vài nét chính của

Văn-học Trung-quốc hiện-đại

Người ta thường bảo dân-tộc Trung-Hoa là một trong những dân-tộc thủ cựu nhất thế-giới, vào hạng Thô-Nhĩ-Kỳ. Lời đó không còn đúng nữa và tôi ngờ rằng lời ngụ ngôn trong Tháhh-kính : Thủy tổ loài người tạo bằng đất sét, có phần đúng hơn. Văn-hóa có thể nặn con người ra sao cũng được. Cái cần một nhóm người cương quyết có một đường lối rõ rệt, có đủ phương tiện là trong một vài thế-hệ, tính tình, nếp suy tư, tập quán, nếp sống của một dân-tộc có thể thay đổi hẳn.

Mới từ đầu thế-kỷ đến nay, nước Trung-Hoa từ một chế-độ phong-kiến, từ tình-trạng bán thuộc-địa đã tiến tới chế-độ độc-tài vô-sản, lãnh-đạo một số dân-tộc theo cộng ở Châu-Á mà nhảy lên địa-vị cường-quốc thứ ba trên thế-giới. Sự biến-chuyển lớn lao đó, như Mons-terleet đã nhận xét, phần lớn là do công lao của các văn nghệ-sĩ; họ đã cải hóa tính tình của thanh-niên, chuẩn-bị cho cuộc chiến tranh chống Nhật, dọn đường cho cộng-sản và tạo nên nước Trung-Hoa mới.

Trong giai đoạn đầu từ 1898 đến 1916, giai đoạn giao thời, mới chỉ có những cải cách rụt rè. Các nhà lãnh-đạo phong-trào duy-tân đều là những nhà Nho ái-quốc, tiến bộ, có chút tư tưởng mới như

Khang-Hữu-Vi, Lương-Khải-Siêu, Đàm Tự-Đồng, Hoàng-Tuân-Hiến... Họ vẫn muốn giữ cái bình cũ, đánh bóng, lau chùi nó lại một chút, để chứa một thứ rượu mới nhập-cảng ở phương Tây, sau khi chế biến qua loa cho hợp khẩu-vị dân chúng.

Giai đoạn thứ nhì, 1917-1927, mới thực là giai đoạn cách mạng. Ngọn cờ chuyển qua tay các nhà tân học ở Nhật hoặc Âu, Mỹ về. Tất cả cái bình cũ (văn ngôn) không thể chứa rượu mới được, bọn Hồ Thích, Trần Độc Tú thay nó bằng cái bình mới (bạch thoại). Rượu cũng mới hơn, nồng hơn một chút. Người ta cổ xúy một thứ văn học mới để truyền bá thực hiện chủ trương dân chủ mới. Các văn nhân hăng hái áp dụng kỹ thuật phương Tây trong việc sáng tác và chỉ mới thành công về loại truyện ngắn : Lỗ Tấn, Diệp Thiệu Quân, Băng Tâm, Úc Đạt Phu ..

Cuối giai đoạn này ta đã thấy xuất hiện hai khuynh hướng, một thiên hữu : Hội Nghiên cứu văn học, một thiên tả : Nhóm Sáng tạo.

Qua giai đoạn sau 1928-1937, giai đoạn trưởng thành, văn học phát triển rất mạnh : có đủ các khuynh hướng : hữu, tả, trung đạo, độc lập. Người ta tranh

luận nhau sôi nổi. Xét chung thì phe tả hơi thắng thế.

Người ta thành công trong mọi thể : truyện ngắn, truyện dài (Mao Thuần, Lão Xá, Thâm Tông Văn, Trương Thiệu Đức, Ba kim, Đinh Linh...), kịch (Tào Ngu, Quách Mạt Nhược), thơ (Từ Chi Ma, Văn Nhất Đa, Biện Chi Lâm) tạp văn (Lỗ Tấn, Chu Tác Nhân, Lâm Ngữ Đường...).

Giai đoạn thứ tư, 1937-1949, tả hữu liên hiệp với nhau để chống Nhật : phe tả văn đông hơn, hăng hái hơn, gồm nhiều tiểu thuyết gia có tài hơn. Chiến tranh mới kết liễu, họ lại chia rẽ, tả đứng trong hàng ngũ của Mao Trạch Đông, hữu đứng về phe Tưởng Giới Thạch. Nội chiến phát sinh, và năm 1949 Mao chiếm được trọn lục địa, Tưởng phải chạy qua Đài Loan.

Sự sáng tác kém về phẩm : người ta đặt mục tiêu tuyên truyền, cứu quốc lên trên hết, nên tính cách hiện thực sút giảm, đại đa số tác phẩm chỉ có một công dụng nhất thời. Các nhà văn lớp trước vẫn còn uy-tín ; một lớp nhà văn mới xuất hiện ở vùng cộng (Ngải Vu, Triệu Thụ Lý, Lý-Quý, Đỗ Bằng Trinh, Dương Sóc...) và ở vùng bị Nhật chiếm đóng : Thượng-Hải, Nam-Kinh, Hương-Cảng (Tiền-Chung-Thư, Sư-Đà, Trương-Ai-Linh).

Tác-phẩm ở vùng Quốc tụy phục-vụ chiến-tranh nhưng còn chú-trọng ít nhiều tới nghệ-thuật ; tác-phẩm ở vùng Cộng, tuyên-truyền mạnh hơn, kỹ-thuật kém hơn ; còn tác-phẩm ở vùng Nhật chiếm đóng, không chú trọng tới chính-trị mà chỉ đeo đuổi nghệ-thuật.

Từ 1949, đa số văn nghệ-sĩ ở lại Hoa lục và nhận sự chỉ huy văn nghệ của Mao Trạch Đông, dùng cây bút phục vụ

nông, công, binh, trở lại những « bình thức dân tộc », sáng tác tuy nhiều, nhưng đều theo công thức. Gần như năm nào cũng có những cuộc hội nghị để định lại đường lối, hoặc để đấu tranh tư tưởng, khai trừ những văn nghệ-sĩ còn giữ tinh thần cá nhân. Giai cấp vô sản đã bắt đầu sáng tác, được khuyến khích nhiệt liệt.

Còn ở Đài-Loan, không khí thật yên tĩnh : chính-phủ không quan tâm tới văn nghệ mà văn nghệ-sĩ cũng chán nản, rời thực tế mà mơ mộng hảo huyền, cơ hồ như thiếu lý tưởng. Trong mười năm, từ 1949 đến 1959 chỉ có được một tác-phẩm của Khương-Quý và vài tác-phẩm của Trương - Ai - Linh là có giá trị, mà Ai-Linh lại ở Hương-cảng.

Trong mấy năm gần đây từ 1960 trở đi, hình như ở Đài-Loan, văn học đã khởi sắc một chút : một số tác-giả trẻ đã thí nghiệm những khuynh hướng mới của Âu-Mỹ, nhưng họ lại Âu-hóa quá, không được phổ-biến rộng trong dân-chúng.

— Ở Hoa lục, người ta vẫn theo đường lối Mao Trạch Đông, chỉ phục vụ vô sản. Từ 1949 Mao đã nói :

« Trong thế giới hiện đại, bất kỳ văn hóa hay văn học nào cũng thuộc về một giai cấp, một đảng nào đó, theo một đường lối chính trị nhất định nào đó. Nghệ thuật vị nghệ thuật, nghệ thuật vượt lên trên giai cấp, nghệ thuật không tùy thuộc sự diễn tiến của chính trị, thứ nghệ thuật đó, thực ra không có» (1)

Hiện nay — 1966 — đang có một cuộc thanh trừng lớn lao trong giới văn nghệ sĩ cũng như trong mọi giới khác, Quách-Mạt-Nhược ngoài bảy chục

(1) Theo Monsterleet.

tuổi mà còn phải tự kiểm thảo hứa sửa đổi tác phong một lần nữa. Chắc hẳn chủ trương của Mao sẽ được theo triệt để hơn bao giờ.

Phân tích ra từng giai đoạn thì như vậy, tổng hợp lại thì ta thấy trong nửa thế kỷ nay, từ 1917, văn học Trung Quốc có những nét chính dưới đây :

— Vì nhân sinh, hầu hết nhà văn nào cũng quan tâm tới chính trị, phục vụ quốc gia.

— Có tính cách hiện thực, nhà văn nào cũng làm chứng nhân của thời đại, vạch những hủ tục, những xấu xa với mục đích cải tạo xã hội, do đó mà thứ tiêu thuyết châm biếm, «khiến trách», tiếp tục truyền thống. *Nho lâm ngoại sử, Lão tàn du ký. Nhị thập niên mục đồ chi quái hiện trạng*, phát triển mạnh mẽ, dưới những hình thức mới hơn.

— Có tính cách duy lý (rationaliste) nhân đạo, một phần vì truyền thống Khổng Mạnh, một phần vì các văn nhân quan tâm tới chính trị nhân sinh, tức những vấn đề rất thực tế ; do đó họ ít khai thác tâm linh và tâm lý. Chỉ có mỗi một nhà : Lạc Hoa sinh là viết về tôn giáo, và vài ba nhà : Thâm Tông Văn, Tiền Chung Thư, Trương Ái Linh là phân tích tâm lý, nhưng cũng không lấy gì làm sâu sắc, trừ họ Trương.

— Chịu nhiều ảnh hưởng của văn học phương Tây, về mọi thể, đặc biệt là của Nga, Pháp, Anh.

Về kết quả, lời phê bình Monsterleet có phần xác đáng. Ông bảo : «Văn học Trung hoa hiện đại tuy không thể so sánh với những văn học lớn của phương Tây, nhưng cũng không kém văn học Nga cũng trong thời đại đó.» Những cây bút như Lỗ Tấn, Ba kim, Mao Thuấn, Tào Ngụ, Từ Chí Ma, Thâm

Tông Văn, Lão Xá, Trương Ái Linh... đáng được thế giới lưu ý tới. Mà so với văn học Việt Nam hiện tại, họ cũng có chỗ hơn mình.

oOo

Chúng tôi không hiểu, văn học Triều Tiên-Mãn Châu ra sao, chứ văn học Việt Nam thì các thế kỷ trước chịu ảnh hưởng rất lớn của văn học Trung Hoa mà từ đầu thế kỷ đến nay, cũng theo sát họ, chỉ trễ hơn họ khoảng mười năm, gần đây như đuổi kịp họ.

Hoàn cảnh hai nước có nhiều điểm giống nhau. Khi mình còn là thuộc địa, thì họ là bán thuộc-địa; họ mới được Âu Mỹ trả lại các nhượng quyền thì vài năm sau mình cũng tuyên bố độc lập ; họ bị chia hai thành Quốc và Cộng năm 1949, thì năm năm sau mình cũng chia làm hai miền Bắc và Nam, hai miền này cũng y như hai miền của họ về chế độ, văn-hóa, xã-hội.

Có vài điểm dị biệt :

Mình là thuộc địa, phải học tiếng Pháp, nên Việt văn tiến chậm, thanh-niên của mình thời tiền-chiến, ít được du-học ngoại-quốc, và chỉ được qua Pháp, không tiếp thu được văn-hóa của Nga, Đức, Anh, Mỹ, Nhật...

Cũng vì lệ thuộc Pháp, mình không được tự-do ngôn-luận, không có những cuộc vận động rầm rộ như Ngũ-tứ, Ngũ-táp... mà phong trào thiển tả không phát triển được như ở Trung-Hoa, mặc dầu những phong-trào quốc-gia của mình cũng hăng lắm.

Nhưng mình có một điểm lợi hơn họ là không phải làm cuộc cách-mạng bạch-thoại. Vì mình có văn Quốc-ngữ (1) khi

(1) Chữ Nho của mình dù sao cũng là vay mượn nên quốc-dân dễ bỏ nó đề dùng chữ Quốc-ngữ.

bỏ chữ Nôm để dùng Quốc-ngữ thì người dân nào học độ một hai tháng là cũng đọc được, viết được, như vậy văn học của ta phổ-biến rất mau, đuổi kịp và sau này có thể tiến hơn họ nữa, nếu từ nay đến cuối thế kỷ họ vẫn chưa tìm cách la-tinh-hóa văn tự của họ.

oOo

Đó là xét về những điểm dị đồng căn bản. Dưới đây chúng tôi đối-chiếu hai văn-học về phương-diện biến-chuyển. Vấn đề này rất thú-vị, nhưng phải đợi khi nào chúng ta có đủ tài-liệu, để nghiên-cứu kỹ văn-học Trung-Hoa hiện đại rồi, mới có thể phân tích và tổng-hợp được. Hiện nay chúng tôi chỉ có thể cầm vài bông tiêu thôi.

Phong-trào Đông-Kinh Nghĩa-Thục năm 1908 của mình chắc chắn là một tiếng vang của phong-trào Duy-Tân năm Mậu Tuất (1898) của họ, nhưng kém màu sắc chính-trị vì mình lúc đó mất chủ-quyền, triều-đình Huế chỉ là bù nhìn. Cả hai phong-trào đều do nhà Nho lãnh-đạo và đều bị đàn áp sau một thời gian ngắn hoạt-động sôi nổi, gây ảnh-hưởng lớn trong dân chúng, Các cụ trong Nghĩa thực đều đọc sách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu và cũng như Khang, Lương rất thích tư tưởng của Montesquieu, Jean Jacques Rousseau. Các cụ không hoàn toàn thất bại, ít nhất cũng đã cảnh tỉnh nhân dân và thúc đẩy nhà cầm quyền phải sửa đổi chính sách, theo tân học mà bỏ khoa cử : Trung Hoa năm 1905, ta năm 1915 trẻ hơn họ mười năm ; nên đề ý : phong trào duy tân của ta cũng phát sau họ mười năm.

Năm 1917 mình không có cuộc vận động văn học như họ như trên tôi đã nói ;

nhưng khi Hồ Thích và Trần Độc Tú giờ cao ngọn cờ cách mạng thì ở bên mình, những nhà có tân học như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh cũng đứng ra lãnh đạo văn hóa. Tất nhiên, vì hoàn cảnh, hai họ Nguyễn và Phạm không thể ví với hai họ Hồ và Trần được. Từ đó văn học của ta cũng như của Trung Hoa chịu ảnh hưởng mỗi ngày một đậm của văn học phương Tây.

Giai đoạn trưởng thành của hai nền văn học mới đo gần như chùng lên nhau và cùng ngắn ngủi như nhau : khoảng mười năm : họ, từ 1928 đến 1937 ; ta từ 1930 đến 1939. Trong mười năm ấy, cũng như họ, tiểu-thuyết của mình tiến mạnh nhất, rồi tới thơ, kịch. Tiểu-thuyết gia của mình cũng đả đảo hủ tục, chế độ phong kiến, chế độ đại gia đình và cũng chiến đấu cho tự do luyện ái.

Hình ảnh cô Mai (trong truyện Hồng của Mao Thuấn) rất quen thuộc với chúng ta mà hình ảnh bà Tuần (mẹ chồng cô giáo Minh của Nguyễn-Công-Hoan) chắc cũng không xa lạ gì với họ.

Vì bị thực dân kiểm-duyet gắt gao, chúng ta không có những tạp văn giọng phần uất và cay độc như của Lỗ-Tấn. Nhưng Tự-Lực văn-đoàn cũng đã dùng những hí-họa để đả-kích nhiều nhân-vật, nhiều hủ-tục. Phong trào tả-khuynh của ta không thể phát triển được một cách công khai, mãi đến năm 1936, đảng xã-hội lên cầm quyền ở Pháp, nó mới lấp ló một chút trong tác phẩm của nhóm Hàn-Thuyên, nhưng cuộc tranh luận về nghệ-thuật vị nghệ-thuật hay vị nhân-sinh cũng sôi động lên trong một thời.

Văn học khiển trách của mình cũng kém họ (họ có một truyền thống từ mấy thế kỷ trước), nhưng không phải là vắng bóng hẳn : Vũ-Trọng-

Phụng, Nguyễn-Công-Hoan đã được một số đông độc-giả toan-nghênh và hiện nay đọc lại một số tác-phẩm của Vũ, chúng ta vẫn còn thấy hứng thú.

Và cũng như họ, mình ít quan tâm tới tâm linh, tâm lý : mình không có tiểu thuyết nào về tôn-giáo. Hồn buồm mơ tiên chỉ là một truyện tình trong tiếng chuông chùa, dưới mái tam quan ; mà những phân tích tâm lý trong tiểu thuyết của mình thời tiền chiến thực ra còn hơi hợt. Mình không có được một Tào-Ngu, một Quách Mạt Nhược, nhưng những xung đột trong gia đình, những bất công trong xã-hội và những gương chiến-đấu trong i-h-sử cũng đã được đưa lên sân khấu.

Xét chung, văn-học của mình lãng mạn hơn họ, kém tính cách hiện thực, chiến-đấu. Vì hoàn cảnh của mình khác ; nhưng lãng mạn cũng có thể coi là một hình thức phản-kháng, phản-kháng tiêu-cực. Các lý-thuyết gia văn-nghệ Cộng-sản còn bảo nó là một hình thức cách-mạng nữa.

Trong thế chiến 1939-1945, tình cảnh văn-học của ta thực tiêu điều, không được như ở Trung-Hoa ; chúng ta không được chiến đấu cho xứ sở như họ, thành thử ngay những tác phẩm ái quốc, tuyên truyền chúng ta cũng không có, hoặc có mà ở trong vòng bí mật, tới bây giờ vẫn chưa ai xuất bản.

Nhưng từ 1945, văn học của ta lại tiến song song với họ. Đặc biệt là từ năm 1954, đất nước chia đôi, thì miền Bắc theo đúng đường lối văn nghệ của Trung Cộng : cũng phục vụ nông công binh, cũng muốn trở về những « hình thức dân tộc », cũng phát động phong trào ca dao, cũng thử cho « trăm hoa đua nở » trong một mùa, rồi cũng thanh trừng... mặc dầu không quyết liệt bằng Trung

Cộng ; còn ở miền Nam thì như chúng tôi đã nói trong phần trước (1) chúng ta với Đài Loan không kén mà cùng gặp nhau ở nhiều điểm : thiếu đường lối, thiếu tổ chức, thiếu lý tưởng, thiếu tinh thần chiến đấu, phục vụ ; chính quyền muốn « nắm » văn nghệ mà không nắm được, rồi lơ là với nghệ, còn văn-nghệ-sĩ thì được tự do mơ mộng, một số mượn cớ làm « chứng nhân thời đại » « mà đầu độc tinh thần thanh niên. » Có phải hoàn cảnh giống nhau thì tự nhiên văn nghệ cũng như nhau chăng ?

oOo

Từ xưa tới giờ, dân tộc Trung Hoa, mà các dân tộc khác chắc cũng vậy, vẫn có hai chủ trương : nghệ thuật vị nhân sinh và nghệ thuật vị nghệ thuật.

Trong cả thời Xuân-Thu và Chiến Quốc dài năm trăm năm, nghệ thuật, nói đúng hơn là văn học vì lúc đó người Trung Hoa chưa có quan-niệm rõ rệt về nghệ-thuật, phục vụ nhân sinh : các triết-gia tìm cách lập lại trật tự trong xã hội, người đề-nghị phương-pháp này, người chủ-trương chính-sách nọ.

Cuối thời Chiến-Quốc và trong đời Tần, xã-hội cực loạn, một số nhà văn chán ngán, chỉ muốn phục-vụ nghệ-thuật và thế phú ra đời.

Đầu đời Hán cả hai chủ-trương vị nhân-sinh và vị nghệ-thuật song song phát-triển, rồi lần lần chủ-trương vị nhân sinh thắng thế. Đời Lục-Triều xã-hội cực loạn, chủ-trương vị nghệ-thuật được độc tôn trên văn đàn.

Qua đời Sơ Đường, nhóm tái đạo (dùng văn đề chép đạo) khá có uy-tín,

(1) L.T.S xin xem B.K số 265-266 (số kỷ niệm 11 năm) trang 51 (Tình hình văn học Đài Loan).

cuối Đường nhóm duy-mỹ lại mạnh lên.

Từ Tống trở đi, hai chủ trương đó thay phiên nhau lên xuống. Khi « tái đạo » quá thịnh, văn học hóa khó khăn, vô sinh khí thì tự nhiên sinh ra phản ứng và « duy mỹ » lên thay; « duy mỹ » bắt đầu suy, hóa ra sáo, rỗng, đời trụy thì « tái đạo » lại đứng ra văn cứu; cứ như vậy, vừa chống đối nhau mà lại vừa bổ túc nhau như dương với âm.

Cuối đời Thanh, Trung-Hoa đã suy bại đến cực điểm, việc cứu quốc thành khẩn thiết, thành vấn đề tồn vong của dân-tộc, những người ái quốc, có nhiệt huyết, có tài năng, không thể thờ ơ với thời cuộc được. Họ dùng văn-ngệ để cứu quốc trước đã, như Tô tiên họ ở thời Tiên Tần.

oOo

Vị nhân-sinh là một mục đích cao cả và tự nhiên, mà không phải hễ vị nhân-sinh thì không có nghệ-thuật: bằng cứ là đời Chiến-Quốc, đời Hán, đời Đường và các đời sau cũng vậy, đời nào cũng có những tác-phẩm vị nhân-sinh mà bất hủ. Tất nhiên khi chú trọng về « tái đạo » quá, người ta có thể coi thường « cái mỹ » và như vậy tác phẩm chỉ có giá trị tuyên truyền, không có ích về phương diện nghệ thuật, mà cũng ít có công hiệu về phương diện xã hội, vì không truyền cảm.

Cho nên ngay những nhà phê bình Cộng sản cũng nhắc các nhà văn phải lưu tâm tới nghệ thuật, hơn nữa phải nghiên cứu nghệ thuật truyền thống hoặc nghệ thuật ngoại lai để rút kinh nghiệm (Cộng sản đã nghiên cứu nghệ thuật *Thủy hử*, *Hồng lâu mộng*, *A Q*, đặc biệt về phương diện tạo nhân vật điển hình). Họ muốn dung hòa cả hai: nhân

sinh và nghệ thuật, nhưng họ vẫn trọng nhân sinh hơn, trọng cái tới mức bất cần văn nghệ si phải theo lối nhận xét, suy tư chung, áp dụng những nguyên tắc chung về kỹ thuật, chấp nhận một số công thức chung, từ bỏ những tư tưởng, cảm xúc cá nhân. Như vậy văn nghệ si tất nhiên sa vào cái tật tôn trọng giáo điều, nhà cầm quyền lại phải phê phán sửa sai họ, để diệt tinh thần giáo điều. Nhưng nếu diệt tinh thần giáo điều thì tinh thần cá nhân lại nảy nở. Rồi cuộc họ tìm cách tránh né cách nào, mâu thuẫn cũng vẫn còn, vì nó nằm ngay trong căn bản. Như chúng tôi đã nói, làm văn nghệ si ở vùng Cộng, khó khăn và nguy hiểm hơn đi trên dây.

Văn nghệ phải thành thực mới hay, phải đa dạng mới quý, nếu chỉ phục vụ chính trị thôi thì văn học cổ Trung Hoa không có *Tì bà hành*, *Trường hận ca*; văn học Pháp hiện đại không có *A la recherche du temps perdu* và văn học Việt Nam không có *Kiều*, vì người ta muốn giảng cách nào, muốn lý luận, dẫn chứng ra sao thì *Kiều* vẫn là một truyện có tính cách tiêu cực, duy tâm, tả sự chống-đối vô vọng của con người với sự khắt khe của vận mạng:

Bắt phong-trần, phải phong-trần,

.....

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Vì không sao giải quyết được những mâu-thuẫn nội tại đó, đúng hơn là không sao dung-hòa được một cách hoà-hảo chính-trị với nghệ-thuật, cá nhân với xã-hội, nên họ luôn luôn phải xét lại đường lối văn-ngệ, luôn luôn sửa sai, luôn luôn thanh-trừng.

Họ cho rằng tại các văn nghệ-si tiểu tư-sản nặng tinh thần cá nhân quá nên

một mặt kiểm-soát bọn đó một cách rất chặt chẽ ; một mặt đào tạo nhiều văn nghệ-sĩ trong giai cấp vô-sản mà họ tin là ít lạc-hậu, ít phản-động hơn, dễ uốn nắn hơn, và họ đề cao những tác-phẩm của giai-cấp này, muốn cho văn-nghệ phải DO VÔ-SẢN đề cõ thể hoàn toàn vì vô-sản, của vô-sản.

Khéo huấn-luyện thì trong đại-chúng tất sẽ xuất hiện nhiều tài năng độc đáo phục-vụ đắc lực cho văn-nghệ, nhưng những nhà văn vô-sản đó, khi đạt tới một trình-độ nào rồi, có chịu từ bỏ được cá nhân của họ nữa không, có đòi hỏi thêm về tự-do không ? Kinh-nghiệm ở Nga cho ta thấy khi chế-độ đã vững, khi khỏi phải lo chống với kẻ thù ở bên ngoài, khi mức sống đã khả-quan thì người dân đòi các nhà lãnh-đạo cởi mở bớt cho, đòi được biết những cái gì xảy ra ở ngoài bức màn sắt, đòi thu thập những kinh-nghiệm của khối Tây-phương. Rồi đây sẽ còn những phong-trào « trăm hoa đua nở nữa », sẽ có những thời băng rã rồi băng lại đóng nữa, sẽ còn nhiều cuộc thảo-luận và lý-thuyết văn-nghệ nữa, nhiều cuộc thanh-trùng nữa, người ta sẽ viết lại văn học sử nhiều lần nữa, và sẽ có nhiều tác-giả đã bị chôn vùi được sống lại. Lịch-sử là một sự trùng diễn hay là một sự nhật

tân ? hay là một đường xoáy tròn ốc. ?

Nhưng chính-sách quá tự-do của phe dân-chủ Tây-phương về phương-diện văn-nghệ, cũng có nhiều nhược-điểm, tai-hại cho dân-chúng. Loại sách khiêu dâm Âu-Mỹ (1), loại phim khỏa thân ở Hội-nghị điện-ảnh Cannes 1966 vừa rồi làm cho chúng ta chỉ nghe nói thôi cũng đủ kinh hoảng. Khi người ta được hoàn toàn tự-do sản-xuất những loại đó, thì hạng văn nghệ-sĩ biết nhận trách-nhiệm — thời nào cũng ít — không thể chống nổi một tình trạng hỗn loạn, sa đọa do bọn vô trách-nhiệm gây nên.

Tự-do, nhưng tự-do tới mức nào, chỉ huy nhưng chỉ huy ra sao ; làm sao cho kẻ này đừng lạm-dụng tự-do, kẻ kia đừng lạm-dụng quyền-hành, vấn đề quan trọng đó vẫn chưa có một giải-pháp vạn toàn, mà có lẽ không bao giờ có được một giải-pháp vạn toàn nếu bản thân những người làm văn-nghệ và cả những người hưởng-thụ văn-nghệ chưa có được một nền đạo-đức, một sự giác-ngộ, và một trình độ giám thức tối-thiểu nào đó.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(1) Một nhà xuất-bản ở Mỹ đã cho ra 140 ấn-phẩm loại D.B. (dirty book), tức sách dâm-ô, nhan đề đại loại như : Screaming flesh, Sexy — Campus chippies, After sex with the single girl...

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin Trưởng-nữ của Ông Bà DƯƠNG-CHÍ-SANH là :

Cô Lucie DƯƠNG-NGỌC-LÝ làm lễ thành-hôn với cậu Paul BÙI-QUANG-HÂN tại Thánh-Đường nhà Dòng Chúa Cứu-Thế vào lúc 7 giờ 30 ngày 20 tháng 3 năm 1968,

Xin trân trọng mừng Ông Bà Dương-Chí-Sanh và chúc tân giai-nhân cùng tân-lang trăm năm hạnh phúc.

LÊ-NGỘ-CHÂU

Quan-niệm cơ-cấu

trong các khoa-học nhân-văn

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 267-268)

2. — Ngôn ngữ như một cơ-cấu

De Saussure nhấn mạnh về tính-chất « tiếp tục theo đường thẳng » của những ký-hiệu ngôn-ngữ. Thí dụ câu : « Ngày mai anh phải thanh-toán xong » gồm 7 từ-tổ liên-lạc mật thiết với nhau từ này tiếp theo từ kia để đúc nên một ý-nghĩa : đặt riêng ra, mỗi thanh-âm không có nghĩa nhất định nào hết. Nhân đó ngôn-ngữ-học dạy rằng mỗi từ (mơ) được liên-lạc với những từ khác theo hai thứ tương-quan khác nhau : *tương-quan đồng tại* (rapport syntagmatique) và *tương-quan liên-tướng* (rapport associatif). Tương-quan đồng tại nối kết nhiều từ, nhiều phần câu hoặc nhiều câu lại với nhau để làm thành một cái gì tự nó đứng được : thí dụ « ba tôi », « anh đi thì đi », « họ làm như thế là bậy, vì nghịch với khế-ước ». Tương-quan đồng tại làm cho các từ trong một đơn-vị ngôn-ngữ có ý-nghĩa, vì nếu tác rời ra thì chúng không có nghĩa gì nhất định. Thí dụ « ba tôi » thì có nghĩa, còn khi chỉ nói « ba » (trừ khi tôi thực-hành việc kêu gọi ba tôi, hay kêu anh Ba : nhưng đó là thoại-ngữ, không phải ngôn-ngữ) hay nói « tôi », thì không ai hiểu mình muốn nói gì. Mệnh-đề « Ngày mai

anh phải thanh toán xong » cũng thế : tất cả 7 từ này liên kết thành một thực-thể duy nhất, và chỉ khi đó chúng mới có nghĩa ; còn như nếu cắt riêng ra từng từ, thì chúng không còn nghĩa gì rõ ràng như định. Ngày có thể là ngày tháng hay ngày đêm, mai có thể là hoa mai hoặc mai-táng v.v...

Như vậy tương-quan đồng-tại là tương-quan hiện-tại, cũng gọi là tương-quan vật-thể nơi những từ của câu nói. Còn tương-quan liên-tướng là tương-quan giữa một từ và những từ khác do trí nhớ ta có thể làm sống lại : chẳng hạn chữ « thanh-toán », có thể gọi lên nào là toán-học, nào là trả nợ, nào là kế-toán, nào là thù-tặc. Khi ăn nói, con người có thể lựa trong những từ mà tương-quan liên-tướng cung cấp đó một từ nào thích ứng với thái-độ của mình hơn. Tuy nhiên, như ta sẽ xem dưới đây, sự lựa chọn này được thực hiện một cách vô-thức.

Khi phân-tích cơ-cấu của một ngôn-ngữ, chúng ta thực hiện sự phân-tích ở cả hai bình-diện : trước là phân-tích chính dữ - kiện ngôn ngữ, tức câu nói hoặc văn-kiện nào đó (bình-diện tương-

quan đồng-tại); sau là phân-tích những âm-vang mà câu nói hoặc văn-kiến kia có thể gọi lên trong thế-giới ngôn-ngữ của nó (bình - diện tương - quan liên-tượng). Đúng như những tôn-chỉ đã được De Saussure ấn-định và được Benvéniste nhắc lại: «Ngôn-ngữ là một hệ-thống có một trật-tự hoàn toàn riêng biệt của nó... Ngôn-ngữ là hệ-thống mà tất cả các thành phần đều có thể và phải được nghiên-cứu theo mối liên-đới định-thái (synchronique) của chúng... Thật là ảo-tưởng tai hại nếu ta coi một hạn-từ (terme) như một liên-hiệp giữa một thanh-âm và một quan-niệm, Định-nghĩa như vậy, ta liền linh tách rời hạn-từ ra khỏi cái hệ-thống mà nó là thành phần, và cũng liền tin rằng chúng ta có thể bắt đầu bằng những hạn-từ, rồi sẽ tổng cộng chúng lại để xây lên hệ-thống, trong khi đáng lẽ chúng ta phải bắt đầu nhìn nhận cái toàn-thể liên-đới (le tout solidaire), rồi mới từ đó phân-tích ra những đơn-tổ mà cái toàn-thể kia chứa đựng» (Benvéniste, Sd trg. 92).

Những nhận-định trên đây về tương-quan đồng-tại và tương-quan liên-tượng, cũng như ý-thức hết sức quan-trọng về tính-chất hệ-thống của thực-tại ngôn-ngữ, chỉ có mục-đích dẫn ta vào quan-niệm cơ-cấu.

Cơ-cấu là gì ?

Benvéniste cho biết chính De Saussure không dùng chữ « cơ-cấu » mà chỉ dùng chữ hệ-thống (système). Nhưng đó là chi tiết tùy phụ, vì thực ra tất cả những gì do các nhà ngôn-ngữ-học ngày nay xây dựng thêm cho khoa này đều đã được xác định một cách khá đầy đủ do De Saussure. Ông cha đẻ của ngôn-ngữ-học này nhấn mạnh và ưu-tiên cho ngành ngữ-học định-thái (linguistique synchronique) và ít quan

tâm đến ngành ngữ-học biến-thái (linguistique diachronique), vì ngành sau có hàm ý nghiên-cứu về tính-chất ngôn-ngữ qua dòng lịch-sử, còn như ngành trước chỉ nghiên-cứu tính-chất vật-lý hiện tại của ngôn-ngữ, nên dễ đi vào những nghiên-cứu thực-nghiệm hơn. Trong bài này, chúng ta sẽ chỉ nhia phương-diện phân-tích ngữ-học định-thái mà thôi.

— Trước hết De Saussure gọi « ngôn-ngữ là một hệ-thống những giá-trị thuần-túy » (Sd, trg 155) với ý rằng ngôn-ngữ không phải là một thực-tại cố-định như kiểu những vật-thể. Câu nói của ông được người ta nhắc đến luôn, là: «Ngôn ngữ là một mô-hình, không phải một bản-thể» (Sd trg 169: « La langue est une forme et non une substance »). Là một mô-hình, ngôn-ngữ vừa linh-động vừa luôn đồng-nhất (identique) với chính nó. Ông lấy thí dụ chuyến xe lửa Genève đi Paris mỗi tối lúc 8 giờ 45: chuyến xe lửa vẫn là chuyến ấy, mặc dầu thợ máy cũng như đầu tàu và các toa hôm nay không giống hôm qua nữa; trái lại tôi vừa mua chiếc áo sơ-mi được một lúc, chưa kịp xỏ tay thì mất: trở lại tiệm tôi thấy từng chục chiếc y hệt như thế. Và De Saussure tiếp: sự y hệt (tức đồng-nhất tính) của ngôn-ngữ thuộc loại y hệt của chuyến xe lửa, chứ không giống sự y hệt của mấy chiếc áo. Như vậy sự y hệt của ngôn-ngữ là một sự y hệt chức-vụ (identité fonctionnelle). Và đó cũng là ý-nghĩa của chữ « giá-trị » trên đây: một từ có giá-trị, và chỉ có giá-trị khi nó thực-hiện một chức-vụ. Chức-vụ ở đây là « làm trung-gian giữa một ý-tưởng và một âm-thanh » (Sd trg 156). Và như thế ta lại gặp câu định-nghĩa về ký-hiệu ngôn-ngữ: tương-quan mật-thiết giữa một hình-ảnh thính-giác và một quan-niệm.

Con người sinh ra ai cũng có khả năng âm - ngữ (langage) Nhưng mỗi người chúng ta đứng trước một hoàn cảnh và muốn thông-đạt ý-tưởng của ta cho tha-nhân, thì ta lựa lấy những từ thích-ứng để phát-biểu. Bản-chất của tư-tưởng thì hỗn-mang và mung-lung, và nó chỉ trở nên rõ rệt khi ta dùng ngôn-ngữ để nói lên thôi». Thế nhưng ngôn-ngữ luôn làm công việc « chặt tĩa » (découpage), nghĩa là cắt một thực-tại duy nhất thành những yếu-tố và phát-biểu mỗi yếu-tố bằng một âm-thanh. Khi ta nghe một ngoại-ngữ ta chưa học, ta có cảm giác như đó là một dàn âm-thanh (chaine phonique) bất phân; rồi khi bắt đầu hiểu ngoại-ngữ đó, ta thấy dàn âm-thanh đó được cắt thành những tiếng dài ngắn nhất định. Nhân đó, mỗi từ là một khúc, một đoạn của dàn âm-thanh làm nên cả câu nói (De Saussure. Sđ trg 146 : « Une tranche de sonorité qui est, à l'exclusion de ce qui précède et de ce qui suit dans la chaine parlée, le signifiant d'un certain concept ») Ngữ-học thường nói : ngôn-ngữ khác với sự nhìn của con mắt : mắt nhìn thực-tại trong một nháy mắt, trong một thời-gian vi phân ; trái lại, ngôn-ngữ chỉ có thể diễn-tả thực-tại bằng những âm tiếp nối nhau trong thời-gian theo đường thẳng. Đường thẳng này chính là dàn âm-thanh, và trong đó mỗi từ là một khúc vậy.

Trên đây chúng ta vừa tìm hiểu tại sao ngôn ngữ lại được De Saussure định-nghĩa là một hệ-thống những giá-trị thuần-túy. Bây giờ đi sâu vào quan-niệm cơ-cấu, ta thấy nhà ngôn-ngữ-học Thụy-sĩ nói : ngôn-ngữ thành bởi những âm-tố và mỗi âm-tố « là một cái gì có tính chất đối-lập, tương hệ và tiêu-cực » (chaque phonème est une entité oppositive, relative et négative). Muốn hiểu câu này

nên nhớ rằng đối với ngữ-học thì mỗi âm-tố không có nghĩa nào nhất-định, và nó chỉ có nghĩa khi được đặt vào hệ-thống của một dàn âm-thanh toàn bộ.

De Saussure viết : « Trong ngôn-ngữ chỉ có những dị biệt » (Sđ trg 166 : « Dans la langue il n'y a que des différences »). Nghĩa là chỉ có những đối-chiều thôi, không có gì là tự-nhiên và tuyệt đối. Mỗi tiếng có nghĩa không phải vì âm của nó nhất định và tự nhiên có nghĩa như thế, nhưng nó có nghĩa như thế vì những tiếng, những từ khác trong ngôn-ngữ làm cho nó có nghĩa như vậy. Nhân đó khi phân-tích, nhà ngữ-học không bao giờ chú trọng đến từng âm và từng từ, nhưng luôn chú ý đến những âm và những từ khác của ngôn-ngữ đó.

Đối lập là như thế, còn tính chất tương-hệ là gì? Khi nói dị-biệt và đối-lập, ta mới chỉ nêu lên sự-khác nhau giữa những âm và những quan-niệm tương - ứng thôi. Chẳng hạn ta dùng tiếng « cô » để chỉ người em gái của cha, và « chú » để chỉ người em trai của cha : tự nhiên, nghĩa là tự chúng, tiếng cô không ăn nhằm gì với người em gái của cha và tiếng chú không tự nó nói lên người em trai của cha ; nhưng đã dùng « cô » thì không được dùng « chú » để chỉ cùng một người. Vậy tương-quan đối-lập là tương-quan giữa một từ và những từ khác theo phương-diện gọi tên sự vật. Còn như tương-hệ là tương quan đúc kết những từ trong một câu lại thành một hệ-thống duy nhất, một tư-tưởng duy nhất. « Đối-tượng của ngữ-học là một thứ tự có cơ-cấu (une classe structurée), tức một tương-quan giữa nhiều âm thanh. Đối-tượng khoa-học ở đây là toàn bộ cơ-cấu vậy.»

(GRANGER, Sđ trg 77). Nói cách khác, không phải những âm-thanh xét như chúng là những yếu-tố vật-chất là đều hệ-trọng cho ngôn-ngữ-học, nhưng chỉ có cơ-cấu, tức cách liên-kết giữa những yếu-tố kia mới thực là cốt tử. Cần nhớ điểm này, chúng ta mới dễ hiểu các khoa học nhân văn khi các khoa này áp dụng phương pháp cơ-cấu vào công việc nghiên cứu thực nghiệm của chúng.

Sau cùng là tính chất *tiêu-cực* của âm-tố. De Saussure viết : « Trong ngôn-ngữ chỉ có những dị biệt và không có những hạn-từ tích cực » (Sđ trg 166 : « Dans la langue il n'y a que des différences sans termes positifs »). Nhưng rồi ông giải thích ngay : khi nói trong ngôn ngữ chỉ có những cái tiêu cực thì phải hiểu đó là nói riêng về hình ảnh thính-giác, tức là tác-hiệu (signifiant) ; còn như khi ta nói về những ký-hiệu ngôn-ngữ gồm cả phần tác-hiệu và phần thụ-hiệu, thì lúc đó là những cái gì tích-cực. Tuy nhiên, như ta biết, ngôn-ngữ-học không nhằm nghiên-cứu phần nội-dung, tức quan-niệm, mà chỉ chú-tâm nghiên-cứu cái phần vật-thể, tức cái tác-hiệu của ngôn-ngữ thôi. Nhân đó De Saussure mới quả quyết « trong ngôn-ngữ chỉ có những hữu - thể - tính tiêu - cực » (des entités négatives).

Khi nghe De Saussure định - nghĩa

ngôn-ngữ là hệ-thống những hữu-thể-tí h đối lập nhau, tương-hệ nhau và có bản-chất tiêu - cực, chúng ta tự nhiên nghĩ đến quan-niệm « mô-hình » (Gestalt) của học phái Mô-hình (Gestalt-theorie) do Kaffka và Koehler xướng xuất, theo đó thì nơi mỗi đối-tượng của tri-giác ta, những yếu-tố vật-chất không phải là cái quyết-định, nhưng chính mô-hình mới là cái làm cho sự vật là như thế. Chẳng hạn bản nhạc không quan - hệ ở chỗ được làm nên bởi những dấu nhạc, nhưng chính là ở cái điệu riêng của bản nhạc đó, tức cách kết-cấu, cơ-cấu đặc-biệt của nó : bài nhạc nào cũng có chất liệu là 7 dấu nhạc, và chúng chỉ khác nhau ở cơ-cấu. Dấu nhạc là cái tích-cực và có tính-chất bản-thể, còn như điệu nhạc, tức tương-quan giữa các dấu nhạc, lại là cái tiêu - cực : phái Mô - hình gọi đặc-tính của tương - quan mô - hình là « những phạm - tiach hình - thức ». Tuy nhiên thuyết Mô-hình và thuyết Cơ-cấu cũng khác nhau nhiều ở chỗ thuyết trước đặt cơ - cấu ở bình-diện tri-giác, còn thuyết sau lại đặt cơ-cấu ở chỗ thâm sâu của vô-thức như ta thấy sau đây.

(còn tiếp)

TRẦN-THÁI-ĐÌNH

Kỳ tới : 3) Những bình - diện của ngôn-ngữ.

THÁI ĐỘ CÁO LỖI

Theo văn thư số 709 / TNTTBC / VP / PHNT ngày 16-3-1968, đặc san THÁI ĐỘ phải đình chỉ ấn hành.

Thành thực cáo lỗi cùng các độc-giả và thân hữu Thái-độ và xin hẹn tái ngộ một ngày gần đây dưới một hình thức khác.

T. M. Ban biên tập
THẾ-UYÊN

Những chuyến đi

Con đường tìm đến quê hương

Càng gian khổ lắm càng thương nhớ nhiều

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 265-266)

Tuy chỉ ngủ được trên dưới bốn tiếng đồng hồ, nhưng nhờ phòng ấm và yên tĩnh, tôi nghe sức mình có thể tiếp tục được thêm một đêm trình diễn nữa. Nhớ đến ác mộng hôm qua, trước khi đi tôi cần phải cẩn thận: điềm tâm đầy đủ, đồ lạnh kỹ càng và nhất là dự bị tinh thần chịu đựng; rủi gặp trường hợp « tiếp ngời » trong lãnh khí nữa thì tinh thần và thể xác mình không bị vật ngã.

Xong đâu đấy, chúng tôi gửi lời chào và cảm ơn ông bà S.N., ơn nghĩa ch bếp, anh bồi rồi đem hành-lý ra xe.

Trời sáng tỏ, bây giờ tôi mới nhận ra biệt-thự nằm ở một góc trong vùng đất mênh mông, có đồi cỏ, rừng thông, vườn hoa và trang-trí những dụng-cụ giải trí về thể-thao dành cho mùa hè rất sang đẹp.

Trước quang cảnh đó, tôi liên tưởng đến đời sống thiên hạ ở Paris. Chỉ một miếng đất nhỏ, người ta xây cất nhà cửa đầy nghet, chen chúc. Nhà càng cao, càng có nhiều phòng, chứa được nhiều người chừng nào càng hay chừng nấy. Những ngấn nhà nhỏ chõng chát lên nhau cao cho đến nỗi người ta không còn có thể gọi đó là nhà là lầu hay building được nữa mà nó được mang tên mới là « tour » (tua), « tua chuồng thỏ » hay « tua hộp quẹt » !

« Tua » ở đây thật đúng nghĩa đó bạn à. Là « tua », vì rủi hôm nào thang máy hư, điện hỏng hay nhân-viên sở phát-điện làm reo thì mình làm « tua » đi xuống đã gần rụng lìa cặp chơn, nói chi phải làm « tua » đi lên ! Cỡ bạn và tôi chắc chỉ đứng dưới đất nhìn lên làm « tua » bằng mắt không cũng đủ trặc cổ. Trường hợp có nguy biến hay hỏa hoạn thì có nước tử.

Là hộp quẹt, vì sống trong những căn phòng vừa nhỏ vừa thấp, đóng cửa phòng lại người ta có cảm giác bị nhốt trong hộp quẹt ! Hai ba bốn nhà đầu mặt vào nhau cửa im im trở ngõ ra thang lầu hay hành lang tối om, năm thì mười họa, những người chủ nhà chui ra cùng một lúc mới gặp được nhau, mặt ai cũng quạo đeo, mệt mỏi và thiếu cả sinh khí.

Là chuồng thỏ, vì sống trong ấy, người ta có cảm giác bị treo lơ lửng trong một thứ chuồng đủ tiện nghi, sống cách biệt với con người, với cuộc đời và với thiên-nhiên. Suốt tháng năm dài bị nhốt trong những tường dày, không có thể tựa cửa nhìn được trời, trăng, sông, ruộng, không đi dạo mát hay trồng trọt gì được cả.

Tôi mãi suy nghĩ trường giang đại hải mà xe đã ra giữa thành-phố tìm con đường cũ đến nhà bà De Vençay. Bà mời chúng tôi đến dùng cơm trưa, đàm-đạo với bà rồi sẽ đi Berney vì từ Pont Audemer đến Berney chỉ ngót 40 cây số ngàn.

Bà S.N. có vẽ đường tắt cho chúng tôi đi mau đến nơi khỏi lạc như hôm qua, mà ngược lại với ước-đoán của bà, chúng tôi bị lạc nhiều hơn nữa. Vì lối đi bà chỉ phải đi ngang qua nhiều con đường nhỏ cong queo trong xóm. Cũng may là khi thấy đến giờ chúng tôi đi, bà vội vã lái xe từ sở về nhà để từ già chúng tôi, nhưng về đến nơi thì khách đã đi xa. Bà rượt xe theo gặp chúng tôi lạc, đang hỏi thăm đường, bà dẫn chúng tôi ra khỏi thành-phố rồi mới cho xe nép vào lề vẫy tay từ già chúng tôi rất là quyến-luyến.

Suốt đêm qua không mưa nhưng gió dữ và lạnh gắt nên sáng ra nước mưa đọng hai bên đường đặc lại thành nước đá sáng loáng như kiếng. Trời lại bắt đầu lâm râm, nước đá chưa kịp tan hết mà đường lại ướt thêm thật là nguy hiểm cho việc lái xe. Cầm tay lái không kỹ hoặc vô ý thảng gặp quá là xe quay vòng liền; có thể đụng vào xe khác, lúi vào gốc cây, cột đèn hay lật xuống ruộng dễ dàng. Bốn bánh xe khời trên « verglas » (lớp băng mỏng trên mặt đất) trơn trượt, dầu mình cho xe chạy chậm, xe vẫn bị đảo kinh khủng; mình nghe như bần mạng mình không được bảo đảm chút nào. Các ông tài xế nhìn nhau rùn vai trề môi không bằng lòng ông trời, nhưng tôi thì tự thấy mình quá sung sướng; nhờ bụng no và cái khăn vừa dài vừa dày nên không bị lạnh cóng như hôm qua.

Đến nhà bà De Vençay mưa càng nặng hột, lạnh càng tăng gia. Chị bonne lần này đã quen ý khách nên bếp sưởi đầy ắp than hồng trong đó sẵn sàng hai miếng gạch đỏ ối. Chiếc bàn ăn cũng được đẩy lại gần bên lò sưởi và khi tôi vừa ngồi vào bàn ăn thì gạch nóng được đặt ngay dưới chân. Thấy mình được cưng quá, dầu có còn lạnh, tôi vẫn không dám hở môi.

Bà De Vençay hôm nay tận tình đãi khách, từ thịt, rau, khoai, trái cho đến trứng, fromage, đều là sản-phẩm của nhà mà món pâté trợn nắm thơm cũng do chính tay bà làm lấy.

Bà nhắc lại đêm trình-diễn, tỏ ý thích chúng tôi lắm. Bà mời chúng tôi đến hè xuống ở chơi với bà một tháng hay ít nhất cũng vài tuần.

Nghe bà mời mà thêm được nghỉ ngơi, nhưng đâu phải người nào sanh ra cũng để thụ hưởng phải không bạn? Tôi không tiếc cho tôi vì mùa hè, bãi trường, nội việc tính toán cho các con tôi đưa đi làm hè miền biển, miền núi, đưa đi trại hè, đưa đi ngoại-quốc học sinh-ngữ, thêm cùng bao nhiêu công việc khác đã làm cho tôi điên đầu, có rảnh đâu mà đi nghỉ hè. Nhưng thấy cách sống của

bà và bà S.N. cùng bao nhiêu người giàu có khác làm cho mình nhớ đến bất công đầy dẫy.

Gia-đình chỉ có một vài nhân mạng mà nhà rộng mênh mông năm bảy gian, đất cò bay thẳng tắp, lại còn nhà mát ở vùng núi cao biên rộng, trong khi đó biết bao nhiêu người gia-đình dư chực mà chỉ có vài phòng nhỏ hẹp.

Ai cũng là người, cũng một sức làm việc, một cuộc đời như nhau, vậy mà kẻ thì kiếp sống lúc nào cũng bùn vầy nước đọng, ăn ở như chuột, như gián, còn người thì sung sướng như vua chúa, như chim đại-bàng giã ỉg thẳng cánh mà vẫn còn giang-son tứ phía bao la.

Cơm xong, tôi nói với anh Trần nên đi sớm đến chỗ ngụ mới nghỉ ngơi, kẻo mệt dồn dập thêm một bữa nữa sợ tối đến trình-diễn không xuất sắc được. Bà De Vençay viết một bức thư đưa chúng tôi trao lại cho thư-ký ban tổ-chức đêm trình-diễn ở Berney, vì ban tổ-chức này nhờ bà Vençay mời chúng tôi trình-diễn tại đây và cô thư-ký có bổn-phận lo chỗ ăn ở cho chúng tôi. Xong, bà tiễn chúng tôi ra cửa dưới cơn mưa trút nước với hy-vọng gặp lại chúng tôi vào mùa hè sắp tới.

Xe lùi ra cổng. Trước mắt tôi, một bà lão tóc bạc phơ, đứng giữa khung cửa sắt đen ngòm của một tòa nhà đồ sộ, giữa đồng hoang với chị bonne già, mà lòng vẫn sôi nùng hoải bão về đời sống tương lai trong tinh thần của đám trẻ thơ. Tôi thấy hình ảnh đó tượng trưng cho một sức sống âm ỷ mạnh mẽ, nhẫn nại và chứa đựng đáng phục. Mỗi khi tôi chán, tôi mệt với cuộc sống, hình ảnh này hiện ra trước khung cửa hồn tôi.

Từ bây giờ cho đến lúc trình diễn còn ngót 8 tiếng đồng hồ nữa. Trong thời gian đó, chúng tôi làm gì để giết thì giờ, nếu phải gặp cái cảnh hôm qua, ngồi cuống cả chơn mà không đến được chỗ ngụ mới để nghỉ ngơi? Trời mưa, mình yếu, mệt, chuyện đi dạo phố, gửi bức ảnh cho bạn bè trong một chuyến đi đôi ba ngày không thành vấn đề, mà việc chúng tôi nghỉ lấy sức chịu đựng đến 1 giờ khuya và dượt đàn trước khi trình diễn mới là cần thiết.

Như bạn thấy, từ trước đến nay chúng tôi đi xa và trình diễn một vòng ở nhiều nơi nên chương trình đi và ăn ở mỗi ngày chúng tôi đều biết trước. Chuyện đi này không xa và chỉ có ít ngày nên chúng tôi khinh thường. Nay đến nơi mới thấy nhiều bất tiện. Cũng tại mình đau yếu mà người mạnh khỏe không bao giờ lường được sức chịu đựng mình được tới đâu và không tưởng chờ đợi là bị hành hạ. Nếu họ có đi nghe nói chuyện, nghe đàn hát, thì họ chỉ thoải mái ngồi chờ nghe với niềm vui và thích thú chứ không phải chịu nhậu lức, điện lức của đối tượng, đem tâm sức và cố gắng làm hài lòng thỏa mãn thính giả. Vì vậy họ không thể cảm thông được cái mệt của người có trách nhiệm trình diễn.

Tôi nghĩ đến đó mà lo lắng không yên. Tôi nói với anh Trần rằng: Nếu chúng ta gặp một bà mạnh khỏe như bà de Vençay thì nhất định chúng ta phải bị tiếp ngồi lâu nữa: Anh Trần cười ngặt. Bạn biết không? Anh ấy cười vì nhớ lại các kiểu tiếp ngồi rất lịch sự và cái bộ mặt như từ câu nhậu của tôi hôm qua,

anh lại nghĩ tại sao tôi lo lắng quá sức về cái việc không có thể xảy ra lần thứ hai nữa được.

Người ta bóp còi xe phía sau inh ỏi, thì ra anh Trần cười ngạo tôi đến đổi không hay xe đã vào thành phố Berney làm cho những người đi dưới đường bận nhìn khách lạ cười vang đến quên tránh xe. Tôi cũng giật mình hứng những tia mắt ngạc nhiên tò mò của họ vụt nhanh vào chúng tôi.

Anh Trần tìm đường đến « Maison des jeunes », nơi chúng tôi sẽ trình diễn tối nay, vì cô thư ký ban tổ chức đợi chúng tôi ở đó. Chúng tôi hy vọng xem sân khấu, đèn và máy móc cần thiết xong thì ban tổ chức sẽ đưa chúng tôi về chỗ ngủ.

Vừa bước xuống xe, chúng tôi gặp một cô (mademoiselle) độ ngoài 50 tuổi. Bên Pháp, những cô cỡ tuổi này rất nhiều. Chào hỏi và xem tướng cô xong, tôi sầm mặt ngó anh Trần thì anh lại cười ngất! Anh có vẻ nói sao tôi nóng tính, có lẽ nào..

Cô thư ký đưa mắt hỏi anh Trần về cái cười bất thần đó thì anh trả lời :

— Em gái tôi chịu lạnh dở quá, bị mệt từ hôm qua đến nay, nên mong cho công việc chóng xong để được nghỉ ngơi.

Cô thư ký chớp mắt mấy cái rồi dạ một tiếng yếu ớt càng làm cho tôi tin sự lo lắng của tôi sẽ không sai với sự thật sắp tái diễn.

Bước vào nhà, anh Trần không cười nữa. Đây là một cái nhà thờ cũ lạnh ngắt. Sàn nhà không lát nhưng, nỉ, như tất cả các rạp và hầu hết các phòng nhạc để giữ hơi ấm, mà bốn phía vách cho đến các bậc thang, sân khấu đều bằng đá! Không có hậu trường, không có phòng thay áo và đèn nhạc khí, cũng không có sưởi. Ghế ngồi cho thính giả toàn là bằng ghế cây.

Tôi đến rỉ tai với anh Trần :

— Em cá với anh Hai đó. Thế nào mình cũng bị tiếp ngồi! Cứ xem cái phòng này thì biết ban tổ chức làm việc ra sao ».

Lần này anh Trần không cá, không cười mà vẻ mặt có hơi lo.

Cô thư ký đi lục lọi tứ phía chung quanh sân khấu chỉ tìm ra một góc nhỏ ở góc nhà thờ vừa đủ hai người đứng. Trong đấy chứa đầy ứ những vật dụng lâu đời xông lên mùi hôi mốc khó thở. Thì ra tới giờ này mà chưa có người ghé mắt vào nơi trình diễn; cô thư ký cũng chẳng biết tính sao. Tôi đang bực bội mà cũng bật cười. Bạn biết chi không? Tôi nhớ đến những gánh hát bộ nghèo khổ về mùa mưa hay đến hát kiếm gạo trong những đình, chùa hư sập ở làng tôi và các làng lân cận khi tôi còn bé! Chúng tôi bây giờ chỉ khác những đào kép đói khát ấy ở chỗ không lấy đàn hát làm nghề nuôi thân, mà xem đó như một bổn phận của người con dân nước Việt. Lý tưởng đó cho chúng tôi đủ nghị lực chịu gian khổ, thử thách, trong những chuyến đi và không có tự ti mặc cảm khi người khác đối xử lười thôi với mình. Chúng tôi bằng lòng mình và đánh phạt như vậy.

Rất cuộc, cô thư ký dầu có muốn chiều chúng tôi bao nhiêu cũng không được. Có đủ người phụ trách về máy móc, đèn, bàn ghế cần thiết và một lò sưởi điện là nhiều lắm rồi. Chúng tôi phải thay y phục ở nhà, đến đây trước thính giả và ngồi hàng ghế đầu, tránh cái nhìn của thính giả được chừng nào hay chừng nấy để chờ đến giờ trình diễn, chớ không được cái hân hạnh đứng trong hậu trường, sau những bức màn nhung để rồi trình trọng trình diện « cái tôi » mới tinh khôi trước nhãn lực thu hút và chờ đợi của khán giả như thường lệ (!)

Cô thư-ký lên xe cùng đi với chúng tôi về nhà để cô gọi điện-thoại cho ông bác-sĩ L. chuyên giải-phẫu ở bệnh-viện đô-thành, người có nhã ý lãnh việc tiếp-đãi chúng tôi từ bây giờ cho đến sáng mai.

Đã hơn 2 giờ chiều rồi mà chúng tôi còn lang-bang chưa biết số phận mình trôi về đâu. Từ hôm qua đến nay, chúng tôi không ngớt lưu-động dưới trời mưa, băng giá, thức khuya, thiếu tinh-dưỡng cần-thiết, tôi mệt đuối người, lòng cứ canh cánh ước được sắp đặt đồ đạc yên nơi để nghỉ ngơi thôi.

Khi vào nhà cô thư-ký, tôi liền nói với anh Trần rằng tôi chắc chắn là « tai-nạn ngồi » sẽ tái diễn vì lẽ ông chủ nhà là bác-sĩ giải-phẫu cho bệnh-viện công-cộng, không dễ gì có thì giờ tiếp-đãi chúng tôi, và đến giờ này mà cô thư-ký còn chưa biết rõ giờ giấc ăn ở của chúng tôi, thì nhất định là chúng tôi phải ngồi chờ cô gọi điện-thoại (!) để xem ông bác-sĩ có sẵn sàng tiếp khách chưa ?

Cô mời chúng tôi vào phòng khách. Tôi dự dự không muốn vào vì giận, tôi cho cô tổ-chức cách tiếp-đãi như vậy rất thiếu sót đối với khách.

Tôi muốn đến thuê phòng nghỉ là khỏe hơn cả. Nhưng nghĩ lại cũng nề ông bác-sĩ tốt bụng kia nên tôi nhẫn-nại vào nhà. Trong phòng khách, hai cái ghế bành và một đĩa bánh bích-qui sẵn sàng trên cái bàn nhỏ chứng tỏ ước-đoán của tôi đã đúng theo dự tính của cô thư-ký ; còn phần may mắn xoay khác cuộc-diện là do ông L. đưa lại mà thôi.

Chúng tôi đành vứt tất cả bực và mệt mỏi xuống chiếc ghế bành, chờ đợi. Anh Trần mặt mày buồn hiu, anh lo cho tôi chưa thật mạnh bị trận này đau lại thì hối nhiều. Phần anh thì rất dễ, lạnh, nóng, ngồi đâu, nằm đâu anh cũng ngáy được như mấy anh ba ở Chợ Lớn.

Cô thư-ký ra ngoài gọi điện-thoại lại nhà ông L. hai lần mà lần nào trở vào cô cũng tỏ vẻ khó chịu. Tôi kể chắc trăm phần trăm chúng tôi phải ngồi đến giờ cơm chiều như ở Pont Audemer rồi. Chỉ khác cái là ở đây không lạnh ghê hồn như ở nhà bà Vençay mà ngược lại. Phòng khách nhỏ quá mà sưởi nhiều đến thờ không nổi nữa. Bỏ hết đồ lạnh mà mặt mày chúng tôi đỏ gấc, phải mở cửa thì mới chịu nổi mà điều đó người Pháp lại kỵ nhất. Thành thử tôi cứ phải đi lại đóng, mở luôn.

Chúng tôi bị hành tội như vậy cho đến hơn 5 giờ chiều. Cô thư-ký cũng khó chịu về cách tiếp-đãi thiếu lịch-sự này nên chạy đi lấy một cái ghế xích-đu đem vào mời tôi nghỉ lưng, nhưng tôi từ chối. Vì ở cái xứ mà khi ngủ phải nằm lên mấy tấc nệm bông mà vẫn còn lạnh thì làm sao có thể nằm lên ghế vải bố mỏng mà chịu nổi ? Tôi nghĩ đến việc đi kiếm khách-sạn nhưng bên ngoài trời mưa như bão, cô thư-ký muốn đến nhà ông L. cũng không được nữa. Bấy giờ anh Trần mới cười gượng méo xẹo dạy qua tôi nói nhỏ nhỏ :

— Anh Hai thua cá em rồi !

Chúng tôi trả cái nợ thời vận đó cho đến 6 giờ chiều, dần không nổi nữa tôi nói với cô thư-ký tôi phải có chỗ rửa mặt, trang điểm, thay đồ, ăn cơm và nghỉ một chút trước khi trình-diễn. Nếu vì một lẽ bất tiện nào đó mà chúng tôi chưa đến nhà ông bác-sĩ L. được thì tôi xin đi thuê phòng ở khách-sạn ngay chớ tôi không bằng lòng chờ nữa. Cô thư-ký hoảng hốt ra ngoài gọi điện-thoại thật lâu rồi trở vào cho chúng tôi hay rằng ông L. sẵn sàng tiếp chúng tôi (!).

Thật là quyền-lợi, dầu nhỏ đến đâu, hễ không đòi thì chẳng ai cho phải không bậu.

MỘNG-TRUNG
(Còn tiếp 1 kỳ)

GIÓ CUỒN

14 | Thuyên về Sai-gòn lãnh công-tác. Hôm đi tôi ngạc-nhiên thấy anh mang theo nhiều hành-lý. Bao nhiêu quần áo đều mang theo, cả những bộ quần áo len. Chăn màn, bàn là điện máy đánh chữ, pick-up, bình thermo... cũng đem theo luôn. Ba va-li đầy và hai thùng gỗ. Tôi không muốn hỏi vì sao lại phải đem đồ-đạc theo nhiều thế. Tôi cố giữ cho sự trao-đổi chuyện trò giữa tôi và Thuyên càng ít đi. Bởi lẽ chúng tôi dường như không còn có vấn-đề nào đề mà đồng-ý nhau nữa.

Thuyên đi được chừng năm hôm thì ông Ấm ở Huế vào với bà vợ hai. Tôi bất ngờ khi thấy ông bà gõ cửa. Ông vẫn ăn mặc chỉnh-chắc, khăn xếp nhiều đen và áo gấm hoa. Giày hạ láng. Cái dù đen cầm nơi tay trông như mới. Bà đi Thuyên mặt xoa một lượt phấn mỏng. Sơn rất đỏ ở môi. Tôi lảng xãng mừng :

— Thưa Thầy, nhà con vừa mới đi Sai-gon được dăm ngày. Có công tác gì khẩn-cấp trong đó.

Ông Ấm không tỏ vẻ ngạc-nhiên.

— Ừ, Thầy có biết.

Tôi xách va-li vào nhà, lo nước cho ông bà rửa tay rửa mặt. Tôi dẫn cháu Phúc đến chào ông bà.

— Con vòng tay lại thưa ông Nội... thưa bà Nội.

Phúc vòng tay cúi đầu làm theo điều tôi dạy. Tôi trông đợi những lời tán-thưởng vui mừng nhưng ông Ấm chỉ thờ-ơ vuốt tóc Phúc và nói mấy tiếng nhạt nhẽo :

— À, cháu ngoan.

Tôi biết biểu-lộ sự nồng-nhiệt của tôi bằng cách nào? Quả thật tôi cũng thấy rằng tôi có lỗi đối với Thuyên. Khi anh lý-luận với tôi, muốn áp-chế tôi thì tôi thấy anh bèn kềm rở ràng nhưng khi anh thôi không muốn hơn tôi nữa, khi anh mặc-nhiên công-nhận lẽ phải của tôi thì ngược lại tôi thấy hối-hận. Tôi quay lại nghĩ rằng đáng lẽ tôi nên chịu ý anh hơn, tự coi nhẹ mình đi, tự quên mình đi để làm theo cái dự-án của anh. Khi có kết-quả, khi thành-công, khi chúng tôi giàu lên có xe có nhà thì đâu phải chỉ một mình Thuyên hưởng? Sao tôi không cố-gắng học cho được đức phục-tòng đặc-biệt của người phụ-nữ Á-đông mà cả thế-giới đều ca-tụng? Tôi tự trách mình, cho dầu rằng đây không phải là lần đầu tiên mà tôi lý-luận như vậy. Tôi đã cố-gắng cho rằng Thuyên có lý.

Di Thuyên lục lọi khắp mọi ngõ ngách

trong nhà, chỗ nào cũng ghé mắt dòm. Như một con chuột, như một con rắn thằn-lằn. Cái gì ở nơi bà cũng có một góc nhọn: đuôi mắt xếch lên, khoé môi kéo lên, chiếc mũi nhỏ khoắm xuống, đôi vai gầy bắt đầu nhô, một cái cằm vót nhọn. Bà dòm vào tủ áo của tôi, xem xét cẩn-thận từng mặt hàng. Rồi chợt nói:

À, cái áo xanh này màu nhu quá. Tôi cũng muốn tìm mua thứ vải màu này mà ở mấy tiệm Chà bên Đông-ba không thấy bán.

— Nếu Di thích thì để con biểu Di. Con mới may hôm Tết, mặc đâu vài kỳ.

— Thôi để chị "mược".

Tuy nói từ-chối nhưng bà vẫn ướm mặc vào người và ngắm nghĩa trước gương.

— Ngó cũng được chớ, chị Tham hả? Bóp cái kích lại một chút thì vừa. Mà nói rứa chớ để chị "mược".

Tôi biết ý, xếp cái áo lại để phần cho bà.

— Ờ, cái chị Tham này. Răng mà mua nhiều bình-thủy như ri? Bình-thủy lớn, bình-thủy nhỏ, bình-thủy trung trung, dùng răng mà dùng cho hết? Ở ngoài «dà», con chó con đi lục làm ngã bể cái bình thủy mà chưa kịp mua. Thầy cứ cẩn nhần hoài.

— Để Di lấy cái bình-thủy lớn đó.

— Úi dào, nói rứa chớ để bữa mô đi tìm mua. Khó kiếm lắm nhưng rồi cũng phải kiếm.

Tôi lấy cái bình-thủy đặt cạnh cái áo.

Cứ theo cái đà đó, bà đi từ nhà trên xuống đến nhà bếp và lần lượt bên cạnh cái áo dài xanh và cái bình-thủy, tôi xếp thêm xà-phòng tắm, xà-phòng giặt, lọ bơ, hộp đường, bộ muỗng nĩa, mấy cái đĩa hát Nam-bình Nam-ai và hò Huế, bộ

khuôn bánh gâteau, hai chai xi dầu Lá Bờ-đề, hai chai nước mắt. Bà rầy tôi luôn miệng "cái chị Tham này khó biểu quá, răng mà cái chi chị cũng bắt tôi lấy rứa?", bà từ-chối luôn miệng. Buổi chiều có tiếng xe rao tuồng hát cải-lương. Bà trầm-trồ kể những ngày Kim-Chung, Thanh-Nga ra Huế trình-diễn "Thầy không bỏ sót bữa mô. Thầy ưa những tuồng-tích Trung-Hiếu Tiết-Nghĩa. Thầy ghét đặng ghét cay những bọn gian thần tặc tử". Tôi phải liệu mua hai cái giấy thượng-hạng để Thầy và Di đi thương những người "trung hiếu tiết nghĩa". Bà nghe người ta đồn của nường dưới tiệm Lạc-cảnh ở Cầu-đá, bờ-câu quay ở Dân-thiên, nem nường ở đường Trần-quý-Cáp và bà lại phải từ-chối luôn miệng.

Đến ngày thứ ba thì bắt đầu chương-trình nghị-sự. Ông Ấm bảo bà mời tôi lên "có chút việc" và ông khề-khà nhập-đề:

— Thằng Thuyên nó có gửi thơ về cho Thầy trước khi nó được đòi về Sài-gòn.

Tôi cải-chính:

— Thưa Thầy, nhà con về Sài-gòn mười ngày để nhận công-tác và chỉ-thị gì đó mà. Nhà con cũng sắp về.

— Không phải. Nó được đòi về Sài-gòn. Nó nhờ Thầy vô thu-xếp công chuyện với.. chị cho.. dứt khoát.

Cái gì đó? — tôi tự hỏi. Lại có biến-cổ gì nữa đó? Tôi nhìn ông Ấm. Sự im lặng của ông làm tôi sốt ruột. Tôi không muốn làm con chuột nhỏ bị đùa bỡn bởi con mèo.

— Thưa Thầy, cái gì dứt khoát ạ?

Ông không trả lời vội, cúi nhìn xuống mũi giày. Ông đưa ngón tay trở xuống lau vài vòng, vẽ thành những đường đen trên nền bụi mốc.

— Nó với chị tính tình không hợp. Hồi xưa cưới nhau lật đật không coi tuổi. Chị Lư-trung Hòa mà nó Đại-hải Thủy, Thủy Hỏa tương khắc sợ không ở đời với nhau được. Con cái cũng khó nuôi. Đó, mới chưa chi mà đã... mà mà đã .. mâu-thuẫn kích-bác.

Đầu tôi lão đảo, sân nắng quay vòng quay vòng. Tôi hít không khí đầy vào lồng ngực, ú-nghẹn và không đủ sức để thở ra. Tôi ở đâu đây? Ở giữa một khu rừng âm-u hay một cánh đồng lặng yên tiếng gió? Tại tôi ù đi. Có phải tôi vừa nghe một tiếng ve rang rang giọng buồn và sau đó không khí đặc lại, dâng cao tựa mặt đất, dâng lên bịt kín tai tôi. Giọng ông Ấm vang lên mơ hồ, xa xăm.

— Nó nói thời bây giờ ly-dị dễ, không như hồi còn luật gia-đình của cụ Ngô. Nó dặn Thầy vô đây để nói rõ hơn thiệt cho chị biết. Phía bên nó thì đã dứt khoát rồi. Bây giờ nó ăn ở với con Kiều-Nga con ông Hội-đồng ở Saigon. Con Kiều-Nga đã có mang với nó.

Tôi nghĩ ngay đến mấy chiếc va-li, mấy thùng gỗ chất đầy những đồ đạc của Thuyên. « Kiều-Nga, con gái của ông Hội-đồng », tôi muốn cười to lên. Hội-đồng, cũng như Chủ-tịch, cũng như Ủy-viên là những danh-giá chỉ mới-có-một-nửa, bởi vì còn cần một danh-từ chỉ định đi sau. Hội-đồng ấp hay Hội-đồng Chính-phủ? Ủy-viên Ban quản-trị hợp-tác-xã thuộc lá thôn hay Ủy-viên Tư-pháp Trung-ương? Không dọa nạt được ai nữa, những chức-vụ mơ hồ. Người ta chỉ kính nể con người, bởi vì con người còn đó và chức-vụ trôi đi. Cái mũ bằng vải đỏ, cái áo nẹp thêu chỉ màu làm cho con khỉ đóng trò xiếc thêm buồn cười. Chết! Tôi xin lỗi cụ thân-sinh của Kiều-

Nga. Tôi không dám nghĩ rằng cụ muốn được giới-thiệu như thế. Tôi thương và quý cụ như thương quý chính thân-phụ tôi vậy. Người cha nào cũng đáng thương. Tôi chắc cụ đã đau buồn, đã tủi hổ vì Kiều-Nga. Tôi tưởng tượng cụ hiền lành phúc-hậu, sống cuộc đời trong sạch của một điền-chủ miền đất phù-sa. Kiều-Nga đã thoát ra khỏi bóng mát đạo-hạnh của gia-đình để xông pha vào cát bụi quay cuồng và điều đó làm đau lòng cụ. Con xin lỗi cụ...

— Theo Thầy nghĩ thì... à à... thôi thì số mạng đã như vậy, chị cũng đừng nên trách nó làm gì. Chuyện đã lỡ rồi.

Tôi muốn hét to lên: Kiều-Nga, Kiều-Nga, nó ngủ với một trăm thằng. Tony, James, William, Pak-chung-Choi, Kim-yi-Pong, chú Thòong, chú Quành, thằng Năm Răng Vàng, thằng Tư tóc quăn... Chuyện đã lỡ rồi. Chuyện gì? Cái thai nó màu đen hay màu vàng, nào đã ai biết? Tôi uất ức, tôi ghê tởm.

— Thầy có khuyên nó nhưng nó năng nằng quyết một hai cũng xin ly-dị cho được. Thầy biết nói sao? Vậy chị...

Ông móc túi áo lấy ra một tờ giấy đánh máy sẵn, vuốt những lần xếp, trải lên mặt bàn:

— Chị ký giấy ưng-thuận để Thầy gửi vô Saigon cho nó. Nó sẽ đưa qua tòa án để làm thủ-tục sau.

Bần thiêu! Tôi không muốn nói một lời nào nữa. Tất cả đều vô ích. Ly-dị! Màn-ảnh, Kịch-ảnh báo tin ly-dị trong mỗi số báo. Sandra Dee với Bobby Darin. Gina với Miko Sofic. Brigitte Bardot với vài, ba, bốn người không nhớ xuề tên, không biết tên nào trước. Trác ơi! Ngồi sao của anh đang bị nạn đây! Thăm thăm xa vời trên vòm trời cao là đối với

đôi mắt của anh, đối với tình yêu chân thành anh mang theo từ những ngày hoang dại. Tôi bây giờ đang rơi xuống vũng bùn. Tôi bị đánh bại bởi bốn triệu bạc ở Thương-tín Ngân-hàng.

— Chị cứ yên tâm. Mọi thủ-tục nó đều lo hết cho chị. Chị chỉ cần ký một chữ. Nó sẽ đền bù thiệt hại, nó sẽ làm lại giấy đề chị đứng tên nửa lô đất nó mua rồi ở trên đường Đông-kinh. Một trăm tám hay hai trăm ngàn gì đó.

Quá sức chịu đựng của tôi rồi. Tôi muốn hỏi về số phận của cháu Phúc vì đó là điều-kiện duy nhất mà tôi muốn đặt ra, nhưng đem một trăm tám mươi ngàn đồng tiền mua nửa lô đất ra đánh

giá tôi làm tôi mất hết cả bình-tĩnh. Tôi nghiêm sắc mặt hỏi ông Ấm :

— Trong tờ giấy này viết những gì ?

— Chị cứ đọc kỹ đi. Đọc kỹ rồi hãy ký.

— Không cần.

Tôi cầm lấy cây bút nguyên-tử ông Ấm đã đặt sẵn trên mặt bàn cạnh tờ giấy. Tay tôi run run, viết nguệch-ngoạc một chữ ký ngoằn-ngoèo.

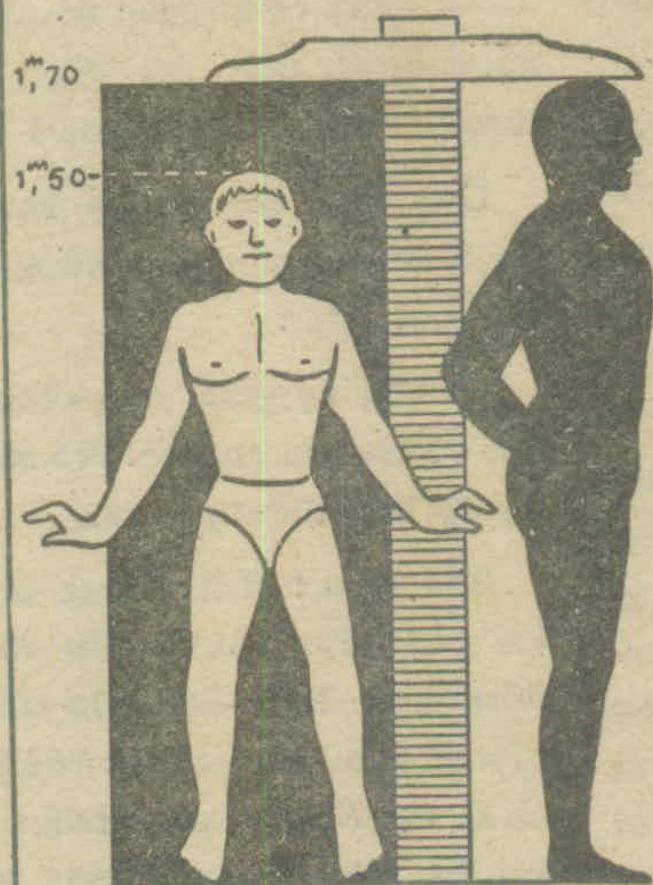
Tôi bỏ mạnh bút xuống bàn, đi thẳng ra hiên. Anh nằng ngoài sân chao lên, uốn vòng, uốn vòng. Tôi vịn hai tay vào khung cửa.

VÕ-HỒNG

KN Số 78 MBYTIQCDP

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ?

● MINH-QUÂN

Chạy giữa ngày Xuân

Thức ăn cạn dần. Tôi muốn vù ra chợ Bàn-Cỳ mua ít rau cải nhưng lũ em và nhà tôi đều không bằng lòng Ở nhà mãi bó cả chân, nghe mãi tin tức, nhạc, xem mãi truyền hình lại càng bức bối.

Chồng, em, con, cháu tôi thì suốt ngày và có khi, suốt đêm nữa, không rời bộ bài. Tôi hết sức ngạc nhiên khi trông thấy gần ấy người lớn trẻ con xúm quanh chiếc bàn ăn, mê mải, say sưa, hầu như quên cả sợ.

Tôi, tôi tìm đủ việc để làm, để khuấy khoả, đỡ phải bồn chồn. Nấu ăn, giặt rửa, lau quét... hết chuyện này đến chuyện kia. Đọc... nhưng lạ thay: không như thói quen của tôi, dù tôi làm gì, đọc gì tinh thần vẫn không tập trung được. Đi ra, đi vào, đi lên, đi xuống... không khí đe dọa vẫn bao quanh, trùm phủ.

Mỗi lần lên gác, nhìn về phía Chợ-lớn, luôn luôn thấy từng cột khói cao ngất, dày kịt tuôn lên nền trời. Trời như thấp xuống, chiu nặng. Tiếng nổ khi gần khi xa... nhưng tất cả những thứ ấy không làm tôi quan tâm bằng tiếng máy bay, suốt ngày đêm gần như lúc nào máy bay cũng quần đảo không ngừng. Rồi cứ chốc chốc lại thấy từng tốp người bông bế nhau, lôi thôi, lếch thếch chạy đi tránh đạn và trốn lửa. Nom người ta hút hải, kinh hoàng tuôn vào con hẻm xóm mình, tôi lại càng thắc thỏm, tiên đoán "thế nào rồi cũng đến lượt mình, có điều không biết ngày ấy gần hay xa, thế thôi".

Không đêm nào yên giấc cả. Một tiếng động nhỏ cũng đủ làm mình thức tỉnh, kinh hoàng. Tiếng chó sủa ran lên từng hồi, có khi dai dẳng, dai dẳng không thôi. Hàng giờ liền như vậy làm mình tưởng có thể phát điên lên được. Hai giờ chiều, không một bóng người thấp thoáng ngoài đường. Sự vắng vẻ càng tăng thêm phần đe dọa.

Đêm mồng bốn, trong lúc truyền-hình đang diễn vở tuồng cải lương "Tú hải tân Trạng" thì tôi chợt nghe tiếng "kêu gọi" từ dưới đường vang lên. Lập tức, phần âm-thanh bị tắt lặng, chỉ còn được nhìn các diễn viên múa may điệu bộ mấp máy đôi môi. Đáng ra, thì tắt ngấm hết, nhưng mọi người không ai bảo ai đều

ngằm đồng ý là để thế, nhìn thấy thế mình được vững lòng hơn.

Tôi để mặc mọi người ngồi xem, rón rén ra trước hiên, gần bao lơn nghe ngóng. Im bất lặng lẽ. Sắp sửa cho là mình cuống, nghe lầm, thì từ bóng tối, cạnh gốc dừa nhô ra một bóng người đàn ông.

— Đồng bào thân mến! Quân đội

Giải Phóng đã làm chủ tình hình Thủ Đô...

Tiếng nói lạc đi trong gió đêm xèo xạc và bóng người khuất sau những dãy nhà trước mặt nhà tôi.

Sự lặng lẽ lại trở lại, không khí ngột ngạt hơn bao giờ hết. Truyền hình và tất cả đèn trong nhà tắt ngấm đi một loạt. Tôi và các em sờ soạng lo diu bề lũ trẻ vào giường.

Trong bóng tối, tôi nghe rõ nhịp thở đứt quãng của con bé út. Trời mát thế mà lưng nó nhom nhóp và mặt, trán, cổ nó đầm ướt mồ hôi. Tội nghiệp! mới có một tí tạo thế mà đã biết sợ rồi, Tuy vậy, nó không thốt ra một lời nào, chỉ ôm chặt mẹ. Sau cùng, nó thiếp ngủ.

Qua một đêm lo ngay ngáy. Những đe dọa, khủng-khếp hình như cũng tàn theo bóng tối. Người ta cảm thấy vững tâm lại khi mặt trời lên, dù chỉ là một sự vững tâm tạm bợ bề ngoài.

Cổ bài được mang ra. Chồng con tôi, các em trai em gái tôi và lũ cháu lại tụm đến quanh bàn. Trẻ con vui mê thực sự, còn người lớn để đỡ lo ngại rồi trong chốc lát bình như cũng say mê luôn. Tôi vừa bức bối, vừa ngạc nhiên mỗi khi nhìn thấy sự háng hái, tươi tỉnh trên nét mặt của mọi người.

Tôi vốn ghét bài bạc. Chưa bao giờ tôi cảm thấy vui thích đề mà ngồi lại. Tôi vẫn luôn luôn tự hỏi tại làm sao người ta có thể tiêu phí thì giờ một cách vô ích và vô lý như thế được.

Bây giờ, tôi thấy tiêng tiếc là tại sao mình không thể ngồi lại đề giết thì giờ một cách ham thích như thế để đỡ lo, để quên...

Lắm lúc tôi nhìn lên đồng hồ trông mãi không thấy chliếc kim dài nhúc

nhích, y như là nó liệt máy rồi. Thời gian! thời gian mà mọi ngày tôi đuổi rượt theo không kịp, lúc nào cũng như bay biển, bây giờ trái lại cứ ngang đọng, không chịu trôi qua.

Loanh quanh trong xóm chứ không ra khỏi hẻm, thế mà tôi cũng lờm nghe được khối nguồn tin. Tin nào cũng như tuồng rất đúng, rất bí-mật, rất đáng tin và tin nào cũng tăng thêm khối nặng đè chiu trong lồng ngực tôi từ sáng mồng hai.

Tình hình quanh vùng tôi có vẻ khá yên tĩnh ngày mồng năm. Cho đến sáng mồng sáu thì nhà tôi đề nghị: «Đề anh đi chơi một lát xem sao». Lũ con nhao-nhao phản đối, nhưng tôi, tôi đang cần thấy có sự thay đổi. Phải! nếu tôi đã vương chân vì lũ trẻ thì phải đề dàn ông người ta ra ngoài một lát chứ, giam chân mãi chịu làm sao nổi?

— Nhưng đến hai giờ chiều giới-nghiêm rồi, lờ ba về không kịp làm sao?

— Thì ba ở lại. Có mẹ ở nhà, sợ cái gì. Hãy để ba đi chơi, đừng lộn xộn.

Buổi chiều, cửa nẻo đóng sớm, rút hết lên lầu xem truyền hình. Truyền hình là tất cả cái gì có thể nói lên sự bình yên, vui vẻ, sự liên-lạc của mỗi người với thế-giới bên ngoài trong những lúc người ta bị ngăn cách nhau như những ngày này, dù không thích, vẫn cần phải xem đề quên sự thật, đó là nguồn an ủi lớn lao trong lúc người ta cảm thấy bị đe dọa, không thể tự vệ, không được bảo vệ...

11 giờ đêm Trong tình tịch lặng lẽ bỗng nghe như có bước chân người sẽ sàng ren rén bên ngoài. Tôi ngồi bật lên, chong mắt nhìn ra cửa sổ: dưới ánh điện đường vàng vọt, một toán

người võ trang nép sát bên hè tiến đến, im lặng, không nghe tiếng giày mà như chỉ có tiếng chân đi, vũ khí va nhau canh cách. Tôi chạy vọt lên lầu. Vẫn còn hàng một từ sau tới y như con rắn không lồ và cuối cùng họ mất hút vào hẻm sau.

Tôi đứng lặng một giây. Trở về giường, nỗi kinh sợ xâm chiếm tôi rất nhanh, một nỗi kinh hoàng chưa từng có. Không biết từ bao giờ, tôi đã trở thành nhút nhát, hèn kém, khác hẳn ngày xưa. Tôi bồi rối hơn bao giờ hết, nhưng tôi vẫn nằm yên. Phòng bên bên kia có tiếng thằng cháu bé đang nhay vú mẹ nó, và, bên cạnh tôi tiếng thở đứt quãng của con tôi.

Trong đêm vắng lặng bỗng một tràng súng nổ liên tiếp nghe như sát bên hè. Rồi rời rạc từng tiếng súng trường, cứ cách khoảng đều đều, không ngắt. Tôi vội vàng lên lầu đánh thức lũ con trai và mang chúng xuống nhà.

Tôi tưởng mình sẽ thức suốt đêm như những đêm qua, nhưng đến khuya thì tôi không còn hay biết gì nữa. Lúc năm giờ sáng, tôi thức dậy. Ngóng đợi từng phút.

Trời càng sáng tỏ, tiếng súng càng nhạt lại. Tôi vẫn cố bình tĩnh giặt xong thau quần áo, phơi lên dây mà cứ ngại đạn vèo trúng mình.

Mẹ con tôi lo nấu cơm, lấy nước vào hồ sấu, đề ngộ không có nước dùng. Chín giờ sáng, tôi mở cửa lớn nhìn quanh phía trước thì một người mặc quân phục đi qua, giục :

— Vô nhà, đóng cửa lại đi, bà !

— Vậy mà mẹ tính sáng nay đi chợ chợ !

Con gái tôi cười, nói với em nó,

trong lúc thằng em mang bộ bài ra. Tôi quát chúng dẹp ngay bài lại, lo ăn uống cho xong. Vì « chẳng biết cái gì sẽ xảy ra hôm nay », Bên hàng xóm hai người, ba người rồi non hai chục người gõ cửa sau, xin vào nấp nhờ, tránh đạn. Sáng nỏ già. Cơm dọn lên bàn nhưng con bé thứ ba kêu đau bụng. Và nó đau mãi cả giờ không bớt, tôi lấy thuốc cho nó và trải chiếu xuống đất để con nằm. Rõ khéo lựa lúc ốm đau !

Những đứa còn lại ngồi vào bàn. Lũ trẻ và di chúng ăn xong, còn tôi, tôi mới bung chén cơm, cho vào ít muối vừng thì đành để xuống. Đến phút đó mà tôi vẫn không nghĩ đến chuyện chạy đi đâu. Bởi vì mình còn biết chạy đi đâu, trong khi chiến tranh diễn ra trong thành phố ? Đâu là chỗ an toàn ?

Xung quanh tôi, mọi người mang quần áo, đồ đạc, xe gắn máy, truyền hình, quạt điện, radio chất la liệt, ngổn ngang, chắn cả lối đi,

Lũ trẻ khóc ngất trên tay mẹ chúng. Đạn nghe veo veo, bong bóc, tạch tạch.

Súng lớn nổ nghe ành ành, xoàng xoàng, xoàng xoàng... Nhà cửa rung lên từng hồi. Thứ súng gì kỳ quái, nghe như tiếng nổ bị chặn trong phòng kín, như nó tức tối muốn bật tung cả trần nhà để thoát ra.

12 giờ nhà tôi vừa về đến. Lũ trẻ reo lên mừng rỡ. Anh nói :

— Về từ lúc tám giờ nhưng bị chặn ở ngoài. Phần thì đạn bắn dữ quá, mãi bây giờ mới vô được đây.

Tôi không khỏi buồn cười khi nghĩ đến một người vượt khoảng cách một trăm thước trong vòng bốn tiếng đồng hồ.

Anh nói tiếp sau một hồi ngừng để thở :

— Q. coi ra mở cửa nhà xe, mau lên. Còn lũ kia mỗi đứa lo lấy áo quần cho vô cặp mình, chờ đó, hễ ba mang xe ra trước ngõ là lên xe, chạy liền.

Lũ trẻ làm theo răm rắp. Chỉ một nhóang, chúng đã có mặt ở cửa trước. Dĩ chúng cũng bế con ra xe với các cháu. Tôi thì cứ mãi bận mở cửa sau cho những người đến nấp, đóng lại, chạy lên, rồi lại chạy xuống, mở.

Khi tôi chạy ra cửa trước thì cả xe lẫn người mất dạng rồi. Tim tôi nghẹn cứng lại, ngừng hẳn lại rồi rộn đập. Nhưng tôi cố trấn tĩnh vì điều đáng kể này : lũ trẻ và chẳng tôi đã thoát được rồi. Q. đến gần tôi, tôi quên mất cả điều ngạc nhiên : tại sao nó không chạy theo cha và các em. Tôi chỉ mừng rỡ là tôi còn có nó. Tôi nắm chặt tay con dặn :

— Chỉ còn mẹ con mình, con không được rời mẹ phút nào.

Con gái tôi dạ một tiếng nhỏ nghẹn ngào, tôi kéo nó nằm xuống. Độ mười phút sau tiếng súng lại dữ dội hơn trước.

Có tiếng khóc nức nở của người lớn chen lẫn trong tiếng khóc ngằn ngặt của trẻ con. Có tiếng cầu kinh, tiếng niệm Phật. Tôi lặng lẽ đảo mắt một vòng : trước mặt tôi, P. thằng bé bạn học của con trai tôi, mới 12 tuổi, đang cố sức đỡ đứa em chín tháng. Thằng bé không chịu nín. Và cạnh đó hai đứa nhỏ nữa, đứa lên sáu, đứa lên ba. Mẹ nó bị kẹt lại bên nhà, không chạy kịp. Cô H. em của người bạn tôi, chị D., chị S. với tám đứa con lút chút, đứa nào mặt cũng xám ngoét, giương những con mắt lơ lảo nhìn quanh. Một số nữa tôi chỉ biết mặt mà không quen và có cả những người không quen biết. Trong nguy hiểm,

mọi người dịch lại gần nhau hơn, không khác gì lũ trẻ con khờ dại, người nọ nhìn người kia, như cầu cứu, như nhờ che chở dù người kia cũng chẳng khác chi mình.

Một bà ra dáng can đảm nhất ren ren xuống nhà bếp để quan sát xem sao. Chỉ một nhóang sau bà chạy lên, quên cả sợ sệt vèo trúng mình, hốt hải :

— Thôi rồi, nguy quá ! không biết bao nhiêu là lính ở sau hè.

— Lính nào ? Lính nào ?

— Lính nào thì phải nói cho người ta biết chứ ?

— Ai biết được ? Ai gan thì hẳn cứ ra mà hỏi họ...

Song người ta không giận nhau hay gây gổ thực sự được. Người ta chỉ tăng thêm kinh sợ, vì ai cũng thừa biết rằng dù là bên nào đi nữa, súng đạn rõ không hề biết phân biệt bạn hay thù, có tội hay không, nó không hề biết lựa mặt chọn tên. Chỉ là chuyện may rủi mà thôi.

Có tiếng la hét, quát tháo, lẫn trong tiếng kêu « Cháy ! cháy ». Mọi xe lại, không ai cầu-nguyện hay khóc nữa. Mọi người gục xuống như những cái xác không hồn. Lũ trẻ im bặt. Không hiểu khói thuốc súng hay khói lửa cháy nhà ập vào mũi chúng tôi nồng nặc.

Ban đầu, tôi hết sức hối hận vì đã chần chừ, do dự không đi tránh sớm, tôi run lên bần bật vì kinh sợ. Sau, tôi tưởng mình sắp chết nên bình tĩnh lại, bớt sợ hãi đi. Tôi nằm yên, tay vẫn nắm chặt tay con tôi, cố tập-trung tinh-thần song tinh-thần toán loạn, tôi chẳng nghĩ được gì. Tôi chỉ bần-khoăn có mỗi chuyện : không biết tôi sẽ chết dễ dàng, mau chóng hay đau đớn, kéo dài. Và trong một thoáng, tôi quên hết xung quanh.

Tiếng kêu la cứ như những ngọn sóng cả, ập lại, vang lên trong tai rồi xa dần.

Thình lình, tiếng súng chọt thưa đi, chỉ nghe tiếng chân người chạy rầm rập bên ngoài và tiếng kêu cứu cháy.

Mọi người đều mừng rỡ, cứ tưởng là thoát được, song khi con gái tôi chạy lại cửa, ghé mắt nhìn ra thì đúng lúc đó nó nom thấy một người đàn ông có võ trang và một người đàn bà chạy vào trước hiên nhà, chuẩn bị bắn ra. Thế là hết, không còn ai mơ tưởng đến chuyện chạy thoát nữa.

Thốt nhiên, tôi giận sôi con tôi, tôi quát nó :

— Tại sao lúc này mày không chạy theo ba và các em ?

— Con không đi, con ở lại chờ mẹ chớ. Đi hết, bỏ mình mẹ sao được ?

Nó điềm tình trả lời tôi, như không hề biết sợ là gì.

Nghe tiếng con tôi, tự nhiên tôi đâm ngượng : hóa ra mình thua cả đứa trẻ con ! phải chăng bởi mình không còn trẻ hay vì sống trong không khí vị-kỷ của thị-thành, vì có con cái, được hưởng đôi chút tiện nghi nên sinh ra... thế ? Lần này, tiếng súng như dồn về trước mặt chúng tôi. Mọi người dồn về phía sau. Dù sao, ai cũng nhận rằng đỡ nguy hiểm hơn một giờ trước đó, tiếng súng nổ dồn trước mặt sau lưng, bên tả bên hữu, không biết chỗ nào là có thể tránh đạn. Rón rén ra trước nhìn thì thấy hai người lạ đã đi rồi. Tôi bảo con coi thu ít đồ đạc gì cho vào cặp. Nhưng mấy cửa phòng đều bị đồ đạc của những người nấp nhờ mang ra che, chắn đạn, không có lối đi. Tôi định chạy lên lầu thì một viên đạn lóe lên, xoẹt vào xoi thùng cầu thang làm tôi vội vàng lùi lại.

Tôi không còn nghĩ đến chuyện lấy được gì mang theo nữa. Lại có tiếng gõ cửa và tiếng kêu của nhà tôi.

— Hai mẹ con chạy ngay đi ! Lửa sát sau hè rồi. Có lấy được gì thì mang theo. Mau !

Tôi nhìn quanh : Cái gì đối với tôi cũng quý giá, đầy kỷ niệm. Tôi biết mang theo cái gì bỏ lại cái gì đây ? Nếu có thể, tôi thu nhặt hết, nhưng đã đến mức này thì thôi, thôi vậy.

Con tôi lách vô phòng ngủ, mang ra hai cái chăn, mấy cái áo dài, nhưng tôi bảo nó bỏ áo dài lại, chỉ lấy chăn và hai bộ áo quần cho hai mẹ con thôi.

Nhà tôi lại giục :

— Xong chưa ? chạy đi, kéo súng nổ lại, nguy hiểm lắm.

— Còn anh ? sao không chạy luôn với các con ? Bỏ chúng chỗ nào ?

— Không sao, các con anh chờ đi xa lắm, an toàn lắm. Bây giờ hai mẹ con chạy đi, để anh coi lửa có thể nuốt nhà mình không. Anh sẽ khóa cửa chạy sau.

Những người nấp trong nhà tôi cũng chạy ủa ra. Ra đến ngõ sức nhớ, tôi quay lại hỏi :

— Nhưng mà anh bảo mẹ con tôi chạy đi đâu ? Các con chỗ nào chớ ?

— Cứ đi thẳng, đi thẳng ngang cái chùa là thấy xe với các con, anh ra sau.

Tức khắc, hai mẹ con tôi lao ra ngõ trôi theo giòng thác người cuốn cuộn tuông ra đường Phan thanh Giản.

Tôi thở phào một cái, nghĩ thầm :
“Vây là mình thoát chết”.

Theo đúng lời dặn của nhà tôi, tôi cứ đi thẳng, đi thẳng mãi, ngang cái chùa nhưng chẳng thấy xe đâu. Nhìn quanh chỉ thấy đầu người nhấp nhô như sóng. Từ trên các lầu cao, súng chia chia như những mũi dao găm và tiếng đười gáp từ trên vọng xuống làm tôi càng cuống.

Tôi lăm bằm một mình những lời của nhà tôi mà tôi nhớ như in :

— Xa lắm, an toàn lắm, cứ đi thẳng, đi thẳng ngang cái chùa...

Mỗi lần quay lại, cột khói tỏa cao hơn, đen hơn, đặc hơn như đuôi gập bên lưng. Tiếng nổ vẫn bong bóc, tành tạch, ròi rạc — tiếng súng trường và tiếng nổ của những đồ vật trong nhà cháy.

Trong bầu không khí mịt mù sặc khói của lửa và của thuốc súng giữa hai giờ trưa đó, tôi bỗng lạnh cả người, nghe gáy gáy rét khi mắt tôi chạm phải ngôi nhà ngói ngay trước nhà tôi bốc cháy. Vì vậy, tôi không thể quay lại tìm nhà tôi để hỏi lũ con đâu. Tôi kinh hãi thêm khi nghĩ : biết đâu anh ấy không kẹt trong lửa đỏ còn lũ con thì kẹt trong xe cũng bị cháy ở một góc nào ? Để trấn tĩnh một chút, tôi hỏi lại con tôi :

— Có phải con cũng nghe ba nói « cứ đi thẳng, đi thẳng ngang cái chùa là thấy xe » không ?

— Phải, con cũng nghe như mẹ.

— Vậy thì mình cứ đi thẳng, thế nào cũng có xe.

Tôi không dám rẽ trái hay rẽ phải. Phải đi thẳng theo lời nhà tôi dặn. Đi thẳng ngang cửa Việt-Nam Quốc-tự là hết đường đi thẳng. Tôi cố để đừng nói thành lời câu này : « Cứ tưởng mình chết, chớ con thoát được, hóa ra mình thoát còn chớ con thì... » nhưng những lời ấy cứ như vang lên, vọng mồm một vào tai tôi. Tôi không thấy ai, thấy gì trước mắt nữa, tôi bước trần như kẻ mộng du cho đến một lúc con tôi giật tay tôi, hét lên :

— Kia, mẹ ! ngừng lại không người ta bắn đó.

Tôi đành quay lại, mẹ con tôi đảo qua, đảo lại Trần-Quốc-Toàn, Phan-Thanh-Giàu, Nguyễn-thiện-Thuật, Cao-thắng không biết đến mấy lần. Chẳng thấy tấm bóng cha con đâu.

Lửa cháy lan ra đường Nguyễn-thiện-Thuật, lửa chia ra thành ba cột ngất trời,

Tôi nắm tay con bước trần, đi, đi tránh xa vùng lửa đạn, tôi chỉ còn có nó, tôi không còn biết làm cách nào hơn...

Đầu óc : tê dại, hoang mang, tôi không nghĩ ngợi gì, suy tính gì, mặc đôi chân đưa đến đâu thì đến. Gió reo xào xạc trên vòm cây cao, gió quét, gió đuôi những chiếc lá rụng trên mặt đường dồn về một phía. Có phải mình cũng như những chiếc lá kia ? « Mẹ ! con đau bụng quá ». Lạ chưa ? Y như có tiếng nói của con tôi vang bên tai. Thốt nhiên, mệt mỏi, rã rời, muốn ngồi xuống vệ đường một chốc, song đường vắng ngắt và con tôi giục :

— Mẹ quá giờ giới nghiêm rồi.

Phải ! quá giờ giới nghiêm rồi ! Tôi thần thờ lặp lại lời con tôi và nắm tay nó chặt hơn, bước mau dưới nắng,

MINH-QUÂN

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được của nhà xuất bản XÓI ĐẤT, 116 Đinh Tiên Hoàng Saigon, 4 tập sách sau đây :

— Đền Cờn-giờ truyện của Bình-Nguyên-Lộc, dày 36 trang giá 15 đ.

— Hy Sinh truyện của Liên-Phong, dày 24 trang, giá 13 đ.

— Lão họa-sĩ ăn mày truyện của Lê-văn-Siêu, dày 30 trang, giá 15 đ.

— Hai ngọn roi thần truyện của Hàn Xuân Đường vào Ba thực truyện cổ tích của Đông Tùng, dày 32 trang, giá 15 đ.

Xin trân trọng cảm ơn nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu bạn đọc,

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

NGƯỜI VỀ ĐẦU NON



Truyện dài do tập - san VĂN xuất - bản, — 133 trang giá 308. Tác - giả VÕ - HỒNG (Về tiểu - sử, xin xem BKTĐ số 247 ra ngày 15-4-67 trang 78).

Tác phẩm :

« Mỗi lần hướng mắt quay lui nhìn về quá khứ là tôi thấy bóng dáng của ông Bác tôi hiện lên, bao trùm cả một quãng đời thơ ấu của tôi như cây đa cổ thụ vẫn đứng bao trùm cả một vùng đất đá hoang vu... »

Vì lẽ đó, « tôi » đã kể lại câu chuyện ông bác. Nói cho đúng, đó là câu chuyện về « tôi », trong suốt quãng

đời cùng sống với ông bác. « Tôi » đây được đặt tên là Phan - Tử - Văn, nhưng tưởng cũng có thể tên là Võ - Hồng lắm lắm.

Tử - Văn với Võ - Hồng là bạn đồng hương, đồng niên kỷ, cùng học - hành như nhau. Nhân - vật chỉ thua tác - giả ở chỗ không làm văn - sĩ. (Nhưng biết đâu ! Ngày ông bác qua đời, sự đau đớn ngậm ngùi của anh ta cũng được nhiều chất văn - chương lắm). Tử - Văn là con nhà nghèo, được ông bác đem về nuôi, cho ăn học, nên người ; Tử - Văn nên người thì ông bác đã già, rồi đau, rồi chết giữa một miền quê mịt mù khói lửa.

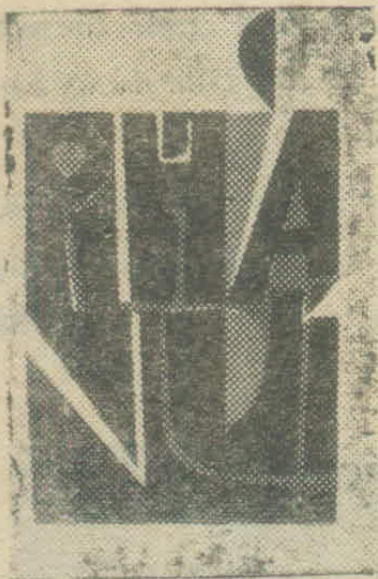
Bác cháu Phan - Tử - Văn là người Phú - Yên, cho nên câu chuyện cuộc đời của anh ba cũng là câu chuyện về những chuyện biến trong sinh - hoạt của địa - phương này trong khoảng thời gian gần đây. Và về phương - diện ấy, nó gợi ra một vài suy nghĩ : ngày cậu bé Tử - Văn bắt đầu đi học thì ở đây người ta không mua sách ở thư quán theo lối văn - minh bây giờ ; ta chờ những người mặc



« Ông Bác » và ba đứa con của tác - giả
« Người về đầu non »

quần nâu đi giày bố trắng, gánh đôi bồ đi bán sách dạo qua các xóm làng, vừa gánh rao vừa quạt thành phạch « y như ông Không Minh » (trang 20) ; hàng năm vào khoảng tháng bảy tháng tám, nhưng ông Không Minh mới đi bán dạo một lần như thế, (nói cách khác, mỗi năm người dân địa phương chỉ có một cơ hội đọc sách). Cũng ngày mà cậu bé Tử Văn học xong lớp Tư, thi đậu bằng « Yếu-lược » thì ở đây văn bằng Yếu-lược được dân chúng coi trọng như bằng Cử-nhân bây giờ (trang 39). Từ buổi thơ ấu của Phan Tử Văn đến nay tức độ 35, 40 năm, trong đó đã mất đi 25 năm chiến tranh tơi bời. Như vậy, tính ra, Phú-Yên chỉ còn lại một khoảng thời gian hơn mười năm để mà duy tân, khai hóa !

Tội nghiệp ! Phú-Yên tiêu biểu cho mức trung bình của các tỉnh miền Trung (cao hơn thì có Quảng Nam, Thừa Thiên v.v..., thấp hơn, có Pleiku, Kontum v.v...). Những ai dễ mũi lòng tha hồ suy ngẫm mà buồn thương cho số phận hẩm hiu của Mẹ Việt-Nam.



PHÁ NÚI

Truyện dài của LÊ TẮT ĐIỀU do HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản, 245 trang ; Giá 100 đ.

Tác giả

Tên thật là LÊ TẮT ĐIỀU sinh ngày 2-8-1942 tại Hà Đông (Bắc Việt). Đã cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, Đông Phương, Hoài Bão, Tuổi Xanh, nhật báo Sống v.v... Tác phẩm đã xuất bản : *Khởi hành* (truyện ngắn), *Quay trong gió lốc* (truyện ngắn), *Kẻ tình nguyện* (truyện ngắn),

Đêm dài một đời (truyện dài), *Người đá* (truyện ngắn), *Phá núi* (truyện dài).

Tác phẩm :

Mỗi lần quay mắt nhìn, Lê tất Điều không thấy một ông bác già, như nhân vật của Võ Hồng, mà lại trông thấy toàn một đám bạn trẻ.

« Bạn bè tôi xấu, tốt lẫn lộn (...) Nhưng tôi nhớ thương tất cả. Tôi bị ảnh hưởng dứa này một chút, dứa kia một chút. Chúng tôi cùng lớn lên và chia xẻ tai họa cùng hạnh phúc chung của một thế hệ. Nến sau này, tôi có thể yêu thương nhân loại thực, thì cũng bởi vì trong nhân loại có chúng nó. (...) Xin đừng trách tôi quá nhiều lời nói về bạn bè ».

Ồ ! không ai nữ trách. Bởi vì « tôi » là bạn bè, bạn bè cũng chính là « tôi » đó. Là cuộc đời của « tôi » đó. Xin cứ nói, xin tha hồ, tự nhiên.

Nhưng « tôi » là ai đây ? Trong *Phá núi*, « tôi » được đặt tên là Phi. Tuy vậy người đọc vẫn gặp ở đây một trường hợp như ở *Người về đầu non* : « tôi » là Phi cũng được, nếu ngẫu nhiên « tôi » mang phải tên Lê tất Điều cũng không sai ầm. Nhân vật và tác giả cùng sinh trưởng ở Đô-thành, cùng một lứa tuổi tác,

theo một con đường học vấn, và chắc chắn cùng trải qua một tâm trạng trong thời buổi loạn ly. Lại bảo nhân vật thua tác giả ở chỗ không làm văn-sĩ ư? Chưa chắc! Trong đêm tụ tập ở nhà cô ca sĩ tên Diệu, không khí rặt là không khí văn chương, Phi cũng thông thạo như ai.

Phi với bạn bè đại khái cho là kẻ xấu người tốt, như tác giả từng giới thiệu. Thực ra, trong bọn họ không có ai thực là xấu. Hầu hết họ đều là tốt cả, vờ nhất là đáng thương cả. Họ lớn lên trong một thời kỳ khó khăn. Mới ngày nào còn là con nít nghịch ngợm, phá phách đó. Chẳng mấy chốc họ đòi yêu đương, rồi bố mẹ bước vào đời. Theo chân họ, ta thấy có lúc họ đàn đúm tán dóc, có lúc họ nháy nhót, có lúc họ lăn mình vào công tác xã hội, có lúc họ là những sinh viên thức trắng đêm cầm đuốc diễn hành biểu tình, có những lúc họ bàn tán về cuộc đời họ, kể với nhau những tâm sự buồn rầu bất ngờ... Rốt cuộc, kiểm điểm lại, trong bọn có kẻ hiến một cánh tay cho tổ quốc, có kẻ đã hiến trọn cuộc đời cho tổ quốc. Còn Phi, «tôi» thì chỉ còn một tuần nữa là mặc quân phục.

Lê-tất-Điền đã có nhiều tác-phẩm. Điểm đặc biệt của anh trước đây là một niềm trắc-ân trong lòng và một nụ cười trên môi. Đến nay nụ cười ấy vẫn còn ở anh, vẫn giấu cọt, vẫn ý-nhị. Lòng trắc-ân kia, có thể nói cũng vẫn còn đó, nhưng đã lộ ra những biến-thái sâu xa. Bởi vì lòng thương lẫn này không hướng về kẻ khác, mà tự hướng vào mình, vào thân phận lớp người củ g trang lúa. Cho nên lòng thương có nhuộm chút mĩa mai chua xót kín đáo.

Sự yêu ghét của Lê-tất-Điền trước đây thực phân minh, trong đời anh yêu kẻ yếu, kẻ khó, kẻ bất hạnh, ghét bọn gian ác, phường nịnh bợ. Con đường thiện ác thực dễ nhận, giản đơn; thái-độ của anh rõ ràng dứt khoát. Người ta bảo anh có khuynh-hướng xã-hội, và khen rằng như thế là lành mạnh lắm.

Ở đây, ta gặp một Lê-tất-Điền phức tạp hơn, và cũng già dặn hơn. Đường đời đối với anh không dễ nhận nữa, lẽ sống không giản dị nữa: «Tôi cũng đã cố gắng tìm cho đời mình một ý-nghĩa». Ai cũng có thể đoán trước dễ dàng qua câu nói đó một sự bất lực, thất vọng. Quả nhiên, sau cùng, giả vờ đòi bố *Vespa*, để vùng vằng bỏ nhà ra đi lính đâu phải là tìm được ý-nghĩa cho đời!

Võ-Hồng dẫn ta về những ly-kỳ đã qua, Lê-tất-Điền trình-bày những hoang mang trước mắt. Đọc xong tác-phẩm của Lê, ta muốn được nghe một bản trường ca «Con Việt-Nam». Con Việt-Nam khổ đau lắm; cháu cũng không thua Mẹ.

NƯỚC NON BÌNH-ĐỊNH

NAM CƯỜNG xuất bản ; 515 trang ; Giá 220 đ.

Tác giả :

QUÁCH TẤN (tiểu-sử, xin xem BK. TĐ. số 247 ra ngày 15-4-1967 trang 80).

Tác phẩm :

Yến-Lan, hồi tiền chiến, có một bài thơ nổi tiếng nói về tích minh :

... « Ôi Bình-Định hương phong trường cách biệt,
 Nhưng băng khuâng trong đức hạnh sương hoa.
 Nhà ngơ ngần những tường vôi keo kiết,
 Nam quách sầu, Đông phố quạnh, Tây môn xa!.. »

Tuy ngơ ngần, keo kiết, tuy sầu, tuy quạnh vậy đó, Bình-định lại mê hoặc nhiều tâm hồn nghệ sĩ. Chế Lan Viên đặt lầu cửa Đông thành Bình định làm lầu Tư-tướng, Hàn Mặc Tử chỉ ước ao chết được chôn tại Qui nhơn. Tuy không sinh đẻ tại Bình Định, vài nhà thơ đã vui vẻ gia nhập với các bạn, nguyên-quán tại đây, để thành lập nhóm thơ Bình-định. Nhóm gồm có Chế Lan Viên, Yến Lan, Hàn Mặc Tử, Quách Tấn. Hai người hiện ở Bắc, một người ở thế giới bên kia, còn lại một mình Quách Tấn lãnh nhiệm vụ ca tụng quê hương.

Thi sĩ làm nhiệm vụ ấy một cách tận tình. Trong vòng đời ba năm nay, phải chăng là để phản ứng lại ảnh hưởng của ngoại nhân, trong nước có một phong trào phát huy những cái hay cái đẹp, những đặc điểm của quê hương : nhiều đoàn hát chuyên về nhạc dân tộc; về các điệu dân ca, dân vũ, nhiều sách địa-phương-chỉ ra đời, nhiều sách nói về phong tục tập quán cổ truyền v.v... Giữa bao nhiêu cuốn địa-phương-chỉ tranh nhau xuất hiện gần đây, *Nước non Bình Định* của Quách Tấn vẫn là tác phẩm đồ sộ nhất : trên 500 trang.

Sách chia ra các phần : Lịch sử, Địa lý, Thắng cảnh và cổ tích, Dân số, Kinh tế, Phong hóa, Tôn giáo.

Chúng ta thấy khi làm công việc biên khảo, nhà thơ đã chịu khó tỉ mỉ nhẩn nại nghiêng xuống từng ngày tháng, từng con số, theo dõi từng ngọn núi nhánh sông, từng mô gò, hóc núi... Khách phương xa muốn viếng Bình Định không thể tìm ra một hướng dẫn viên thông thạo hơn. Thông thạo và thiết tha, lòng lúc nào cũng sẵn sàng rung động vì những tang thương đã xảy đến cho quê hương : kiểm điểm lại dân số Bình-định từ đời Gia-Long đến nay, Quách Tấn nghĩ đến chiến tranh hiện tại và than thở : « Người chết không yên mồ mả, người sống không biết ngày mai như sao ! Tình cảnh thật là thảm ! Đến ngày vinh quang, không biết số người Bình Định có còn được nửa chăng ? » Kiểm điểm lại bước thăng trầm của nghệ-thuật hát bộ, Quách-Tấn lại than thở : « Đứng trước « cảnh Cùm mây tàn bóng nhạt xa xa », người hữu tâm không khỏi bồi hồi ác não ! »

Hiển nhiên Quách-Tấn là người hữu tâm. Người hữu tâm ấy quá ham thơ, trước mỗi cảnh mỗi người mỗi biến cố, ông Quách đều dừng lại, nhắc đến mấy câu thơ : thơ của Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, thơ « Khán Hồ Bi » của Nguyễn-Bá-Trác, cả thơ của Trường Xuyên, của Đăng Đạo, của Mộng Hoa nữa.

Người hữu tâm, quá mến yêu quê hương không ngần ngại đưa vào sách cả những chuyện hoang đường, những giai thoại xung quanh các danh nhân cò tích. Thiết nghĩ đó cũng không phải là điều vô bổ : các thần-thoại huyền hoặc sẽ làm tài liệu cho những nhà nghiên cứu sau này suy diễn để tìm ra ý nghĩa của nó. Miễn là người ghi chép phân biệt rõ đâu là hư đâu là thực để khỏi gây lầm lại rắc rối cho người đọc. Và thi sĩ Quách Tấn không thiếu những phán đoán sáng suốt trong trường hợp này : người địa phương kể rằng Nguyễn Thân đã giết oan bá hộ Huệ ở Bình-định, về sau con Nguyễn Thân là Nguyễn Hy đến tỉnh này nhậm chức đồng đốc thường chiêm bao thấy chiếc xe chở ruột lòng thông đi qua trước mặt. Xe là xa, ruột là tâm, xe với ruột hợp lại thành chữ Huệ Quách Tấn thuật xong câu chuyện ấy, ghi chú thêm rằng Nguyễn Hy đã phủ nhận, bảo không hề có, tuy vậy thi sĩ vẫn cứ thuật vì « Nghe kể các bạn sẽ tự hỏi : Người ta bịa ra câu chuyện để làm gì ! »

Chuyện tuy không hề có, kể bịa chuyện người thuật chuyện đều làm cho Bình Định thêm vẻ hấp dẫn.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE

— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

Thế-giới trong những tuần qua

● TỪ-TRÌ

Hai sự-kIỆN đã khiến dư-luận quốc-tế đặc biệt chú-trọng tới hiện thời là việc chuẩn-bị cho cuộc bầu-cử Tổng-thống Mỹ vào tháng 11 cuối năm qua và sự lung-củng tội bộ của khối cộng-sản.

Hoa-kỳ chuẩn-bị bầu Tổng-thống

Đến tháng 11-1968, quốc-dân Hoa-kỳ sẽ bầu một vị tân Tổng-thống. Ngay từ bây giờ hai đảng Cộng-hòa và Dân-chủ cùng các ứng-cử-viên Tổng-thống đang hoạt-động ráo riết.

Theo thông-lệ chính-trị Hoa-kỳ, trước khi mỗi đảng triệu-tập Đại-hội để chỉ-định ứng-cử-viên Tổng-thống, các đảng đều tổ-chức những cuộc bầu-cử sơ-khởi (Primaire) tại các tiểu-bang. Những cuộc bầu-cử sơ-khởi có mục-đích đưa ra một số ứng-cử-viên được các đảng-viên tín-nhiệm nhất. Sau cùng Đại-hội đảng sẽ nhóm họp để cử một ứng-cử-viên Tổng-thống và một ứng-cử-viên Phó Tổng-thống của đảng. Hai vị này sẽ chính-thức ra ứng-cử.

Thường lệ, khi một vị đương kim Tổng-thống, nếu chưa giữ chức-vụ Tổng-thống 2 nhiệm-kỳ, muốn ra tái-cử thì luôn luôn Đại-hội đảng đề-cử làm ứng-cử-viên của đảng. Nhưng năm nay, đời sống chính-trị Hoa-kỳ đang ở vào một giai đoạn vô cùng khó khăn, vì vậy một vấn-đề được đặt ra là Tổng-thống Johnson có còn được đảng Dân-chủ tín-nhiệm đề cử là ứng-cử-viên Tổng-thống nữa hay không. Thật vậy, hiện thời Tổng-thống Johnson đang phải đối-phó với ba

vấn-đề được coi là trầm trọng nhất trong lịch-sử Hoa-kỳ : chiến-tranh ở Việt-Nam, kỳ-thị chủng-tộc và tình-hình kinh-tế khó khăn. Các ứng-cử-viên đảng Dân-chủ, cùng đảng với Tổng-thống Johnson, đã chỉ-trích ông rất nhiều về ba vấn-đề này. Họ cho rằng vì ông Johnson không giải-quyết được ổn-thỏa chiến-tranh tại Việt-Nam nên ngân-sách thiếu hụt không có đủ phương tiện mà phát-triển kinh-tế và xã-hội. Vì vậy dân-da đen nghèo khổ phải đi đến chỗ nổi loạn.

Hai đối-thủ chính của Tổng-thống Johnson trong đảng Dân-chủ hiện thời là ông Eugene Mac Carthy và ông Robert Kennedy. Cả hai ông Mac Carthy và Kennedy đều chỉ-trích mạnh mẽ chính-sách của Tổng-thống Johnson ở Việt-Nam. Họ chủ-trương xuống thang chiến-tranh, ngưng oanh-tạc Bắc-Việt, thương-thuyết với Việt-Cộng và thành-lập một chánh-phủ Liên-hiệp với Việt-Cộng tại Nam-Việt. Kết-quả cuộc bầu-cử sơ-khởi tại tiểu-bang New Hampshire đã làm cho các quan-sát-viên ngạc nhiên. Ông Mac Carthy đã lượm được 42,2% và Tổng-thống Johnson được 49,1% phiếu của đảng-viên Dân-chủ. Tuy Tổng-thống Johnson vẫn nắm được đa số, nhưng uy-tín của ông Mac Carthy đã vượt mức dự-trị quá cao nên địa-vị của Tổng-thống Johnson bị đe dọa khá nhiều.

Thêm vào đó, ông Robert Kennedy, Thượng nghị-sĩ tiểu-bang Nữu-Uớc tuy không ghi tên ứng-cử ở New Hampshire

cũng quyết định nhảy vào vòng chiến. Ông tuyên-bố là ra ứng-cử đề sớm giải-quyết chiến-tranh ở Việt-Nam. Robert Kennedy cũng cùng ý-kiến với Mac Carthy về các vấn-đề quan-trọng như xuống thang chiến-tranh, thương-thuyết với Việt-Cộng... Vì vậy người ta không hiểu sao Kennedy lại quyết định ra ứng-cử đề cho đảng Dân-chủ thêm chia rẽ.

Trước sự phân-hóa của đảng Dân-chủ người ta thấy đảng Cộng-hòa đang xiết chặt hàng ngũ. Trước cuộc bầu-cử sơ-khởi ở New Hampshire, ông Romney Thống-đốc Michigan đã rút lui không ứng-cử. Sau khi ông Richard Nixon, cựu Phó Tổng-thống Mỹ, được 78 % phiếu của đảng viên Cộng-hòa, ông Nelson Rockefeller, người có nhiều hy vọng, cũng quyết định rút lui. Như vậy đảng Cộng-hòa chỉ còn có một ứng cử viên trong khi đảng Dân-chủ có tới những ba.

Trước tình hình nguy ngập này, Tổng thống Johnson đang tìm phương tế lấy lại uy tín bằng cách sửa đổi chiến-lược tại Việt-Nam. Đề trấn an phe « điều hậu » chủ trương cứng rắn, ông Clifford, thuộc khuynh hướng cứng rắn đã giữ chức Bộ trưởng Quốc-phòng. Nhưng đề phe « bồ câu » hết có thể chỉ trích ông, Tổng thống Johnson đã thay thế tướng Westmoreland. Hơn nữa, đề cả hai phe « điều hậu » và « bồ câu » đều hài lòng ông còn cho gửi 20.000 quân sang Việt-Nam: Làm như vậy ông tỏ rằng mình không hiểu chiến mà gửi đến 206.000 lính như tướng Westmoreland yêu cầu, nhưng đồng thời ông cũng cho biết là ông vẫn cương quyết chiến đấu chống Cộng-sản ở Việt-Nam.

Trong tương lai gần đây, ông Johnson

có lẽ sẽ còn phải dùng nhiều biện-pháp khác nữa để khôi phục uy tín trước khi Đại hội đảng họp vào tháng 8 tới. Muốn như vậy, ông Johnson sẽ có thể đi tới chỗ giải quyết mau chóng vấn đề Việt-Nam bằng giải pháp thương thuyết để chấm dứt chiến tranh. Giải pháp này có cơ thực hiện được, vì một vài dấu hiệu đã tỏ rằng các nhà cầm quyền Bắc-Việt đang bị lúng túng trước cuộc chiến hiện tại. Đại diện Bắc Việt Mai-văn-Bộ sang Thụy-sĩ có lẽ không ngoài mục đích thăm dò ý định của Hoa-kỳ. Hơn nữa, tuy ngoài mặt Bắc-Việt luôn luôn tuyên bố là những vụ oanh tạc của phi cơ Hoa-kỳ không làm suy yếu tinh thần chiến đấu của dân chúng và bộ đội Bắc-việt, nhưng trên thực tế rất có thể tinh thần dân chúng và quân đội Bắc-việt đang bị dao động nghiêm trọng.

Việc Hồ-chí-Minh ký « pháp-lệnh » quyết định tử phạt tử tới tử-hình những phần tử phản cách-mạng và phá hoại các hoạt-động của chính-phủ Bắc-Việt chứng tỏ rằng Nhà-tước Bắc-Việt đang gặp nhiều sức chống đối của dân chúng.

Nói tóm lại, tuy tình hình chiến-cuộc ở Việt-Nam hiện nay đang ở trong giai đoạn gay go nhất, nhưng hy vọng hòa-bình vẫn không phải là một viễn-tượng quá xa xăm.

Phong-trào tự do-hóa đang bùng mạnh tại các quốc-gia Cộng-sản.

Từ đầu năm tới giờ, phong trào tự-do-hóa đã bùng lên tại Đông-Âu.⁽¹⁾ Từ vài tuần nay, phong trào này lại càng bùng trưởng mạnh mẽ hơn. 12 năm sau khi dân Ba-Lan nổi loạn ở Poznan và dân Hung-gia-Lợi nổi loạn ở Budapest, người

(1) Xin xem Bách-khoa số 267 - 268 ngày 15-2 và 1-3-1968.

ta lại thấy dân chúng nổi loạn tại Ba-lan và Tiệp-khắc.

Cũng như lần trước, các cuộc nội loạn này đều bắt nguồn từ thái-độ độc-lập của các quốc-gia cộng-sản đối với Nga-sô, dân chúng tại các quốc-gia chư-hầu lợi dụng thời cơ để nổi dậy đòi tự-do.

Ngay từ năm 1967, chính quyền cộng-sản Lỗ-ma-ni đã có một chính-sách cứng rắn đối với Nga. Chính-phủ Lỗ đã nhiều lần từ chối không chịu ủng hộ quan-điểm của Nga. Sau khi chiến tranh Trung-Đông bùng nổ vào tháng 6 năm ngoái, một hội-nghị các chính-phủ cộng-sản Âu-châu được triệu tập để lên án Do-thái. Tại hội-nghị này, Lỗ-ma-Ni đã mạnh dạn từ chối không theo đường lối chung của phe cộng-sản. Hơn nữa, Lỗ-ma-Ni còn duy trì liên lạc ngoại giao với Do-Thái, trong khi các quốc-gia cộng-sản khác quyết-định đoạn-giao với Do-Thái. Ngoài ra Lỗ-ma-Ni còn tái lập ngoại giao với Tây-Đức. Sau cùng Lỗ cũng không chấp thuận đề nghị của Nga triệu tập đại-hội các đảng Cộng-sản thế giới nhằm lên án Trung-Cộng. Thái độ của Lỗ đã khuyến khích ý-hướng tự do tại nhiều nước Cộng-sản khác. Đầu năm nay ông Novotny Chủ-tịch Đảng Cộng-sản Tiệp-khắc, có khuynh hướng độc-tài, bị loại khỏi chức-vụ Chủ-tịch Đảng. Ông Dubcek thuộc khuynh hướng tự-do lên thay thế. Bị mất chức-vụ chủ-tịch Đảng, ông Novotny vẫn còn nắm chức vụ Tổng-thống, vì vậy ông cố lật ngược thế cờ để lấy lại quyền-hành. Một cuộc đảo-chính quân-sự có mục-đích trả lại quyền-hành cho Novotny được tổ-chức và bị thất bại. Ngay sau đó Tướng Sejna, một nhân-vật quan-trọng của Bộ Quốc-phòng Tiệp-khắc và đồng thời là nhân viên

của ban lãnh-đạo Quốc-Hội, trốn sang tị nạn tại Hoa-kỳ cùng với nhiều tài liệu mật.

Người ta cho rằng Tướng Sejna đã tổ-chức cuộc đảo chính quân-sự vừa qua để ủng hộ Novotny và chính Novotny đã đồng lõa để cho Sejna trốn khỏi Tiệp-khắc. Sinh viên và thợ thuyền nổi dậy đòi phanh phui những mờ ám của chính-thề. Novotny bị tố cáo là tham nhũng và độc tài. Tuy Novotny được chính phủ Nga hết sức bảo vệ, nhưng rồi vẫn bị loại. Những vụ lộn-xộn xảy ra tại Tiệp-khắc được coi như là phong trào chống Nga và hiện thời có thể quân đội Nga đang chuẩn bị để từ Đông Đức tiến sang đàn áp phong trào này.

Tại Ba-Lan phong trào tự-do-hóa cũng không kém mạnh mẽ. Hơn 10.000 sinh viên kéo về thủ-đô Varsovie biểu tình đòi tự do và đụng độ với cảnh sát, hô những khẩu hiệu ủng hộ phe tự-do ở Tiệp-khắc do Dubcek lãnh đạo. Phong trào đòi tự-do đã âm-ý cháy tại Ba-Lan từ lâu. Chính ông Gomulka, Thủ-tướng Ba-Lan năm 1956, cũng đã được phe tự-do đưa lên cầm quyền. 12 năm sau, chỉ vì ông Gomulka ra lệnh cấm không cho trình-diễn vở kịch Dziady có tính cách tuyên-truyền cho tự-do mà các sinh-viên nổi dậy.

Những vụ nội loạn tại Tiệp-Khắc và Ba-Lan tỏ rằng tại các nước cộng-sản, dân chúng càng ngày càng muốn ra khỏi vòng ảnh-hưởng của Nga. Vì vậy các lãnh-tụ tại điện Kremlin không khỏi lo ngại khi thấy các nước Nam-Tur, Trung-Cộng, Albanie, Lỗ-Ma-Ni đua nhau khước-từ bá-quyền của Nga. Nếu phong trào này lan rộng tới các quốc-gia cộng-sản khác thì Nga sẽ mất hết quyền lãnh-đạo khỏi cộng-sản. Vì vậy Nga cố gắng

đi tìm một công-thức để tổ-chức một khối cộng-sản quốc-tế đồng đều dưới quyền điều-khiển của mình. Cũng vì vậy mà từ năm 1963 tới nay, từ Kroutchev tới Kossiguine, các nhà lãnh-đạo Nga đều cố gắng để có thể tổ-chức được một Đại-hội các đảng cộng-sản quốc-tế, ngõ hầu loại bỏ Trung-Cộng ra khỏi hàng ngũ, tái lập trật tự trong khối cộng-sản. Sau cùng các đảng cộng-sản đã chấp-thuận tới dự hội-nghị tư-vấn tại Budapest ngày 26-2 vừa qua để chuẩn-bị việc triệu-tập Đại-hội Cộng-sản. Nhưng tại hội-nghị Budapest sự chia rẽ trong hàng ngũ các đảng cộng-sản lại được dịp phơi bày. Ông Souslov, đại-diện đảng Cộng-sản Nga, lên án Trung-Cộng đã quá đề ý tới quyền lợi quốc-gia vị-kỷ mà quên quyền lợi của toàn thể khối cộng-sản. Sau ông Souslov, các đại-diện đảng cộng-sản các nước khác lần lượt lên diễn-đàn bày tỏ sự trung-thành với Nga-sô, vì trung-thành với Nga tức là trung-thành với chính-thuyết của chủ-nghĩa Mac-Lê. Bất ngờ đại-diện đảng Cộng-sản Syrie, lại lên tiếng chỉ trích thái độ thân Do-thái của Lỗ-ma-Ni. Đại diện của

Lỗ là Niculescu-Mizil lập tức phản-kháng dữ dội và đòi đại-diện Syrie phải xin lỗi. Các phái đoàn phải hết sức dằn xếp và phái đoàn Syrie bằng lòng cho gạch xóa trên biên-bản buổi họp đoạn chỉ-trích Lỗ-ma-Ni. Nhưng Thủ-tướng Lỗ Nicolae Ceausescu đã ra chỉ-thị cho phái-đoàn Lỗ phải cứng rắn hơn nữa. Ông Niculescu-Mizil tuyên bố là đại diện Syrie xin lỗi chưa đủ, ông còn yêu cầu Hội-nghị biểu quyết cấm đảng cộng sản này không được quyền phê phán hành động của đảng cộng-sản khác... Lời yêu cầu của Lỗ bị bác bỏ và phái đoàn Lỗ tẩy chay hội-nghị ra về.

Sau khi Lỗ-ma-Ni bỏ phòng họp, phái đoàn các đảng còn lại thể theo lời yêu cầu của Nga đã chấp thuận triệu tập một Đại-hội Cộng-sản Quốc tế tại Maert-Khoa vào cuối năm nay. Tuy Nga có thắng lợi nhưng sự thắng lợi của Nga cũng chỉ làm nứt vỡ thêm khối cộng-sản vì Đại-hội cuối năm nay có nhóm họp cũng không ngoài mục-đích là chính thức loại trừ Trung-cộng mà thôi.

TỪ-TRÌ

* Sau 5 năm hoạt động, nhà xuất bản **THỜI MỚI** đã đưa bước đầu tiên của các tác giả: **THẾ-UYÊN, Y-UYÊN, VIÊN-LINH, TÚY-HỒNG, ĐỖ-TIẾN-ĐỨC, NGUYỄN-THỊ THỤY-VŨ, BÙI-KIM-ĐÌNH, NGUYỄN-XUÂN-HOÀNG**. Những tác giả ấy mỗi ngày mỗi tiến xa trên văn-nghệ.

* Sau 5 năm hoạt động, nhà xuất bản **THỜI MỚI** đã cho ra đời 50 tác phẩm. Không một tác phẩm nào trong số đó không vừa ý độc giả.

* Nhà xuất bản **THỜI MỚI** khởi đầu năm thứ 6 với tất cả thận trọng và tin tưởng.

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Bốn nạn nhân mới ở Nga-sô

Từ hôm thứ hai 8-1-68, tòa án Mạc-tư-Khoa đưa ra xử Alexandre Guinzbourg, nhà báo, Alexis Dobrovolsky, và cô Vera Lashkova, xuất bản, Yuri Galauskov, thư ký viện bảo tàng, về tội chống chính phủ cộng sản tại Nga.

Trong tòa án và ngoài tòa án đều sôi nổi.

Một thiếu tướng lục quân Nga, Grigorenko bị cảnh sát bắt giữ vì hành động phản đối phiên tòa.

Pavel Litvinov, cháu của cố ngoại trưởng Nga Litvinov cho rằng vụ án này là một vụ án phù thủy làm cho người ta liên tưởng tới thời kỳ Staline.

« Chữ viết » ? — Cóc cần

Nhà Gallimard phát hành một tập gồm những bài phỏng-vấn 14 tiểu-thuyết gia hạng siêu-đẳng của Âu-Mỹ : W. Faulkner, H. Miller, W. Styron, A. Moravia, E. Hemingway, F. Mauriac, B. Pasternack v.v...

Tập sách nhan đề là « *Romanciers au travail* ». Vậy nội-dung là tiết-lộ cái bí-mật sáng-tác của các bậc thiên-tài. Người ta muốn khám phá xem họ đã dùng những kỹ-thuật gì, nghiên-cứu ngôn-ngữ, « chữ viết » ra sao.

Tất cả đồ-g-thanh phủ-nhận lợi-ích của cuộc tìm-tòi nghiên-cứu ấy. W. Faulkner bảo : « Nếu thấy khoái về vấn-đề kỹ-thuật thì nhà văn nên đi làm thầy

mồ xê hay thợ nề ». F. Mauriac cắt nghĩa : « Cứ hễ khi nào khả-năng sáng-tác giảm suy thì mấy ông triết-gia lại có lợi. Thế-hệ hiện nay họ thông-minh một cách khủng-khiếp ».

Thế-hệ này xoi mói, kẻ vạch, làm tình làm tội « chữ viết » và không xây-dựng được sáng tác-phẩm nào ra hồn, xứng đáng với những công-trình của thế-hệ Mauriac, Hemingway v. v ..

Mấy ông cơ-cấu học chắc là giận các cụ lắm.

Nhà dân-tộc-học sẽ ngoáy tai chúng ta.

Một chủ-trương mới công-bố của nhà dân-tộc-học Nhật-bản, bác-sĩ Matsunaga, đang làm xôn xao giới chuyên-môn. Nguyên lỗi tai người ta vẫn tiết ra một chất vàng gọi là cứt ráy. Chất đó ở người này thì khô, ở người kia thì lỏng. Nay Matsunaga khám-phá rằng xét từng giống dân thì giống Mongoloïdes khô tai, giống Caucasiens lại ướt v. v... Cứ thế xét đến người Indiens ở Bắc-Mỹ lại thấy cứt ráy khô, nghĩa là thuộc giống dơi Mongoloïdes, đúng với một ức thuyết lâu nay.

Từ đây, trong cuộc hành-trình vào dân-tộc-học kẻ học-giả sẽ phải xếp vào va-li một chiếc ngoáy tai. Sau thế-hệ dân-tộc-học ngồi ghế bành (arm-chair anthropologist), và thế-hệ dân-tộc-học ngồi ghế xích-đầu (rocking-chair anthropologist)

lại tiến đến thể-hệ dân-tộc-học ngoáy tai. Thích nhỉ.

Đơn giản

Kỷ niệm 150 năm sinh nhật Henry David Thoreau, các nhà xuất bản Pháp in một loạt mấy tác phẩm của triết gia Hoa-kỳ quá cố. Đó là người đã mớm cho thánh Gandhi ở Ấn-độ thuyết tiêu cực đề kháng, tranh đấu bất bạo động. Cố nhiên đó cũng là người ảnh hưởng đến đường lối hoạt động của Martin-Luther King hiện nay.

Micheline Flak cho rằng H.D. Thoreau là tác giả được dịch nhiều nhất thế-kỷ 19. Có điều lạ là dịch ở đâu đâu chứ không có ở Pháp.

Cuốn « *La Désobéissance civile* » viết ra nhằm chống lại chính sách bất công đối với những người da đen tại Hoa kỳ, nhưng đến năm 1940 nó đã gợi ý cho một cuộc tranh đấu lý thú ở Đan-Mạch. Vua Christian phản đối sự đàn áp người Do-Thái, bị Đức-quốc-xã cấm cung trong dinh, viện cớ là nhà vua mắc « bệnh ». Người ta bèn in cuốn « *La désobéissance civile* » rải khắp nơi như truyền đơn. Và dân chúng Đan-Mạch cứ hàng ngày kéo nhau hàng nghìn người mang hoa tràn vào chập ních cung điện để cầu chúc nhà vua mau lành bệnh. Can ngăn thế nào cũng không nổi. Giết? Xử tù những người mang hoa thăm bệnh ư? Vô lý! Rồi cuộc Đức phải trả tự-do cho nhà vua.

H.D. Thoreau sống trong căn lều tự mình dựng cất, hết sức giản dị, tự ý loại bỏ những nhu cầu không thực sự cần thiết: không ăn thịt, không uống trà, không uống cà phê, đắp rất ít chăn, dùng rất ít vật dụng, giao thiệp với rất ít người. Khẩu hiệu là: « Đơn giản ». Y hệt như Gandhi.

Người đơn giản chết vì bệnh lao năm 44 tuổi.

Tự do ở Hoa kỳ

Cuốn *Pax American* của Ronald Steel là một cuốn sách đang ăn khách ở Hoa-kỳ. Và đó là một tác phẩm chống lại chính sách đối ngoại của nhà nước Hoa kỳ hiện nay.

Hiện nay Hoa-kỳ có 700.000 quân đóng ở 30 quốc gia; đã tiêu tới 120 tỷ mỹ-kim để viện trợ và ký 42 hiệp-ước phòng thủ chung với hàng trăm nước v.v... thế mà chưa đạt được thành công mong muốn. Chắc chắn lý do là vì chưa tìm được một chính sách đối ngoại hay ho như chính sách của tác giả. Theo ý tác giả một nước Việt-nam thống nhất, mạnh, mà theo Cộng-sản, sẽ có thể chống lại sự bành trướng của đế-quốc Tàu (Cộng) hơn là một Việt-nam chống Cộng yếu!

Sách xứng đáng một giải thưởng Staline!

Sau Giáo - hoàng Piô XII đến lượt Winston Churchill.

Sau khi làm náo-động dư-luận thế-giới với vở kịch « Người Đại-diện Chúa » (1), bi-kịch-gia Đức Rolf Hochhuth lại làm dư-luận Âu-châu, nhất là tại Anh, phải xôn xao về vở kịch « Những người lính » với tựa tiếng Anh là (The Soldiers).

Trong vở kịch « Người Đại-diện Chúa » Hochhuth đã gay gắt đặt vấn-đề trách-nhiệm với đức Giáo-hoàng Piô XII về cái chết của hàng triệu dân Do-thái Âu-châu. Lần này, trong vở kịch « Những người lính », Hochhuth lại đặt vấn-đề lương-tâm và trách-nhiệm của kẻ cầm quyền đối với sinh-mạng của hàng triệu

(1) BKTĐ số 169 ngày 15-1-1967.

dân vô tội. Nhân-vật chính trong vở kịch và cũng là đối-tượng của vấn-đề Hochhuth đặt ra không phải ai khác ngoài Winston Churchill, một người đã được coi là vi-nhân của thế-giới tự-do và đệ nhất công-thần của triều-đình Anh trong kỳ đệ-nhi thế-chiến. Phỏng theo các dữ-kiện lịch-sử, Hochhuth đã tưởng-tượng ra tâm-trạng và thái-độ của Winston Churchill khi ra lệnh thả bom tàn sát các thành-phố Đức, khiến cho gần một triệu thường dân bị chết, và khi thỏa-thuận cho thủ-tiêu thủ-tướng lưu vong của Ba-lan là Sikorsky để làm-vừa lòng Nga. Vở kịch đã diễn-tả lúc Churchill thiết-lập

kế-hoạch oanh-tạc và lúc Churchill ra lệnh thủ-tiêu Sikorsky trong một chuyến máy bay tại Gibraltar.

Trong vở kịch, Hochhuth thực ra đã không kết tội Churchill về những quyết định đó, ông chỉ nói rằng đứng trên bình-diện quyền-lực đã có những lý-do, những sự-kiện, những lý-luận và ngay cả định-mệnh đã khiến cho Churchill phải quyết-định như vậy.

Vở kịch được ra mắt lần đầu tiên vào tháng 10 năm ngoái tại Berlin và đã gây sóng gió trong giới chính-trị và nghệ-thuật khi bị Ủy-ban kịch-nghệ Quốc-gia tại Anh cấm không cho trình-diễn tại Luân-đôn.

NHÂN MỘT BÀI SINH-HOẠT

Trên Bách-Khoa số 264 ra ngày 1-1-68, trong mục Sinh hoạt, khi tường thuật buổi hội-thảo về « Sứ mạng người cầm bút hôm nay », bạn Trần-Đại có ghi lại một câu do Ô. Nghiêm-xuân-Việt phát-biểu. Sau đó chúng tôi nhận được lá thư dưới đây của Nghiêm-xuân-Việt minh-định ý-kiến của ông hôm ấy để tránh mọi sự hiểu lầm đáng tiếc :

Saigon ngày 12 tháng 1 năm 1968

Kính gửi Ông Chủ Nhiệm Bách Khoa

số 160 đường Phan Đình Phùng Saigon

Thưa Ông Chủ Nhiệm,

Bách Khoa, số 264 tháng 1 năm 68, trang 77, có đăng sự phát biểu ý-kiến của tôi trong cuộc hội thảo về « Sứ mạng người cầm bút hôm nay », làm cho độc-giả có thể hiểu lầm là tôi phê bình tác phẩm của Bà Tùng Long khi tôi nói « độc-giả bị ăn cắp tiền bạc và thì giờ »... « và lại còn phải trông thấy những điều bỉ-ối nữa.»

Thực ra, tôi phê bình như vậy là đối với các sách khiêu dâm ca-ngợi hiện-sinh và thúc đẩy thanh niên truy lạc v.v., chứ tôi không nói Bà Tùng Long mà tôi rất kính nể. Và tôi cũng xin minh-định rằng tôi không chỉ trích một cá nhân nào và khi tôi phát biểu ý-kiến, tôi đã hai ba lần nói rõ là lời tôi nói đây không áp dụng cho những tác giả vừa kể tên ra trong cuộc hội-thảo.

Vậy tôi xin Ông đăng thơ này trong số Bách Khoa sắp ra, để cho khỏi có sự ngộ nhận.

Trân trọng cảm ơn Ông và xin kính chào Ông,

Nghiêm-xuân-Việt

số 136 B/C Lê Văn Duyệt — Saigon